

Truyện đọc

CẤP I

TẬP BỐN



Nhà xuất bản Giáo dục

ĐỖ QUANG LƯU — VÂN THANH

Truyện đọc CẤP I

Tập BỐN

thuongmaitruongxua.vn



Nhà xuất bản Giáo dục * 1988

<https://tieulun.hopto.org>

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp theo các tập Truyện đọc cấp I - Tập một (dùng cho HS các lớp 1-2), Tập hai (dùng cho HS lớp 3), Tập ba (dùng cho HS lớp 4) đã được xuất bản, lần này tập Truyện đọc cấp I - Tập bốn (dùng cho HS lớp 5) ra mắt nhằm hoàn chỉnh bộ Truyện đọc cấp I (4 tập) theo chủ trương của Nhà xuất bản Giáo dục.

Tập truyện này gồm 26 truyện đọc chọn lọc trong đó có một số truyện được chọn lại từ cuốn Kể chuyện lớp 5 xuất bản năm 1983 (sách dùng cho giáo viên trong tiết Kể chuyện hằng tuần). Điều đó sẽ tạo thuận lợi cho các em học sinh lớp 5 học tập các tiết kể chuyện ở lớp được tốt hơn. Song, mục đích của tập truyện này còn là hỗ trợ cho môn Tập đọc của các em theo chương trình nội khóa trên lớp; đồng thời bồi dưỡng năng lực đọc và cảm thụ văn học hằng mẹ để cho các em với chức năng một cuốn « sách đọc thêm » có tính chất ngoại khóa.

Trong tổng số 26 truyện chọn lọc trong tập sách này, ngoài 12 truyện đặc sắc của Việt Nam, còn có 14 truyện có giá trị của nước ngoài, bao gồm truyện của một số nước châu Âu (Liên Xô, Anh, Pháp, Đức), một số nước châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập, Kô-me), châu Phi (Man-gat-so), Châu Mỹ (Mê-hi-cô). Về thể loại thì chủ yếu là truyện cổ tích (16 truyện), ngoài ra có 3 truyện cười dân gian, 2 truyện ngụ ngôn, 3 truyện kể về danh nhân và 2 truyện kể hiện đại (truyện chống Mỹ).

Mong rằng cùng với 3 tập Truyện đọc đã ra mắt trước đây, tập truyện này sẽ đem lại cho các em học sinh cấp I nhiều điều bổ ích và li thú đáp ứng mong mỏi của các em.

Tháng 11-1987

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Biên soạn : ĐỖ QUANG LƯU
VĂN THANH
Biên tập : PHẠM BÍCH HỢP
Biên tập mỹ thuật : PHẠM THỊ HÀ
Sửa bản in : TRƯƠNG TIÊU DUNG

1. TẮM CÁM

Ngày xưa, ở một gia đình kia có hai chị em cùng cha khác mẹ tên là Tắm và Cắm. Mẹ Tắm mất sớm, sau đó ít năm cha Tắm cũng qua đời. Tắm ở với dì ghẻ là mẹ của Cắm.

Một hôm, mẹ Cắm đưa cho Tắm và Cắm mỗi đứa một cái giỏ, sai đi xúc tép, đứa nào xúc được nhiều thì được thưởng yếm đỏ. Tắm vốn chăm chỉ lại sợ dì mắng nên mài miết suốt buổi xúc được đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cắm, vốn được mẹ nuông chiều, chỉ ham chơi nên chẳng xúc được gì cả. Sợ chị được yếm đỏ, Cắm bèn bảo chị :

« Chị Tắm ơi, chị Tắm
Đầu chị lấm
Chị hụp cho sâu ⁽¹⁾
Kéo về mẹ mắng »

Tắm nghe lời em hụp xuống thì cái Cắm trút hết tôm tép của Tắm vào giỏ mình, rồi chạy về nhà. Khi Tắm lên bờ, dòm vào giỏ chỉ thấy giỏ không bèn bùng mặt khóc nức nở. Bụt hiện lên hỏi : « Làm sao con khóc ? ». Tắm vừa khóc vừa kể lại sự tình. Bụt bảo xem lại giỏ xem có còn gì không. Tắm dòm lại giỏ thì quả nhiên thấy còn một con cá bống ⁽²⁾. Bụt dặn đem về thả xuống giếng, mỗi bữa bớt một bát cơm đem cho Bống. Lúc cho Bống ăn thì gọi :

« Bống bống, bang bang
Lên ăn cơm vàng, cơm bạc nhà ta
Chớ ăn cơm hẩm ⁽³⁾ cháo hoa ⁽⁴⁾ nhà người »

Tắm về làm đúng theo lời Bụt dặn, mỗi bữa cơm bớt đúng một bát, giấu đi đem cho Bống. Mỗi lần nghe Tắm gọi,

Bống lại ngoi lên mặt nước, ăn hết cơm rồi mới lặn xuống. Vì thế Bống lớn rất mau.

Mẹ con cái Cám thấy sau bữa cơm nào Tấm cũng ra giếng bên sinh nghi. Mẹ đi ghé bên sai con đi rình. Cám ra giếng nấp rình, rồi về kể lại cho mẹ nghe.

Sáng hôm sau, mẹ cái Cám chợt bảo Tấm :

« Con ơi, con !

Con đi chăn trâu thì chăn đồng xa
Chớ chăn đồng nhà, làng bắt mất trâu ».

Tấm vâng lời đi ghé cho trâu đi ăn đồng xa. Ở nhà, hai mẹ con cái Cám mang một bát cơm ra giếng, cũng gọi Bống như Tấm đã gọi. Bống nổi lên mặt nước thì hai mẹ con nó vội bắt lấy đem về làm thịt ăn, rồi vùi xương Bống vào trong đồng tro bếp.

Đến chiều Tấm dắt trâu về, đem cơm ra gọi Bống thì không thấy Bống đâu nữa, mà chỉ thấy một cục máu nổi lên trên mặt giếng. Tấm bụng mặt khóc òa lên. Bụt lại hiện ra hỏi : « Làm sao con khóc ? » Tấm kể rõ chuyện. Bụt bảo : « Con về nhà nhặt lấy xương Bống, kiếm bốn cái lọ bỏ vào rồi đem chôn ở bốn chân giường con nằm ».

Về nhà, Tấm tìm mãi không thấy xương Bống đâu cả. Con gà đang kiếm ăn quanh nhà thấy thế bống kêu :

« Cục ta cục tác

Cho ta nằm thóc

Ta bới xương cho ».

Tấm bới cho gà nằm thóc. Gà bới đồng tro trong bếp tìm thấy xương Bống ; Tấm nhặt lấy bỏ vào bốn cái lọ đem chôn ở bốn chân giường.

Ít lâu sau, có tin nhà vua mở hội. Hai mẹ con cái Cám sắm sửa quần áo đẹp để đi xem. Đến đúng ngày hội, mẹ đi ghé lấy một đấu thóc đem trộn với một đấu gạo, rồi bắt Tấm phải nhặt cho hết thóc mới được đi xem hội.

Hai mẹ con cái Cám dắt nhau đi rồi, Tấm tủi thân, ngồi khóc hu hu. Bụt lại hiện lên, hỏi : « Làm sao con khóc ? ».

Tấm kể lẽ nỗi khổ của mình, Bụt nghe xong bảo Tấm : « Đồ ta sai một đàn chim sẽ xuống nhặt thóc giúp con ». Chỉ một lát sau đàn chim đã nhặt xong. Nhưng Tấm lại khóc. Bụt lại hỏi : « Làm sao con khóc ? ». Tấm thưa : « Con không có quần áo đẹp để đi xem hội ». Bụt bảo : « Con đi đào những cái lọ đã chôn ngày trước ở bốn chân giường lên ! ».

Tấm đào lên thì thấy bốn chiếc lọ chứa đầy quần áo đẹp, một đôi giày nhung thêu kim tuyến óng ánh, lại có cả một con ngựa hồng yên cương (*) đủ bộ. Tấm thay bộ quần áo đẹp vào rồi cưỡi ngựa đi xem hội, trông nàng xinh đẹp tuyệt trần.

Lúc đi qua một cái cầu, Tấm vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước, không sao lấy lên được. Một lát sau, nhà vua cười voi ra dự hội. Khi đi ngang qua cầu, con voi bỗng đứng lại, rống ầm lên, không chịu đi nữa. Vua thấy sự lạ, sai lính thử lặn xuống nước mò xem thì tìm thấy một chiếc giày đàn bà xinh xắn lạ thường.

Vua tần ngần ngắm nghía mãi chiếc giày, rồi truyền lệnh kẻ trong đem đàn bà, con gái đi xem hội, ai hôm chân vừa chiếc giày thì được nhà vua lấy làm vợ. Đàn bà, con gái trong đám hội lập tức chen nhau đến ướm thử. Cả mẹ con cái Cám cũng đến ướm giày, nhưng không chân ai vừa cả. Tới lượt Tấm đến ướm, mẹ đi ghé trông thấy liền bấu mọi mắng :

« Chuông khánh (*) còn chẳng ăn ai,

Nữa là mảnh chính mảnh chai bõ vào ».

Nhưng chân Tấm ướm vừa vặn như khuôn đúc. Chiếc giày mà quân lính nhà vua mò được dưới đáy nước với chiếc giày Tấm còn giữ trong tay vừa khéo một đôi tuyệt đẹp. Nhà vua cho đem kiệu rước ngay Tấm về cung.

Đến ngày giỗ bố, Tấm về nhà ăn giỗ. Mẹ đi ghé bảo Tấm trèo lên cây cau cắt lấy một ché cau (?) cúng bố. Lúc Tấm leo lên đến ngọn cây thì mẹ ta chặt luôn gốc cây. Tấm thấy cây rung liền hỏi : « Đi làm gì ở dưới ấy thế ? », mẹ bèn trả lời : « Đi đuổi kiến cho nó khỏi đốt con đấy mà ! » Cây cau đổ,

Tấm ngã lộn cổ xuống ao chết ! Mẹ cái Cám lấy hết quần áo của Tấm mặc cho con, rồi đưa con gái vào cung làm vợ vua thay cho Tấm.

Tấm hóa thành chim vàng anh⁽⁸⁾ cũng bay trở về cung vua. Thấy Cám đang phơi áo cho vua, chim bảo :

« Giặt áo chồng tao
Thì giặt cho sạch
Phơi áo chồng tao
Phơi lao phơi sào
Chớ phơi bờ rào
Rách áo chồng tao ».

Vua nghe chim nói lấy làm lạ, bèn phán :

« Vàng anh vàng anh
Có phải vợ anh
Chui vào tay áo »

Vua vừa nói dứt lời, chim vàng anh chui tọt ngay vào tay áo vua. Vua bèn cho chim vào lồng sơn son thiếp vàng⁽⁹⁾ rồi suốt ngày đêm vui chơi với chim. Cám thấy vậy, vội về mách mẹ. Mẹ nó xui bắt chim làm thịt ăn. Cám nghe lời mẹ, sai lính giết chim ăn thịt, rồi vớt lông ra vùi. Chẳng bao lâu lông chim hóa ra hai cây xoan đào, cành lá xum xuê, tươi tốt. Vua thấy hai cây xoan đào rất đẹp, liền sai mắc võng vào cây để nằm hóng mát suốt ngày. Cám lại về mách mẹ. Mẹ nó xui chặt hai cây xoan đào đi, lấy gỗ đóng khung cử. Nhưng lúc ngồi dệt vải, Cám lại nghe thấy tiếng khung cử rủa :

« Kêu cà kêu kệt
Lấy tranh chồng chị
Chị khoét mắt ra ».

Cám lại về mách mẹ. Mẹ nó xui đốt khung cử đi, rồi đem tro đổ ra bờ đường. Cám làm theo lời mẹ nó. Chẳng bao lâu, từ đồng tro bên đường mọc lên một cây thị lớn chỉ có một quả rất to. Có bà lão bán hàng nước đi qua thấy quả thị vừa to vừa đẹp bèn bảo :

« Thị ơi, thị !
Thị rụng bị bà
Bà để bà ngủi
Chớ bà không ăn ».

Bà lão nói dứt lời thì quả thị rụng ngay vào giữa bị, bà ta bèn đem về nhà. Từ đó ngày nào đi chợ về, bà lão cũng thấy nhà cửa ngăn nắp, sạch sẽ, cơm nước đã sẵn sàng, thơm tất, nên rất lấy làm ngạc nhiên. Một bữa, giả vờ đi chợ, đến nửa đường, bà quay về, rón rén nhòm qua khe cửa thì thấy một cô tiên rất xinh đẹp đang nấu nướng chuẩn bị bữa ăn. Bất thình lình, bà lão chạy xộc vào ôm chầm lấy cô tiên và nhặt chiếc vỏ thị ở xó buồng xé vụn ngay đi. Từ đó, hai người ở với nhau, thương yêu nhau như mẹ con.

Một hôm, vua đi qua, ghé vào ngồi nghỉ ở quán hàng nước của bà lão. Bà lão rót nước, mời trầu nhà vua. Thấy miếng trầu têm⁽¹⁰⁾ cánh phượng rất khéo, giống hệt như miếng trầu Tấm têm ngày trước, vua bèn hỏi : « Trầu này ai têm mà khéo vậy ? Có thể cho trầu xem mặt được không ? ». Bà lão liền gọi Tấm ra. Vua nhận ngay ra vợ mình và đón luôn Tấm về cung.

Cám thấy Tấm vẫn còn sống mà nước da ngày càng trắng trẻo, tươi đẹp bội phần, bèn bần khoản hỏi :

« Chị Tấm ơi, chị Tấm !
Chị dầm sương dãi nắng
Sao da chị vẫn trắng ? »

Tấm đáp : « Có muốn trắng, để chị bày cách cho ». Cám hí hửng bằng lòng ngay. Cám giận đưa em cùng cha khác mẹ bắt nhân bất nghĩa⁽¹¹⁾ đã bốn lần hãm hại⁽¹²⁾ mình hòng cướp chồng mình, Tấm sai đào một cái hố sâu, nấu một nồi nước sôi, bảo Cám xuống ngồi ở dưới hố, rồi đem nước sôi dội xuống hố. Cám chết nhăn răng. Tấm cho bỏ xác Cám vào trong chĩnh⁽¹³⁾ để làm mắm, rồi đem biếu mẹ di ghê. Bữa nào mẹ ta ăn cũng khen ngon. Có con quạ đậu trên mái nhà nghe thấy thế liền kêu lên :



« Ngon gì mà ngon
Mẹ ăn thịt con
Có còn xin miếng ».

Mụ đi ghê diên tiết vác sào ra xua đuổi con qua đi. Nhưng đến khi ăn gần hết chĩnh mấm, thấy ở đáy chĩnh có cái đầu lâu (14) của con gái mình thực, thì mụ bỗng lăn đùng ra chết thẳng cẳng. Thế là cả hai mẹ con mụ đi ghê độc ác không còn sống để hãm hại Tấm được nữa.

QUÝ THANH kể

(Theo truyện cổ tích Việt Nam)

A/ Chú giải :

1. *Hụp* : ngụp đầu xuống nước ; tự dìm mình xuống dưới mặt nước (trong lúc tắm ở ao, sông, hồ...). 2. *Cá bống* : loài cá nhỏ ở nước ngọt, mình tròn, thịt chắc. 3. *Cơm hãm* : cơm nấu bằng gạo đã biến màu, biến chất vì đã hư hỏng. 4. *Cháo hoa* : cháo nấu toàn bằng gạo (không có thức gì khác như đậu xanh, đậu đen, thịt, cá...). 5. *Yên cương* : yên là đồ đặt trên lưng ngựa để ngồi ; cương là dây bằng da buộc vào ngựa để điều khiển ngựa. 6. *Chuông khánh* : cái chuông và cái khánh là hai thứ nhạc cụ cổ bằng kim loại, đánh thành tiếng kêu trong và vang. 7. *Chè cau* : nhánh của một buồng cau. 8. *Vàng anh* : loài chim to bằng con sáo, lông vàng, hót hay (còn gọi là : hoàng anh hay hoàng oanh). 9. *Sơn son thiếp vàng* : chỉ đồ đạc sơn màu đỏ, bên ngoài có dát vàng mỏng, trông bóng anh rất đẹp. 10. *Tằm trâu* : (trâu gồm miếng cau, lá trâu không, miếng vỏ và vôi đem nhai với nhau rồi nhả bã, theo thói quen ăn trâu và mời trâu tiếp khách ngày xưa) khi tằm trâu người ta quết vôi vào lá trâu không, cuộn lại rồi cài chặt lại bằng cuống lá. 11. *Bất nhân bất nghĩa* : độc ác và không có tình nghĩa gì cả. 12. *Hãm hại* : làm hại đến tính mạng. 13. *Chĩnh* : thứ đồ gốm (làm bằng đất sét nung) nhỏ hơn chum, cổ dài và cao. 14. *Đầu lâu* : sọ người chết.

B/ Ý nghĩa :

« Tam Cám » là một truyện cổ tích thể sự vào loại tiêu biểu và đặc sắc nhất trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Cũng như phần lớn các truyện cổ tích thể sự khác, « Tam Cám » đề cao công lí đồng thời là điều mong ước thiết tha nhất của nhân dân lao động thời xưa trong mối quan hệ xã hội là : « Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác ». Tấm là cô gái hiền lành, thật thà và chăm chỉ phải được hưởng hạnh phúc ; mẹ con cái Cám gian ác, hiểm độc như loài rắn độc phải bị trừng phạt đích đáng :

« Những loài bặc ác tính ma
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương ».

(Truyện Kiều)

2. BÀ MẸ VÀ ĐỨA CON

Ngày xưa, có một người đàn bà trẻ không may góa chồng sớm. Khi chồng qua đời, bà ta mới tròn hai mươi tuổi và đang có mang sắp đến ngày sinh nở. Sau bà sinh được một đứa con trai rất kháu khỉnh. Được mẹ sớm hôm chăm bẵm, đứa bé hay ăn chóng lớn. Và càng lớn lên chú càng tỏ ra là một đứa trẻ thông minh, linh lợi.

Còn bà mẹ trẻ hiền hậu, nết na, thương con sinh ra không biết mặt bố, nên đành chịu sống âm thầm một thân một mình để tần tảo⁽¹⁾ làm ăn nuôi con, không lúc nào nghĩ tới việc đi bước nữa⁽²⁾.

Được mẹ dồn tất cả tấm lòng yêu thương cho mình, càng lớn lên cậu bé càng sinh ra thói ích kỷ và tính kiêu căng. Trong nhà chỉ có hai mẹ con thì cậu ta là nhất, muốn gì được nấy, mẹ đều chiều chuộng. Ra đường chơi với chúng bạn, vốn tính nết hung hăng, táo tợn nên cậu ta dần dần trở thành tay « chúa trùm » không đứa trẻ nào dám đối chọi lại.

Cũng vì thế, cậu bé chẳng chịu học hành, chỉ lêu lổng chơi bời : hết đánh khăng⁽³⁾, đá cầu, lại thả diều, bầy chim, hoặc kết bè kết đảng gây sự đánh nhau. Bà mẹ lo lắng, buồn phiền, nhưng khuyên bảo con mãi cũng chỉ như nước đổ lá khoai, cậu bé vẫn chừng nào tật nấy.

Năm, tháng trôi qua, thấm thoát cậu bé đã trở thành một thanh niên khôi ngô, cứng cáp, nhưng vẫn lêu lổng chơi bời, chẳng chịu học hành, làm ăn gì cả. Suốt ngày đêm, anh ta chỉ đàn đúm với bè bạn để miệt mài với quân bài là bạc hoặc với trò chơi gà chọi ăn tiền.

Cho đến khi bà mẹ lo cưới được vợ cho con, những tưởng có đôi có lứa, vợ chồng khuyên bảo nhau, cái tính cái nết của đứa con sẽ đổi thay, ai ngờ anh ta càng đồ đốn ra thật là tệ hại. Coi mẹ đã như một cụ già, nay anh ta đối xử với vợ cũng chẳng khác gì như đứa ở con đòi. Hai mẹ con — mẹ chồng và nàng dâu — từ gà gáy đến đêm khuya luôn chân luôn tay, hết xay thóc, giã gạo, cuốc xới vườn trước vườn

sau, lại kéo sợi dệt vải để đem ra chợ bán mới đủ nuôi ba miệng ăn và cung phụng tiền bạc cho anh con trai lao đầu vào ăn chơi nhất là cái thú chơi gà chọi.

Đối với anh ta ở trên đời dường như không có cái gì quý giá hơn những đôi gà chọi anh ta đã ra công nuôi vỗ, rèn cặp công phu hết đôi này đến đôi khác. Chẳng thế mà đôi gà của anh ta đã trở thành đôi gà chọi cứng nhất tổng⁽⁴⁾ nhất huyện, và anh ta đang hi vọng đem đi thi đấu, đôi gà ấy sẽ cứng nhất trong cả xứ cũng nên.

Một hôm, trong khi anh con trai sang làng bên ăn giỗ ở nhà bạn, bà mẹ gánh rau đi chợ bán, chị vợ ở nhà lo sàng sảy cho xong vài đấu gạo. Chị đang mãi mê ngồi sàng gạo ở đầu hè thì đôi gà chọi của anh chồng bị xồng chuồng bổng từ ngoài sân chạy xô cả vào nia gạo để mổ. Chị xuyt xuyt đuổi chúng ra xa. Nhưng bị xua khỏi nia gạo mấy lần, chúng lại sa vào thùng gạo đầy ắp để gần đấy mổ lấy mổ để. Bực mình, chị cầm luôn chiếc guốc mộc lia mạnh về phía hai con gà cho chúng sợ. Không may, chiếc guốc va trúng sọ con gà lớn. Nó lao đảo quay quắt được hai ba vòng thì lăn kềnh ra giấy luôn mấy giấy. Chị hoảng hốt chạy lại thì con gà đã nằm thẳng cứng. Không để đâu cho hết nổi khiếp sợ, chị kêu trời lên rồi ôm luôn con gà chết vào lòng mà hu hu ngồi khóc ở đầu hè, mặt cắt không còn giọt máu.

Vừa lúc đó, bà mẹ chồng đi chợ về. Nghe con dâu khóc lóc kể lẽ chuyện không may ném chết con gà, bà mẹ cũng rụng rời cả chân tay. Nhưng rồi bà cũng cố trấn tĩnh để lại an ủi con dâu :

— Thôi, nín đi con ời ! Người là vàng, của là ngài⁽⁵⁾, con gà đối với chồng con quý thật đấy, nhưng vật thử có đáng là bao, cứ để mẹ liệu cách nhận với nó cho, con ạ !

Chị con dâu đang thồn thức giọt ngắn giọt dài, vội giấy này lên :

— Mẹ ời mẹ, mẹ mà nhận thì chồng con sẽ làm tình làm tội mẹ chưa biết đến bao giờ ! Mẹ ạ !...

Bà mẹ kéo vạt áo lau nước mắt cho con dần rồi lắc đầu, về mặt đầy thương xót :

— Con ơi con ! Con mà nhận tội ném chết gà của nó thì nó chôn sống con mất ! Cứ để một mình mẹ lo liệu với nó thôi ! Nó có đã tâm giết vợ nó thì giết chứ không giết được mẹ để ra nó dần, con đừng lo !...

Buổi chiều hôm ấy, anh con trai đi ăn giỗ về đến nhà, mặt còn đỏ gay, hơi rượu nồng nặc. Việc đầu tiên hấn sốt sắng lo là ra thăm ngay đôi gà chọi. Hấn giắt hấn người, mặt đang đỏ như gấc bỗng xám ngoét lại khi thấy chỉ có một con gà đang mổ thóc, còn con lớn chỉ là cái xác chết đứng tự bao giờ. Hấn gầm ngay lên như con cọp dữ bị thương :

— Trời ơi ! Ở nhà đứa nào đánh chết con gà của ông đây ? Đứa nào ? Đứa nào ??...

Và như hồ dơi vô mồi, hấn xông ngay tới chỗ mẹ và vợ hấn đang cúi húi làm gạo, túm tóc vợ giật ngược lên, vừa tát lấy tát để vừa tiếp tục gầm lên :

— Làm sao mày ở nhà để con gà của ông chết ? Làm sao ? Mày phải đền mạng cho con gà của ông ! Đã nghe chưa ? Ông cắt tiết mày để tế con gà của ông ngay lập tức !

Thế rồi cứ thế một tay hấn túm tóc vợ, một tay hấn kéo xềnh xệch chị ta lại trói ngay vào chiếc cột ở đầu hè.

Chị vợ khốn khổ sợ chết ngất đi không kêu không khóc được một tiếng. Còn bà mẹ thì bủn rủn cả chân tay, chỉ còn biết lăn xả vào ôm lấy chân thằng con trai mà van lạy :

— Tôi van anh, tôi lạy anh ! Anh buông tha cho vợ anh ! Nó không có tội tình gì cả !... Trời ơi, nó đang bụng mang dạ chửa !...

Như con trâu điên, hấn dang mạnh chân hất bà mẹ ngã ngửa ra hè, rồi phăm phăm chạy vào bếp vác con dao bầu nhọn hoắt xông lại chỗ đầu hè.

Bà mẹ kinh hoảng vụt đứng ngay đây dang hai cánh tay ra chặn hấn lại để bảo vệ cho con dâu, và lần đầu tiên trong đời bà quát mắng sa sả vào mặt thằng con trai đốn mạt :

— Mày giết mẹ mày đây này ! Tao ném chết con gà của mày đây, chứ không phải vợ mày đâu ! Mày giết tao đi ! Đồ bất hiếu bất mục (°) ! Đồ vô phúc !...

Thằng con trai đứng sững lại... Lần đầu tiên trong đời nó bị mẹ nó quát mắng thậm tệ ! Đó là điều bất ngờ thứ nhất. Điều bất ngờ thứ hai là : Chính mẹ nó đã « đang tâm » ném chết con gà quý nhất đời của nó ư ? Nó quắc đôi mắt đỏ ngầu ngó thẳng vào mặt mẹ nó, gầm lên dữ dội hơn :

— À, thì ra chính bà ném chết con gà của tôi à ? Chính bà à ? Có thực không ?...

Bà mẹ trừng trừng nhìn thằng con trai, quát lên :

— Phải ! Chính tay tao ném chết nó đây ! Bây giờ mày muốn tao phải đền mạng cho nó thì mày giết mẹ mày đi ! Đồ bất nhân bất nghĩa...

Thế là thằng con đốn kiếp rít ngay lên một thôi một hồi :

— À, bà lại nỏ mồm à ? Bà dám cả gan ném chết con gà của tôi thì bà phải đền mạng cho nó, nghe chưa ! Tôi không dung thứ cho bà đâu ! Được, bà có giỏi giăng (°) gì thì giỏi giăng đi, rồi bà phải đền mạng cho nó ngay lập tức !...

Nói xong, hấn hoa con dao bầu lên ngay trước mặt người đã đẻ ra nó. Bà mẹ vô cùng kinh ngạc trước cái dã tâm vô đạo đến như vậy của thằng con đại bất hiếu đối với mình ! Cay đắng chết lặng đi trong lòng, bà chợt cười gằn :

— Được lắm ! Tao sẵn sàng chết bằng chính lưỡi dao của mày đây, con ạ ! Đời tao thế là hết nợ với mày rồi ! Tao chẳng có gì để giới giăng cả !...

Thằng con thủ vật liền giơ luôn con dao ra lạnh lùng báo với mẹ nó :

— Nếu không muốn giới giăng gì nữa thì bà hãy đưa cái cổ của bà ra đây cho tôi ! Tôi cần phải lấy máu của chính bà để rửa hận (°) cho con gà chết oan của tôi, bà đã nghe ra chưa ?

Bà mẹ điềm nhiên đảo mắt nhìn quanh sân trước, vờn vau một lượt rồi chậm rãi nói :



Bà mẹ và đứa con.

— Được! May hãy chờ tao một lát... Tao ra vườn sau ăn mủi bưởi cho mát ruột mát gan tao đã, rồi tao có chết cũng cam lòng!

Thằng con bất hiểu liền ãy luôn mẹ ra phía sân, rồi gần giọng nói:

— Được! Tôi cho bà ra vườn mà ăn mủi bưởi cuối cùng của bà đi! Rồi bà vào mà đèn mạng cho con gà của tôi!

Bà mẹ lặng lẽ đi ra phía sau nhà ngó lại mảnh vườn và cây bưởi đào quý. Cây bưởi đào này do chính chồng bà đã xin được giống quý ở làng trên tự tay đem trồng ở góc vườn này đúng vào năm ông mất, cũng là năm bà sinh ra thằng con trai duy nhất và suốt đời ở vậy để nuôi nó cho tới ngày nay. Thế mà bây giờ thằng con khốn kiếp ấy đang đứng giữa sân vùng lười dao bầu sắc ngọt lên chém thử không khi để chờ bà...

Giữa lúc đó, gió bỗng thổi mạnh, mây đen kéo ập đến, bầu trời tối sầm ngay lại. Con dông ở đâu ùn ùn cuốn tới dữ dội làm nghiêng ngả cả đất trời. Sấm chớp nổi lên đùng đùng giận dữ như muốn phá vỡ cả không trung. Một ánh chớp chợt lóe lên như lửa cháy rạch ngang bầu trời kèm theo một tiếng sét khủng khiếp như trời long đất lở...

Trong phút chốc, trời lại quang mây lại tạnh. Cảnh vật trở lại yên ắng bình thường... Và thằng con trai đại bất hiếu muốn giết cả mẹ để ra nó đã nằm chết cứng queo ở giữa sân như một con chó bị thui chín!...

Có ai ngờ câu chuyện lại kết thúc chóng vánh như vậy. Chỉ biết rằng do câu chuyện này mà từ đó tục ngữ ta đã có câu:

« Trời đánh thánh vật ^(*) những quân bất hiếu ».

ĐỖ QUANG LƯU kể

(Phỏng theo truyện cổ tích Việt Nam)

A/ Chú giải:

1. Tàn tảo: (người đàn bà) chăm chỉ làm lụng thu và thu vén (để lo cho cuộc sống gia đình).
2. Đi bước nữa: (nói về người đàn bà) lấy chồng lần thứ hai (sau khi chồng cũ qua đời).
3. Khăng: trò chơi của trẻ con dùng một đoạn tre dài đánh mạnh vào một đoạn tre ngắn cho văng ra thật xa.
4. Tổng: đơn vị hành chính thời xưa gồm nhiều xã; tổng

là đơn vị cấp trên xã và cấp dưới huyện). 5. Người là vàng, cửa là ngãi: (ngãi = nghĩa) ý nói con người là quý nhất, của cải cũng là biểu hiện cái tình nghĩa ăn ở với nhau sao cho phải đạo. 6. Bất hiếu bất mục: nói về đứa con ăn ở tệ bạc trong gia đình (bất hiếu: bội bạc với cha mẹ —bất mục: đối xử tồi tệ với anh em chị em.). 7. Giối giăng (trời trăng): dẫn dắt lại người thân hoặc người còn sống trước khi qua đời. 8. Rửa hận: làm cho nổi oán hờn, căm giận người đi, tan đi. 9. Trời đánh thánh vật: quan niệm của người xưa cho rằng những người bị sét đánh chết hoặc tự nhiên lăn ra chết là do trời đánh hoặc thần thánh vật cho chết để trừng phạt tội lỗi của họ.

B/ Ý nghĩa:

1. Truyện « Bà mẹ và đứa con » được kể lại phỏng theo một cốt truyện cổ tích Việt Nam. Truyện nhằm khẳng định một quan niệm về đạo lý dân gian thời xưa: kẻ nào ăn ở bất nhân bất nghĩa với cha mẹ đã sinh ra mình, kẻ đó nhất định sẽ bị Trời Phật thần thánh trừng phạt đích đáng. Nội dung cụ thể của truyện cổ tích này cho ta thấy: một đứa con trai bất hiếu đã dám cầm dao định giết mẹ — người đã quang nắng để đàn sinh ra nó từ hòn máu đỏ và nuôi nấng nó lớn lên bằng dòng sữa của mình và mồ hôi nước mắt của cả cuộc đời mình — đứa con bất hiếu đó đã bị sét đánh chết! Tục ngữ ta có câu: « Trời đánh thánh vật những quân bất hiếu » chính là nhằm phản ánh tâm lý đạo đức đó của nhân dân ta xưa kia.

2. Bên cạnh ý nghĩa về đạo lý dân gian sâu sắc đó, truyện còn giới thiệu với chúng ta những nét tiêu biểu về hình ảnh một bà mẹ Việt Nam thời xưa: giàu đức hi sinh, suốt đời sống trong cảnh góa bụa cô đơn để tần tảo làm ăn nuôi cho con khôn lớn; mặt khác bà mẹ ấy cũng lại là một bà mẹ chồng rất mực hiền hậu, thương yêu con dâu như con đẻ, đứng cam che chở bảo vệ con dâu, kể cả bằng hành động cao quý sẵn sàng liều mình chết thay cho con dâu trước hành vi thù vật của đứa con trai bất hiếu của mình.

3. HỮU BẠC CỦA ÔNG GIÀ ĐỐT THAN

Ngày xưa có một ông già làm ăn rất chăm chỉ. Ruộng lúa của ông rất tốt. Làm xong lúa, ông lại lên rừng chặt củi đốt than để đem bán. Mỗi lần bán than, ông cất riêng vài hào để dành. Đến khi tuổi già, ông đã để dành được một hũ bạc⁽¹⁾. Tuy nhà làm ăn no đủ có tiền để dành, nhưng lúc

nhỏ ông cũng buồn vì cậu con trai chỉ thích chơi bời, lêu lổng⁽²⁾. Lúc còn bé, đứa con trai được mẹ nuông chiều, chỉ thích đi thả diều, đánh đáo. Khi lớn lên, anh ta cũng chỉ ở nhà vào lúc hai bữa cơm. Ông già đã khuyên bảo con rất nhiều lần. Mỗi bữa ăn ông răn con một lần, trước khi đi ngủ ông lại nhắc nhở thêm một lượt nhưng anh vẫn giữ nguyên lập trường.

Một lần bị ốm, ông liền gọi vợ vào và nói: « Tôi muốn trước khi nhắm mắt được trông thấy thằng con kiếm nổi tiền cơm. Tôi đã để dành được một hũ bạc nhưng không nói cho bà biết. Tôi muốn cho con. Nhưng cho nó bây giờ thì làm hại nó. Bà hãy bảo nó đi làm. Bao giờ tự tay nó kiếm được một ít bạc vụn về đây thì tôi cho nó hũ bạc ». Nghe chồng nói, người vợ ngậm ngùi, nhưng vẫn sợ con trai phải đi làm lụng vất vả. Bà liền dồn số tiền dành dụm được kín đáo đem cho con trai. Anh kia mang số tiền của mẹ cho đi chơi vài ngày, khi túi chỉ còn vài hào, anh mới trở về đưa cho bố. Ông lão liền cầm mấy hào bạc vứt xuống đất, Bà vợ tiếc của tái cả mặt, còn anh con trai thì thần nhiên nhìn đi chỗ khác.

— Tiền này không phải tự tay nó kiếm ra!

Ông lão chỉ nói gọn như vậy rồi vào giường nằm. Bây giờ, bà mẹ lại nói với con:

— Cha con sống lâu, khôn nhiều, không thể lừa được. Bây giờ mẹ cho con một ít tiền, con đi kiếm nơi nào làm ăn. Bao giờ làm được tiền hãy về. Cha mẹ đâu có sống đời⁽³⁾ để nuôi con mãi được.

Người con trai nhận tiền của mẹ cho. Nhưng lần này tiền ít lắm. Anh con trai cầm số tiền ít ỏi đó ra đi mới có mấy hôm đã hết sạch. Đói bụng, anh phải đi xin cơm ăn. Nhưng thấy anh khỏe mạnh nên không ai cho. Thấy giữa đồng có hai người đang tát nước, anh kia lần đến. Trông rá cơm hầm⁽⁴⁾ của hai người để trên bờ, anh ngửa tay xin ăn, nhưng hai người tát nước đáp:

— Rá com ấy là công tát nước cái đầm (5) này. Tát cạn đầm mới được bằng ấy com. Anh có muốn ăn thì vào đây tát với chúng tôi một lúc đã.

Đói quá, anh đành phải tát nước. Lúc đầu, anh ngã xiêu ngã vẹo, sau cũng tát được lưng gầu nước. Đến lúc ăn com, anh ta ngồi khóc. Anh đã biết muốn được bát com phải tốn bao nhiêu sức lực.

Tát xong đầm nước, anh vào làng tìm việc làm thuê. Một nhà thuê anh xay thóc và giã gạo. Xay hết một thùng thóc và giã trắng bốn cối gạo thì được trả công hai bát gạo. Công làm thì nhiều mà gạo được ít quá, anh chẳng dám ăn cả, mỗi ngày chỉ nấu một bát chia làm hai bữa. Xay giã thuê suốt ba tháng, anh để dành được chín mươi bát gạo. Anh đem gạo bán được một ít tiền mang về đưa cho cha.

Bảy giờ đã sang mùa đông, ông già càng yếu mệt. Một hôm, ông đang ngồi đốt lửa sưởi thì người con đưa tiền về. Tiện tay, ông ném luôn mấy hào bạc vào bếp lửa đang cháy. Anh con trai giật thót (6). Không kể lửa hồng, anh cho tay vào bếp, cào than, lấy mấy hào bạc ra. Ông già cười đến chảy nước mắt. Ông nắm tay con :

— Con ơi! Cha sung sướng lắm rồi! Bảy giờ cha đã tin con. Tiền đó chính tay con làm ra. Khi nào làm lưng vắt và mệt nhọc, người ta mới biết quý trọng đồng tiền của mình làm.

Ông già đưa hũ bạc cho con và bảo :

— Nếu con không chịu làm lưng, dù cha có cho con một trăm hũ bạc thế này cũng không đủ. Nay con đã biết lao động, tiền bạc của con sẽ mãi mãi có thừa. Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai bàn tay con đó.

Cổ tích Chăm
(X.T. kể)

A/ Chú giải :

1. Hũ : đồ dùng bằng sành thường để đựng chất lỏng. 2. Léo lẻo : (trẻ con) chơi bời la cà hết chỗ này đến chỗ nọ, không chịu học hành hoặc làm lưng gì. 3. Sống đời : ý nói sống mãi. 4. Com hằm : xem chú giải ở truyện số 1. 5. Đầm : vùng nước rộng và sâu (hồ) ở ngoài đồng. 6. Giật thót : ý nói giật mình đột ngột và chỉ trong nháy mắt (cảm thấy như thót tim lại).

B/ Ý nghĩa :

Truyện này được kể lại dựa theo một truyện cổ tích Chăm, mang dáng dấp của một truyện ngụ ngôn khá giản dị nhưng có ý nghĩa rất sâu sắc. Truyện ngụ ý khuyên răn con người ta ở đời, ngay từ tuổi mới lớn lên đã phải thực sự lao động để biết quý lao động và biết lấy lao động làm nguồn sinh sống và hạnh phúc cho bản thân mình. Truyện cũng ngụ ý khuyên nhủ các bậc cha mẹ về cách dạy dỗ con cái theo quan niệm trên.

4. CON GÁI NGƯỜI CHĂN CỪU

Có một ông vua nước Ba Tư (1) sinh được một hoàng tử. Hoàng tử này yêu cô con gái của một người chăn cừu và muốn lấy cô ta làm vợ. Nhà vua nói : « Cha là vua, con là con trai của cha, một ngày kia khi cha chết, con sẽ trở thành vua, thì làm sao con có thể lấy con gái của một người chăn cừu ? »
Chàng trai trả lời : « Thưa cha, nhưng con yêu cô gái này và muốn nàng sẽ là hoàng hậu của con ».

Nhà vua thấy không thể nào khuyên bảo được con từ bỏ cô gái nên vua bảo : « Cha sẽ truyền cho sứ giả (2) đi đến chỗ cô gái ». Sứ giả đến gặp cô gái và nói : « Hoàng tử yêu cô và muốn lấy cô làm vợ ». Cô gái liền hỏi : « Thế hoàng tử làm nghề gì ? »
Sứ giả ngạc nhiên : « Sao cơ ? Hoàng tử là con vua, chẳng không phải làm gì cả ». Cô gái nói : « Chàng phải học một nghề gì đó mới được ! » Thế rồi sứ giả trở về kinh đô và tâu lại với nhà vua những lời của cô gái.

Nhà vua nói với hoàng tử : « Con gái người chăn cừu muốn con học một nghề nào đó. Con có muốn lấy cô ta làm vợ nữa hay thôi ? »

Hoàng tử trả lời : « Thưa có, con sẽ học cách dệt thảm rơm ». Và người ta dạy cho hoàng tử cách dệt thảm rơm theo các kiểu mẫu, màu sắc và các hình hoa văn (3) trang trí. Vài ba ngày sau, chàng dệt được những tấm thảm rơm rất đẹp. Sứ giả bèn trở lại nhà cô gái chăn cừu, đưa cho cô xem những

tắm tắm này và nói rằng đây là những thứ mà hoàng tử đã làm ra.

Thế là cô gái đồng ý. Nàng trở thành vợ hoàng tử.

Một hôm, hoàng tử dạo chơi qua các phố của thành Bát-đa (4), chàng chợt thấy một quán ăn rất sạch sẽ và mát mẻ khiến chàng phải bước vào. Đây là sào huyết (5) của bọn kẻ cướp, thế là chúng đem hoàng tử nhốt vào một cái ngục lớn, nơi rất nhiều nhân vật có tiếng tăm của thành phố đang bị giam giữ.

Chúng đem giết những người béo tốt, còn nuôi những người gầy. Hoàng tử gầy nhất trong số những người bị bắt. Vì chẳng ai biết chàng là con vua Ba Tư nên chàng thoát chết. Chàng bảo với bọn cướp rằng chàng là một người thợ dệt thảm rơm, và trên thị trường (6) thảm rơm là một loại hàng hóa có giá trị. Bọn cướp bèn mang rơm lại cho chàng dệt. Trong ba ngày, chàng dệt xong ba cái thảm và bảo bọn cướp hãy mang đến cung điện bán cho vua, mỗi tấm nhà vua sẽ trả 100 đồng tiền vàng. Bọn cướp mang thảm đến bán cho vua. Nhà vua biết ngay rằng đó là của hoàng tử vừa mất tích. Nhà vua đưa thảm lại cho vợ hoàng tử. Nàng cảm tưởng tấm thảm lên, chăm chú ngắm nhìn những nét vẽ qua các kiểu mẫu dệt. Nàng đọc thấy một bức thư bằng chữ Ba Tư của chồng nàng. Nàng trình lên vua cha. Nhà vua liền phái nhiều quân lính đến chỗ bọn cướp. Họ đã cứu được tất cả những người bị bắt giữ và giết tất cả bọn cướp. Hoàng tử được an toàn trở về. Khi chàng gặp lại vợ, chàng quỳ xuống chân nàng và ôm lấy chân nàng. Chàng nói: « Cảm ơn em, người vợ yêu quý của ta, nhờ có nàng mà ta thoát chết ! »

Lược theo « Con gái người chăn cừu »
Truyện cổ tích Anh của Uylam Sarayan —
ĐỖ THỊ BÌNH dịch

A/ Chú giải:

1. Ba Tư: tên gọi cũ của nước Iran ở vùng Tây Á (cạnh vịnh Ba Tư nay gọi là vịnh Péc-xích). 2. Sĩ giả: người của nhà vua sai đi loan báo một mệnh lệnh gì trong nhân dân. 3. Hoa văn: hình vẽ trên các đồ gốm, đồ đồng, đây chỉ hình được đan thêu trên các đồ dệt, đồ may.

4. Bát-đa: kinh đô cũ của đế quốc Ba Tư. 5. Sào huyết: căn cứ ẩn náu của bọn trộm cướp. 6. Thị trường: nơi buôn bán trao đổi hàng hóa.

B/ Ý nghĩa:

Mỗi người sống phải có một nghề lao động để bảo đảm cuộc sống của mình, dù người đó là một hoàng tử. Đó là quan niệm của cô con gái người chăn cừu trong truyện cổ tích nước Anh trên đây, đồng thời cũng là ý nghĩa tư tưởng của truyện. Mặt khác, đó cũng là tiêu chuẩn « kén chồng » rất dứt khoát của cô gái đáng mến ấy!

Câu chuyện càng trở nên có ý nghĩa lí thú hơn khi hoàng tử nhờ có nghề dệt thảm rơm rất khéo tay mới học được mà đã thoát chết và cứu được biết bao người lương thiện khỏi cái chết không tránh khỏi trong tay bọn cướp.

5. CHUYỆN BẢY ANH EM CHÚ BÉ MỒ CÔI

Một nhà kia, bố mẹ chết sớm, có bảy anh em trai. Em út gầy yếu, xấu xí, bị các anh của chú ghét cay ghét đắng mặc dầu chú rất tốt bụng. Út thường buồn rầu cho thân phận mình bèn đi tìm cụ già nhất làng hỏi:

— Thưa cụ, cháu muốn gặp Chúa Thần Đa-na-ha-ri. Vậy cháu phải làm thế nào?

Cụ già ngắm nghía chú bé thấy chú là một đứa trẻ đáng thương và tốt bụng. Cụ bảo:

— Con sẽ phải vượt qua núi cao, đồng rộng, qua suối, qua đèo, nhưng con sẽ đến nơi yên ổn và gặp may mắn nếu con chịu làm đúng lời ta dặn.

— Con xin hứa làm đúng!

— Vậy thì con cứ thẳng đường mà đi. Dọc đường, con sẽ gặp một bãi mía, một bãi cừu, một vườn cam, một đàn bò, một giếng nước trong, con đừng có dừng đến. Tới nơi, nếu Chúa Thần vắng nhà, con nhớ chào vợ Thần và nếu bà ấy cho con uống nước thì con nhớ đưa cả hai tay ra đỡ lấy chén.

Út cảm ơn cụ già rồi lên đường. Quả nhiên em gặp một bãi mía có những cây mập (1) và cao, nhưng em cứ đi giữa đường, không dừng đến. Gặp một bầy cừ béo mượt, em khen: « Bọn cừ béo quá ! » rồi cứ thẳng đường mà đi. Qua bên vườn cam trĩu quả chín mọng, tuy đang khát nước, em vẫn lánh ra giữa đường để khỏi làm rụng những quả cam lúc lỉu ngay trên đầu. Thấy một đàn bò mập mập gặm cỏ bên đường, em khen: « Bò nhà ai đẹp quá ! ». Cuối cùng, đến bên giếng nước trong, em soi bóng một chút, nhưng không dừng xuống nước dù chỉ bằng đầu ngón tay.

Qua khỏi giếng một quãng, Út đến nhà Chúa Thần. Chỉ có bà vợ ở nhà. Út cúi đầu chào bà rất lễ phép và đứng ngoài cửa. Bà vợ Chúa Thần rót nước đưa cho em, em giơ hai tay kính cẩn đón lấy chén và cảm ơn bà.

Vừa lúc đó, Chúa Thần về. Chúa Thần hỏi :

— À, chú bé Út ! Các anh cháu ghét cháu lắm phải không? Cháu muốn gì ?

— Thưa Thần Da-na-ha-ri, con muốn khỏe và đẹp, vì mọi người chế giễu, khinh rẻ con xấu xí !

— Thế thì dọc đường cháu có thấy bãi mía của ta không ?

— Thưa có, nhưng cháu không dừng đến !

— Thế cháu có thấy bầy cừ của ta không ?

— Thưa có, nhưng cháu không bắt con nào !

— Thế vườn cam của ta ?

— Thưa có, nhưng cháu không hái quả nào !

— Thế đàn bò của ta ?

— Thưa có, nhưng cháu không ném đá, xua đuổi !

— Thế cái giếng nước đầu nguồn của ta ?

— Thưa có, nhưng cháu không nhúng gì vào !

Da-na-ha-ri quay sang hỏi vợ :

— Khi chú bé vào đây, nó có chào bà không ?

— Ồ, cháu nó chào rất lễ phép !

— Thế lúc bà cho nó uống nước, nó biết giơ hai tay lễ phép cầm chén chứ ?

— Ồ, đúng là như vậy !

Da-na-ha-ri gật đầu tỏ vẻ hài lòng. Chúa Thần khẽ đặt tay lên đầu bé Út, chú bé lập tức trở thành một chàng trai khỏe đẹp. Út cảm ơn Chúa Thần, sung sướng trở về.

Vừa thấy Út thay đổi như thế, cả sáu người anh xúm lại hỏi :

— Mà đây à Út, có thật là mày không đấy ? Mày ở đâu về thế ?

Chú bé ngay thật trả lời :

— Tôi khổ quá bèn đi tìm Da-na-ha-ri và thế là Chúa Thần ban ơn cho tôi được thế này !

Cả sáu đứa kia hí hửng reo lên :

— Bọn tao đã khỏe đẹp như thế này rồi, nếu cũng kéo đến gặp Da-na-ha-ri thì nhất định sẽ trở thành những tráng sĩ (2) oai hùng đệ nhất !

Thế là chúng kéo nhau đến gặp cụ già nhất làng. Cụ già nhìn kĩ mỗi đứa rồi bảo :

— Già thấy các anh đi đến Da-na-ha-ri thì cũng tốt thôi ! Nhưng già không dám nói trước là kết quả được như ý muốn. Tuy nhiên, cũng vẫn có thể tốt đẹp nếu các anh chịu khó làm theo lời già bảo.

— Chúng tôi xin làm đúng ! Cụ già cứ nói đi !

— Thấy bãi mía, chớ có dừng vào !

— Vâng, xin không dừng vào ! Thế sao nữa ?

— Đừng có giết hại cừ gặp dọc đường !

— Ồ, có khó gì ! Xin làm đúng ! Còn gì nữa ?

— Chớ có hái cam !

— Chúng tôi sẽ không hái ! Còn gì nữa ?

— Chớ có ném đá xua đuổi bò đang gặm cỏ !

— Nhất định là không ném đá rồi ! Hết chứ cụ già ?

— Đừng có múc nước ở giếng vàng có nước trong !

— Cái đó cũng dễ thôi ! Xin làm đúng ! Xong chứ cụ ?

— Còn điều này nữa : Vào nhà Da-na-ha-ri nếu Ngài đi

vắng chỉ có bà vợ ở nhà thì phải chào bà cho lễ phép và khi bà cho uống nước, phải giơ hai tay nhận chén!

— Vâng, vâng! Thế là hết phải không? Cụ già cứ yên trí, chúng tôi sẽ đi được tới nơi và nhất định là Da-na-ha-ri sẽ làm cho chúng tôi trở thành những tráng sĩ oai hùng đệ nhất thế gian!

Sáu anh em kéo nhau đi, đem theo vô khối thức ăn nước uống. Thấy mía ngọt, chúng đua nhau bẻ: « Dăm bảy cây, ai biết đây là đâu! ». Gặp bầy cừu chúng hò nhau giết thịt một con: « Phải, có thịt tươi mới có sức đi chứ! Chỉ một con, ai biết đây là đâu! ». Qua vườn cam, mỗi đứa hái ăn hàng chục quả: « Cam nhiều và chín thế kia, rụng bao nhiêu ấy chứ! Chừng này quả bở bèn gì! Ai biết đây là đâu! ». Gặp đàn bò béo mập, chúng bảo nhau: « Gặm, bò béo thế kia, đi sao nổi! Ta xua thử xem! Ai biết đây là đâu! ». Thế là chúng ném đá rào rào vào đàn bò. Tới bên giếng vàng nước trong, chúng vục ngay xuống uống lấy uống để. Vào tới nhà Da-na-ha-ri, chúng chẳng chào ai cả lại còn hỏi trống không đòi uống nước. Người ta chưa kịp đưa chén chúng đã giơ tay ra tranh giành nhau.

Vừa lúc đó, Da-na-ha-ri từ ngoài cửa bước vào.

— Nay, sáu chàng trai đến đây có việc gì thế?

Cả sáu đứa trở mắt ra nhìn Chúa Thần và nói:

— Chúng tôi đến đây để cầu mong Thần giúp cho trở thành những tráng sĩ oai hùng đệ nhất thế gian.

— Thế thì dọc đường các anh có thấy mía của ta không?

— Thưa có, mà chúng tôi chỉ bẻ mỗi đứa một cây!

— Thế các anh có thấy bầy cừu của ta không?

— Thưa có, chúng tôi thèm thịt tươi nên giết mất có một con thôi!

— Thế vườn cam của ta?

— Thưa có, khát nước quá, chúng tôi có hái một ít!

— Thế các anh có ném đá xua bò của ta không?

Năm đứa chỉ vào thẳng anh cả:

— Chính anh này ném trước!

— Các anh có vục miệng xuống giếng vàng của ta không?

— Thưa có, khát nước nên chúng tôi uống mấy ngụm.

Da-na-ha-ri quay sang hỏi bà vợ:

— Khá vào nhà, chúng nó có chào bà không?

Bà vợ lắc đầu:

— Chẳng chào hỏi ai cả!

— Thế thì hẳn là chúng nó không giơ hai tay đón chén uống nước chứ gì?

— Đúng thế, lại còn tranh giành nhau nữa!

Bấy giờ Da-na-ha-ri cau mày nhìn sáu anh em và nghiêm khắc bảo:

— Chúng mày cư xử như những con vật, không biết nhân cách⁽²⁾ là thế nào! Chúng mày chỉ đáng trở thành giống vật!

Ngay lúc đó, sáu anh em hóa thành một con thạch sùng, một con rắn, một con nhái, một con ếch trong, một con chuột và một con dơi kéo nhau trốn vào rừng.

Tất cả cơ nghiệp⁽⁴⁾ bỏ mẹ để lại bấy giờ Ứt được hưởng.

Kể theo truyện cổ Man-gat-sơ (Châu Phi)

A/ Chú giải:

1. Mập: to béo, đầy đủ (đây chỉ loại mía thân to). 2. Tráng sĩ: (từ cổ) người đàn ông có võ nghệ và có chí khí phấn đấu; đây ý nói người đàn ông có sức vóc mạnh mẽ, cường tráng. 3. Nhân cách: phẩm chất của con người (khác với loài vật). 4. Cơ nghiệp: tài sản đã gây dựng được.

B/ Ý nghĩa:

Con người khác loài vật ở chỗ có nhân cách. Nhân cách của mỗi con người thể hiện trước hết ở chỗ người đó phải biết tôn trọng những quy tắc thông thường trong quan hệ cư xử với mọi người xung quanh từ trong gia đình ra ngoài xã hội.

Chúa thần Da-na-ha-ri trong câu chuyện cổ tích trên đây đã trừng phạt bằng cách hóa kiếp cho sáu gã con trai thô lỗ, thiếu lễ độ, tham lam và càn dỡ kia trở thành loài vật cả một loạt: thạch sùng, rắn, nhái, ếch trong, chuột và dơi... cả lũ kéo nhau trốn vào rừng mà sống với

nhau trong cái thế giới loài vật. Chỉ có đứa con út hiền lành, thật thà, tốt bụng là có nhân cách và xứng đáng được sống làm người để hưởng cả cái cơ nghiệp của bố mẹ để lại.

Đó chính là ý nghĩa tư tưởng sâu sắc và ý nghĩa giáo dục bổ ích của câu chuyện cổ tích li thú này.

6. NÀNG BẠCH TUYẾT VÀ BẦY CHÚ LÙN

Ngày xưa, có một bà hoàng hậu nhan sắc tuyệt trần ngồi khâu bên khung cửa sổ bằng gỗ mun đen bóng. Ngoài trời tuyết rơi lả tả. Đột nhiên kim đâm vào ngón tay hoàng hậu, một giọt máu đỏ tươi rơi xuống nền tuyết trắng xóa. Bà chợt ước ao có được một đứa con gái cũng xinh đẹp như cảnh vật rước mắt. Quả nhiên, ít lâu sau bà sinh được một cô con gái da trắng như tuyết, môi thắm như giọt máu tươi và tóc đen dày như gỗ mun cửa sổ. Bà đặt tên con là Bạch Tuyết.

Chẳng bao lâu hoàng hậu qua đời và một thời gian sau nhà vua lấy một bà vợ khác. Bà này cũng xinh đẹp khác thường, nhưng tính tình rất kiêu căng, hờn hĩnh. Bà ta có một tấm gương thần. Mỗi lần ngồi trước gương bà thường hỏi:

— Gương ơi! Gương ơi!

Ai người đẹp nhất trên đời hỡi gương?

Gương bèn trả lời:

— Hoàng hậu đẹp nhất trên đời,

Thế gian ai sánh với Người được đâu!

Khi Bạch Tuyết lên bảy tuổi, cô bé bỗng trở nên tươi đẹp như ánh nắng mùa xuân và đẹp hơn cả bà mẹ kế của nàng nữa. Một hôm, ngồi trước gương thần, bà ta lại hỏi:

— Gương ơi! Gương ơi!

Ai người đẹp nhất trên đời hỡi gương?

Gương bèn trả lời:

— Hoàng hậu đẹp nhất nơi đây.

Nhưng nàng Bạch Tuyết xinh thay... ngàn lần!

Nghe gương trả lời như vậy, hoàng hậu ghen tức lồng lộn lên. Bụng dạ kiêu căng độc ác, mẹ ta gọi một viên quan hầu đến và sai đem ngay Bạch Tuyết vào rừng giết đi, sau đó phải đem trái tim nàng về cho mẹ ăn sống để nhan sắc mẹ càng xinh đẹp hơn.

Viên quan hầu đem Bạch Tuyết vào rừng. Nhưng phần thì nhớ đến lòng nhân từ của bà hoàng hậu trước, phần thì xót thương cô bé xinh đẹp vô tội, ông bèn kể mọi chuyện cho nàng rõ rồi bảo nàng trốn biệt đi đừng trở về cung nữa. Ngay lúc đó có một chú nai con ở đâu chạy đến, viên quan liền đón bắt lấy, mổ bụng con vật ra để lấy quả tim đem về cho mẹ hoàng hậu.

Thế là cô bé tội nghiệp lang thang một mình trong rừng. Chim chóc riu rít vây quanh, muông thú tung tăng chạy theo. Mãi đến xế chiều, Bạch Tuyết mới trông thấy một căn nhà bé nhỏ liền ghé vào định xin nghỉ nhờ. Trong nhà đồ đạc thứ gì cũng nhỏ xíu nhưng sạch sẽ, ngăn nắp. Giữa nhà có một chiếc bàn trải khăn trắng tinh, bên trên bày sẵn bảy bộ đồ ăn xinh xắn: đĩa đựng thức ăn, thìa, đĩa, dao, và cả ly rượu nhỏ. Hai bên tường kê bảy chiếc giường nhỏ cùng trải khăn trắng tinh thơm. Bạch Tuyết đói quá bèn ăn ở mỗi đĩa một chút thức ăn và uống ở mỗi ly một chút rượu, xong nàng đặt mình lên một chiếc giường nhỏ ngủ một giấc say sưa.

Đến xẩm tối, chủ nhà là bảy chú lùn trở về căn nhà ẩm ướt sau một ngày vào trong núi đào mỏ sắt khá vất vả. Họ vừa bước vào nhà, đến bên chiếc bàn ăn, bỗng ngạc nhiên cùng kêu lên: «Ồ, ai đã ngồi vào chiếc ghế của tôi thế này? Ai đã dùng dao, đĩa và thìa của tôi? Ai đã ném thức ăn trong đĩa của tôi? Ai đã uống trong ly của tôi?» Rồi mọi người nhìn quanh và càng ngạc nhiên vô cùng khi thấy Bạch Tuyết đang nằm ngủ ngon lành trên chiếc giường thứ bảy. Họ lại cùng kêu lên: «Chà, một nàng công chúa tuyệt đẹp!»

Thế là họ để yên cho cô đi ngủ. Chú lùn thứ bảy đành ngủ chung giường với một chú khác.

Sáng hôm sau, Bạch Tuyết tỉnh dậy, kể lại cho mọi người nghe hết mọi chuyện. Bảy chú lùn bèn khuyên Bạch Tuyết nên ở lại đây với họ và nàng đừng sợ thiếu thốn gì cả. Họ cũng không quên căn dặn nàng phải luôn luôn ở trong nhà, để phòng bà mẹ kế tìm đường đến làm hại. Thế là Bạch Tuyết ở lại căn nhà ấm áp đó, hằng ngày trông nom nhà cửa rất chu đáo. Tối tối, bảy chú lùn đi làm về lại có bữa ăn nóng sốt sẵn sàng.

Về phần mẹ hoàng hậu, sau khi ăn sống trái tim chú nai con xong (mà mẹ cứ tưởng là của Bạch Tuyết), mẹ lại soi gương và hỏi:

— Gương ơi! Gương ơi!

Ai người đẹp nhất trên đời hồ gương?

Gương trả lời:

— Hoàng hậu đẹp nhất nơi đây,

Nhưng nàng Bạch Tuyết xinh thay ngàn lần!

Nàng ở với bảy chú lùn,

Bên kia trái núi, cuối rừng chẳng xa.

Mẹ ta tái mặt mặt lại. Suốt đêm mẹ trằn trọc không ngủ lo tìm mưu tính kế làm hại nàng. Hôm sau, mẹ ta giả dạng làm một bà già đi bán gương được. Mẹ mò đến nhà bảy chú lùn, gõ cửa và rao to:

— Ai mua gương lược chải đầu,

Chải vào tóc đẹp gấp bao nhiêu lần!

Bạch Tuyết lộ đầu ra xem thấy không phải là bà mẹ kế liền mở cửa chạy ra hỏi mua một chiếc lược. Mẹ ta lấy ra một chiếc nhỏ xiu bằng ngà bóng đẹp rồi nói: « Để bà chải đầu thử cho cháu nhé! Ôi chao, tóc cháu đen như gỗ mun thế này cơ mà! »

Bạch Tuyết để yên cho mẹ chải. Nhưng lược vừa chạm vào mái tóc xinh đẹp thì nàng ngã lăn xuống trước cửa chết



Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn.

ngắt đi. Thì ra chiếc lược có tẩm sẵn thuốc độc. Mụ già độc ác liền gánh hàng bỏ đi ngay.

May sao, bảy chú lùn hôm đó bỗng dưng thấy sốt ruột nên về sớm. Họ thấy Bạch Tuyết mê man bất tỉnh ngay trước cửa liền vác vào nhà. Tìm mãi họ mới thấy chiếc lược nhỏ xiu cái trên tóc, họ vội gỡ ngay ra. Bạch Tuyết dần dần tỉnh lại bèn kể đầu đuôi câu chuyện. Lần này bảy chú lùn lại căn dặn Bạch Tuyết từ nay chớ có ra ngoài cửa và cũng chớ có mở cửa cho bất cứ ai vào nhà nữa.

Mụ hoàng hậu bữa đó về đến lâu đài lại ngồi trước tấm gương thần và hỏi :

— Gương ơi ! Gương ơi !

Ai người đẹp nhất trên đời hỡi gương ?

Gương trả lời :

— Hoàng hậu đẹp nhất nơi đây,

Nhưng nàng Bạch Tuyết xinh thay ngàn lần !

Nàng ở với bảy chú lùn,

Bên kia trái núi, cuối rừng chẳng xa.

Mụ hoàng hậu nghe thấy vậy, uất quá chết ngất đi hồi lâu. Hôm sau, mụ ta ra vườn hái mấy quả táo chín, rồi chọn một quả vừa to vừa đẹp, lại thơm ngào ngạt, đem tẩm thuốc độc vào rất khéo léo. Mụ lại trá hình thành một bà lão nhà quê đến gõ cửa nhà bảy chú lùn.

Bạch Tuyết ngồi bên trong trả lời dứt khoát : « Cháu không thể cho ai vào nhà được đâu vì bảy chú lùn cấm không cho ai vào hết ! ». Mụ già bảo : « Không sao, không sao ! Bà đi thăm con gái về nó hái cho bà mấy quả táo ngon tuyệt trần. Bà định nghỉ chân một lát. Thôi, bà cho cháu một quả vậy, cháu có muốn ăn không ? ».

Bạch Tuyết mắt hau háu nhìn quả táo tươi ngon hấp dẫn lạ thường. Không đành lòng được, nàng thò tay ra đón lấy. Nhưng vừa đưa quả táo lên miệng cắn một miếng thì nàng ngã lăn ngay ra chết liền. Mụ hoàng hậu sướng quá hét lên : « Da trắng như tuyết này ! Miệng thâm như sơn này ! Tóc đen

như mun này ! Thời từ nay đẹp nhất trần gian phải là ta chứ không phải là con ranh nữa nhé ! ». Về đến cung, mụ lại hỏi gương :

— Gương ơi ! Gương ơi !

Ai người đẹp nhất trên đời hỡi gương ?

Lần này gương trả lời :

— Hoàng hậu đẹp nhất trên đời,

Thế gian ai sánh với người được đầu !

Tối hôm ấy, bảy chú lùn trở về thì lần này cô bé chết thật. Không sao tìm ra dấu vết gì để cứu chữa được nữa. Nhưng trông nàng vẫn tươi đẹp như khi còn sống vậy. Họ đặt nàng vào trong một chiếc quan tài bằng thủy tinh trong suốt và khóc nàng ba ngày ba đêm liền. Sau họ đặt chiếc quan tài lên đỉnh núi. Bảy chú lùn thay phiên nhau ở lại trên núi canh xác nàng. Bạch Tuyết nằm trên đỉnh núi y như nằm ngủ vì da nàng vẫn trắng, miệng nàng vẫn thắm, và tóc nàng vẫn đen.

Năm, tháng trôi qua. Một hôm tình cờ có một hoàng tử ở vùng bên đi qua nơi Bạch Tuyết yên nghỉ. Chàng đến gần ngắm người thiếu nữ nằm như ngủ say. Hỏi thăm mới biết câu chuyện đã xảy ra với nàng, hoàng tử rất đau thương xót, bèn bày tỏ tình thực với bảy chú lùn : « Không được biết thì thôi, đã biết câu chuyện đau thương của Bạch Tuyết, tôi cảm thấy trên đời không thể sống không có nàng được ! Tôi nguyện xin đem nàng về thờ phụng như người thân yêu nhất đời của tôi để nàng khỏi phải nằm cô đơn mãi mãi ở nơi hiu quạnh này ! »

Thấy hoàng tử tỏ bày chân thật nỗi lòng mình, bảy chú lùn bằng lòng biểu chàng cõ quan tài, mặc dầu các chú cũng vô vàn thương nhớ Bạch Tuyết.

Hoàng tử liền ra lệnh cho đám người hầu đặt quan tài lên vai khiêng Bạch Tuyết về cung. Nhưng đi đường núi non gập ghềnh, bọn người hầu vấp ngã, cõ quan tài bị xô đẩy mạnh suýt rơi xuống đất. Bất ngờ, miếng táo trong cổ họng Bạch Tuyết văng ra. Nàng tỉnh dậy mở mắt ra và ngồi nhồm ngay lên. Biết rõ sự việc và trước lời khẩn khoản của hoàng tử là

người đã cứu mình thoát chết, Bạch Tuyết nhận lời theo chàng về cung để trở thành người thân yêu nhất đời của chàng từ đó.

Mụ hoàng hậu mẹ kế của Bạch Tuyết cũng được mời đến dự lễ cưới của hoàng tử và Bạch Tuyết. Sau khi trang điểm phấn son, xiêm áo thật đom đàng, mụ soi gương và hỏi:

Gương ơi! Gương ơi!

Ai người đẹp nhất trên đời hỡi gương?

Gương liền trả lời:

— Hoàng hậu đẹp nhất nơi đây.

Nhưng bà hậu trẻ xinh thay gấp ngàn lần!

Giận sôi người lên, nhưng mụ cứ gặng gương thử đến xem bà hoàng hậu trẻ kia là ai mà dám đua tranh sắc đẹp với mụ ở trên đời này!

Vừa bước vào phòng cưới, thoáng trông thấy Bạch Tuyết đang sánh vai ngồi với hoàng tử, nhan sắc nàng còn tươi xinh, lòng lầy hơn trước gấp ngàn lần, mụ ta bỗng nổi cơn máu uất lên đến cực độ và lăn đùng ra chết. Và lần này mụ ta chết thật!

Phỏng theo Truyện cổ Grimm
ĐỖ QUANG LƯU

A/ Chú giải:

1. Hoàng hậu: Vợ vua.
2. Hẹn hễ: lên mặt, làm cao, khinh người.
3. Tắm gương thân: Tắm gương soi có phép lạ.
4. Thế gian: chỉ chung mọi người sống ở trên đời.
5. Muồng thú: chỉ các loài động vật có bốn chân nói chung.
6. Dĩa: đồ dùng có răng dùng để xiên thức ăn đưa lên miệng (theo lối ăn ở châu Âu).
7. Li: Cốc pha lê.
8. Công chúa: con gái vua.
9. Giả dạng: mượn hình dáng người khác để mọi người không nhận ra được mình.
10. Bất tỉnh: mê man không biết gì nữa, ngất đi.
11. Vực: nâng lên để chuyển đi chỗ khác (người ốm đau hoặc bị thương).
12. Trá hình: mang một hình dạng khác để mọi người không nhận ra được mình.
13. Quan tài: thứ hòm đựng xác người chết để đưa đi chôn.
14. Thờ phụng: chăm sóc một cách hết sức kính cẩn.
15. Xiêm áo: váy và áo của phụ nữ.
16. Đom đàng: (ăn mặc) chải chuốt, có ý làm dáng, làm cho xinh đẹp hơn.
17. Bà hậu: bà hoàng hậu (nói tắt).
18. Máu uất: cơn giận dữ ghê gớm.

B/ Ý nghĩa:

« Ở hiền gặp lành ở ác gặp ác », đó là một quan niệm khá phổ biến trong dân gian và cũng là điều mơ ước thiết tha về lẽ công bằng của

nhân dân lao động từ xưa tới nay. Quan niệm và ước mơ đó thường được phản ánh sâu sắc trong nhiều truyện cổ tích hay nhất ở nước ta cũng như trên thế giới.

Câu chuyện « Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn » kể ở đây phỏng theo một thiên truyện cổ xuất sắc của Grimm (một nhà văn Đức nổi tiếng về truyện viết cho thiếu nhi) chính là một ví dụ khá độc đáo về chủ đề đó.

7. SỰ TÍCH CHIM « QUỐC »

Ngày xưa, có đôi bạn chi thân tên là Quốc và Nhân. Họ đều là con nhà học trò nghèo, lại đều mồ côi cha mẹ. Quốc được học nhiều hơn bạn: anh chàng làm thầy đồ dạy trẻ. Tuy bồng lộc⁽¹⁾ chẳng có là bao, nhưng Quốc vẫn thường giúp đỡ Nhân. Đổi lại, có lần Quốc bị ốm nặng, giá không có bạn thuốc thang ngày đêm thì anh khó lòng sống nổi. Sau đó cũng vì sinh kế⁽²⁾, đôi bạn phải chia tay mỗi người một ngả.

Trong khi Quốc sống cuộc đời dạy trẻ thì Nhân cũng đi lang thang đến các vùng xa lạ làm thuê làm mướn. Trải qua một thời kì lang bạt⁽³⁾, cuối cùng anh chàng vào làm công cho một phú thương⁽⁴⁾. Thấy chàng thật thà chăm chỉ, phú thương rất tin cậy. Chẳng bao lâu, Nhân được phú thương gả con gái cho.

Vợ Nhân có nhiều của riêng. Vì thế Nhân nghiêm nhiên trở nên một phú ông⁽⁵⁾ có một cơ nghiệp kha khá ở trong vùng.

Nhân giàu nhưng không quên tình bầu bạn. Nhân vẫn nhớ lời thề « sống chết sướng khổ có nhau » với Quốc. Nhân cất công đi tìm và sung sướng được thấy Quốc còn sống. Tuy Quốc đang dở năm dạy, nhưng Nhân cũng thương lượng với cha mẹ học trò cho con em chuyển sang học với một cụ đồ khác rồi đưa Quốc về nhà mình. Nhân dặn người nhà phải coi Quốc không khác gì mình, cơm nước hầu hạ không được bẻ trễ.

Nhưng tình vợ Nhân không được như chồng. Xưa nay đối với những kẻ rách rưới, chị ta thường có thái độ khinh rẻ. Và lại, chị ta không cùng sống những ngày nghèo khó với Nhân, nên có thấy đau tình nghĩa giữa Nhân và Quắc như thế nào. Nhưng thấy chồng rất trọng đãi⁽⁶⁾ khách, nên lúc đầu vợ không dám nói gì. Nhân luôn luôn bảo vợ :

— Đây là người thân nhất trong đời tôi. Nếu không có bạn thì chưa chắc tôi đã sống đến gặp nàng.

Vợ Nhân chỉ lăm bằm :

— Khéo ! Bạn với bè ! Chỉ có ngồi ăn hại !

Dần dần, vợ Nhân bức mình ra mặt. Chị ta khó chịu vì cái ông khách lạ tự đứng ở đâu đến chả giúp ích gì cho nhà mình cả, chỉ chễm chệ trên giường cao, cơm rượu mỗi ngày hai bữa. Vợ Nhân trước còn nói mát, nhưng sau thì ngoa ngoắt ra mặt. Có hôm người đàn bà ấy day nghiêng cả chồng lẫn khách :

— Chẳng phải bố già, không phải khách nợ⁽⁷⁾, ở đâu lại rước về thờ phụng⁽⁸⁾ ăn nó lại nằm. Thôi liên mà tống khứ đi !⁽⁹⁾

Thấy thái độ vợ ngày càng quá quắt, chồng chỉ sợ mất lòng bạn. Nhân một mặt tự mình săn sóc bạn, một mặt khuyên bảo vợ. Nhưng vợ Nhân chứng nào vẫn giữ tật nấy. Về phần Quắc thì chàng hiểu tất cả. Đã hai lần Quắc cáo từ⁽¹⁰⁾ bạn xin về, nhưng Nhân cố sức giữ lại. Thấy bạn chí tình, Quắc lại nấn ná ít lâu.

Nhưng hôm đó Quắc quả quyết ra đi vì chàng vừa nghe được những câu nói xúc phạm đến mình một cách nặng nề. Quắc nghĩ, nếu mình không tính kế sớm thì sẽ có ngày bị nhục với người đàn bà này. Mà nếu ra đi như mấy lần trước thì sẽ bị bạn giữ giàng lời thôi khó thoát.

Một hôm, trời còn mờ sương, Quắc cất lên ra đi. Muốn cho bạn khỏi mất công tìm kiếm nên khi qua một khu rừng, chàng cởi khăn áo treo lên một cành cây bên đường giả cách như mình đã chết. Đoạn Quắc lần mò đi xứ khác trở lại cuộc đời gò đầu trẻ⁽¹¹⁾ nuôi thân.

Thấy mất hút bạn, Nhân bỏ đi tìm nhưng chẳng biết tung tích⁽¹²⁾ đâu cả. Khi nghe tin có người bắt được khăn áo ở mộ rừng phía Nam, chàng lật đật đến xem. Nhận rõ đó là khăn áo của bạn, Nhân vô cùng hối hận :

— Thôi, ta làm hại bạn ta rồi ! Chắc bạn ta bị cướp giết chết !

Nhưng sau đó Nhân lại nghĩ khác :

— Bạn ta ra đi trong túi không có một đồng một chữ thì đâu có gặp cướp cũng không can gì. Đây hẳn là bị hùm beo⁽¹³⁾ ăn thịt, hoặc là bị lạc trong rừng sâu. Dù thế nào đi nữa thì nhất định bạn ta cũng đi về phương này.

Nhân lần mò vào rừng tìm Quắc. Không thấy có vết máu, chàng lại càng hi vọng. Nhân băng qua chông gai, chui hết bụi rậm, luôn luôn cất tiếng gọi :

— Anh Quắc ơi ! Quắc ơi ! Quắc ! Quắc !...

Nhân đi mãi, gọi mãi, quanh quẩn trong khu rừng mênh mông. Cho đến hơi thở cuối cùng người bạn chí tình ấy vẫn không quên gọi :

— Quắc ! Quắc !...

Nhân chết hóa thành chim « quốc »⁽¹⁴⁾, còn được gọi là chim đỗ quyên.

Lại nói chuyện sau đó vợ Nhân đợi mãi không thấy chồng về, lấy làm ăn năn về những hành động của mình đã dẫn tới kết quả tai hại như thế. Một hôm chị ta bỏ nhà bỏ cửa đi tìm chồng. Cuối cùng cũng đến khu rừng phía nam. Nghe tiếng « Quắc ! Quắc ! » chị ta nhận ra là tiếng của chồng gọi bạn. Chị ta mừng quá kêu to :

— Có phải anh đấy không, anh Nhân ?

Không có tiếng trả lời ngoài những tiếng kêu « Quắc ! Quắc ! » của con chim « quốc ». Vợ Nhân cứ theo tiếng chim tiến vào rừng sâu. Sau cùng không tìm được lối ra, chị ta tuyệt vọng mà chết bên cạnh một gốc cây.

Theo NGUYỄN ĐỒNG CHI

(Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam—Tập 1)



A/ Chú giải:

1. *Hàng lộc*: lương và các khoản thu nhập khác của viên chức, quan lại thời phong kiến và thời thuộc Pháp. 2. *Sinh kế*: Việc làm ăn để sống. 3. *Lang bat*: đi nhiều nơi xa xôi (thường là để kiếm ăn) không biết đâu mà tìm. 4. *Phú thương*: nhà buôn giàu. 5. *Phú ông*: người (đàn ông) giàu có thời xưa. 6. *Trọng đãi*: đối đãi rất đầy đủ, rất hậu. 7. *Khách nư*: người đến đòi nợ. 8. *Thờ phụng*: chăm sóc một cách tôn kính. 9. *Tống khứ*: đuổi đi. 10. *Cáo từ*: từ biệt bằng lời lẽ khiêm tốn, lễ độ. 11. *Tâm đầu trí*: nói về nghề dạy trẻ học. 12. *Tung tích*: dấu vết. 13. *Hầm hơ*: hồ báo. 14. *Chim « quốc »* (tức chim cuốc): loài chim cùng họ với gà, hay sống ở các bụi bờ, về mùa hè hay kêu « cuốc, cuốc » (từ Hán Việt: đồ quỳên).

B/ Ý nghĩa:

Trong cảnh vật thiên nhiên muôn hình muôn vẻ, hình ảnh con chim cuốc bé nhỏ suốt đời sống chui sống lủi bụi bờ lại có tiếng kêu khắc khoải thiết tha, đã kêu gọi ở con người một mối xúc cảm da diết khó tả. Người xưa nhân đó đã tưởng tượng ra câu chuyện một ông vua nước nhỏ bị mất nước phải sống lăn tròn trong rừng sâu rồi do nhớ nước không nguôi mà chết đi hóa ra con chim cuốc suốt ngày gọi hồn nước (Nhớ nước đau lòng con « quốc quốc » — Bà huyện Thanh Quan).

Trong truyện trên đây, người xưa lại tưởng tượng ra câu chuyện một người do quá nhớ thương bạn nên lăn lộn vào rừng sâu tìm gọi bạn đến cứu sức tàn hơi rồi chết đi hóa thành con chim « quốc » đêm ngày gọi bạn không ngớt. Qua câu chuyện, người xưa muốn mượn hình ảnh con chim « quốc » để đề cao và ca ngợi tình bạn thủy chung cao quý, khi khó khăn thiếu thốn có nhau, lúc đầy đủ sung sướng có nhau, cho đến chết cũng không quên nhau.

3. NGÀY MỪNG THỌ (*)

Cụ giáo Chu Văn An (tức Chu An) là một nhà giáo và nhà văn nổi tiếng đời Trần. Cụ đỗ đạt cao nhưng không ra làm quan, chỉ mở trường dạy học tại quê làng (nay thuộc ngoại thành Hà Nội) nhằm truyền bá đạo lý và đào tạo nhân tài cho đất nước. Trường cụ mở đã thu hút được rất đông học trò trong số đó nhiều người trở thành những nhân vật nổi tiếng thời ấy, tiêu biểu như Phạm Sư Mạnh.

Đời vua Trần Minh Tông, cụ Chu được nhà vua vời đến kinh đô Thăng Long (tức Thủ đô Hà Nội ngày nay) để trông coi việc học ở trường Quốc tử giám⁽²⁾ và dạy thêm hoàng tử. Đến đời vua Trần Dụ Tông vốn là học trò của cụ Chu, việc triều chính⁽³⁾ ngày một suy dốn, cụ Chu có lần dâng sớ lên vua xin chém bảy kẻ gian nịnh đang được nhà vua tin dùng vào các chức quan to, nhưng không được chấp thuận. Cụ bèn từ chức xin về. Kể từ hồi ấy, cụ chỉ chuyên việc dạy học và nghiên cứu nghề thuốc để chữa bệnh cho nhân dân.

Năm ấy, còn ba ngày nữa là đến ngày mừng thọ cụ giáo Chu tròn sáu mươi tuổi. Anh trưởng tràng đã ngót năm mươi tuổi, khăn áo chỉnh tề đến nhà thầy vào buổi sáng. Anh nói gương thầy, có học nhưng không ra làm quan mà vẫn ở làng làm thuốc. Anh đến nhà thầy cùng với một người bạn đồng môn⁽⁴⁾. Người này ăn mặc sang trọng, có ngựa và quân lính theo hầu, nhưng vì biết tính thầy nên đã để ngựa và quân lính ở tận ngoài cổng làng. Đó chính là quan hành khiển⁽⁵⁾ Phạm Sư Mạnh, chức quan to bậc nhất trong triều. Hai anh em đồng môn dắt nhau qua cổng nhà thầy. Họ đứng từ giữa sân vãi vào nhà, miệng chào to kính cẩn:

— Lay thầy ạ! Có anh em chúng con đến hầu thầy!

Cụ giáo Chu người gầy nhưng quắc thước, vẻ mặt nghiêm nghị, chân xỏ guốc gộc tre bước ra thềm. Cụ nhận ra học trò yêu nên vẻ mặt chợt tươi lên:

— À, các anh sang sớm thế! Vào đây!

Trong nhà bày biện rất đơn sơ. Sáu bộ ghế ngựa⁽⁶⁾ kê sát tường hậu⁽⁷⁾ và hai bên vách⁽⁸⁾. Chính giữa là bàn thờ tổ tiên. Trước bàn thờ có kê một cái sập⁽⁹⁾ trên có bày một bộ đồ trà và một cái diều thuốc lã bằng gỗ trúc rất đẹp. Cụ giáo thường ngồi trên sập này để dạy học.

Cụ Chu cho phép hai trò cùng ngồi sập với mình, nhưng họ không dám thế. Họ xin được ngồi ở ghế ngựa kê bên. Phạm Sư Mạnh kính cẩn trả lời các câu hỏi của thầy. Cụ Chu hỏi thăm sức khỏe của các học trò hiện đang làm quan trong triều. Tuy cụ chỉ hỏi về sức khỏe, nhưng Phạm Sư Mạnh hiểu

rằng thầy quan tâm đến nhiều mặt khác, nên ông cố trả lời cặn kẽ về việc làm của từng người, về cách nuôi dạy con cái, về cách cư xử với kẻ ăn người làm trong nhà của họ.

Quan hành khiển vừa hầu chuyện thầy vừa lo lắng về một trách nhiệm quan trọng trong chuyện về trường của mình. Sợ là vua Trần Dụ Tông sai ông về xin ý thầy trước để đến ngày mừng thọ, nhà vua xin về mừng thầy như mọi người học trò khác.

Cụ giáo Chu mở tráp⁽¹⁰⁾ lấy một cuốn sách đưa cho người trưởng tràng và bảo:

Thầy đã soạn xong cuốn sách thuốc này. Anh đem về chép lấy mấy bản cho các anh cùng làm nghề thuốc dùng. Trưởng tràng trân trọng đón cuốn sách từ tay thầy. Cụ Chu cũng là người dạy trưởng tràng làm thuốc cứu chữa người bệnh. Cho nên thầy đã cho sách cũng là cho cả những điều thu hoạch quý báu qua mỗi bận nghe bệnh kẻ đơn...

... Trong lúc trưởng tràng sung sướng được thầy cho sách thì Phạm Sư Mạnh rất lo: Quan hành khiển dân do chẳng biết thưa với thầy thế nào cả. Tính cụ giáo cứng cỏi, dứt khoát như vậy. Cụ đã thường dạy học trò phải giữ cho đúng nhân cách⁽¹¹⁾: «Thầy dạy các anh thành người chứ không phải thành quan. Nếu các anh làm không đúng thì đừng gặp thầy nữa». Nhà vua đã không nghe sớ xin chém bảy người của cụ mà vẫn tin dùng bọn gian nịnh. Cụ đã bỏ quan về có nghĩa là cụ coi như không có cái người học trò đang ngồi trên ngai vàng kia nữa.

Bây giờ vua ngỏ ý muốn về mừng thọ thầy và nhân dịp này mời cụ giáo lại lên kinh trông coi việc học ở trường «Quốc tử giám» như xưa. Việc này xem ra khó lắm vì cụ giáo chắc chả chịu nghe.

Về sau Phạm Sư Mạnh đành nói thật với thầy mệnh vua ủy thác⁽¹²⁾ cho ông chuyến này. Cụ giáo chỉ bình thân cười:

— Thầy làm nghề dạy học. Dạy ở trường Giám, dạy ở đây hay ở đâu nữa cũng vậy thôi. Còn việc dưng vua rồi cung thì không nên.

Đến hôm mừng thọ, các môn sinh (học trò) đến nhà thầy thấy cửa nhà dọn dẹp sạch sẽ, cửa trong cửa ngoài mở rộng. Cụ giáo Chu đội khăn ngay ngắn, mặc áo chùng thâm⁽¹³⁾ ngồi trên sập. Họ dâng biếu thầy những cuốn sách quý do chính họ đã bỏ nhiều tâm sức sưu tầm chép lại nghiêm túc trên giấy dó loại quý nhất. Cụ Chu cảm ơn và đột nhiên cụ nói:

— Thầy cảm ơn các anh. Bây giờ ai thực yêu mến thầy hãy theo thầy đi tạ⁽¹⁴⁾ một người mà thầy mang ơn rất lớn.

Tất nhiên tất cả các môn sinh đều dạ ran. Thế là cụ Chu đi trước, học trò theo sau; các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường bước, cuối cùng là mấy chú học trò tóc còn để trái đào⁽¹⁵⁾. Cụ Chu dẫn học trò sang tận thôn Đoài, đến một ngôi nhà tranh giản dị nhưng sáng sủa. Ở hiên trước, một cụ già trên tám mươi tuổi, tóc râu bạc phơ đang ngồi sưởi nắng. Cụ Chu bước vào sân, chấp tay cung kính vái⁽¹⁶⁾ và nói to:

— Lay thầy! Hôm nay con đem tất cả môn sinh đến tạ ơn thầy.

Ông già tóc bạc ngược lên, nghiêng đầu nghe. Ông già đã nặng tai. Cụ Chu lại nói to câu nói vừa rồi một lần nữa. Thì ra đây là cụ đồ xưa kia đã khai tâm (dạy vỡ lòng) cho thầy giáo Chu hồi thầy mới cắp sách đến trường.

Tiếp sau cụ Chu, các môn sinh lần lượt theo lứa tuổi vái tạ cụ đồ già. Hôm ấy, họ lại được học thêm một bài học thấm thía về nghĩa thầy trò.

Theo HÀ AN

(Chuyện về người thầy—Nxb Kim Đồng, 1982)

A/ Chú giải:

1. Mừng thọ: mừng sống lâu (thường vào các dịp 60, 70 hoặc 80 tuổi...). 2. Quốc tử giám: trường học do nhà vua lập ra ở kinh đô. 3. Triều chính: việc chính trị của một triều đình. 4. Bạn đồng môn: bạn cùng học một thầy hay cùng học một trường. 5. Hành khiển: chức quan to trong triều đình phong kiến. 6. Ghế ngựa: giường bằng gỗ đóng thành hai tấm lình chữ nhật, kê trên hai cái mề. 7. Tường hậu: bức tường ở phía lưng nhà (tường sau). 8. Vách: tường làm bằng tre đan trái đất; đây chỉ tường bèo. 9. Sập: giường chân liền, chung quanh có đệm. 10. Tráp:

hộp bằng gỗ sơn có ngăn và nắp, dùng để đựng trà, đựng đồ vật hay dụng sách, bút. 11. Nhân cách: xem chú giải ở truyện số 5. 12. Ủy thác: giao phó cho một cách trịnh trọng. 13. Áo chùng thâm: áo dài đen. 14. Trá y nói tạ ơn, cảm ơn một cách kính cẩn. 15. Trái đào: mở tóc có hình quả đào để lại ở hai bên đầu trẻ em thời trước. 16. Vái: chấp tay cúi hạ thấp xuống, đầu cúi xuống (khi chào một cách cung kính, hoặc khi đứng lễ trước bàn thờ, trước mộ người chết...)

B/ Ý nghĩa:

Truyện trên thuộc loại truyện danh nhân lịch sử. Cũng như Mạc Đĩnh Chi (trong truyện « Bông sen trong giếng ngọc »), Chu Văn An (còn gọi là Chu An) là một danh nhân văn hóa chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc ta (?—1370). Truyện kể trên đây giới thiệu với chúng ta một vài nét đặc sắc về đạo đức của ông, nó thể hiện rất sinh động quan niệm của ông cha ta xưa kia về mối quan hệ thầy trò. Quan niệm đó là: « Kính thầy trọng đạo » (Tôn sư trọng đạo) và « Trọng thầy mới được làm thầy » mà cụ giáo Chu, nhân vật chính trong truyện, là một biểu hiện mẫu mực đã nêu tấm gương sáng ngời cho các học trò của cụ noi theo, kể cả những người đang giữ những địa vị cao nhất trong xã hội thời bấy giờ (vua, quan đại thần).

Một khác, câu chuyện còn bộc lộ nhiều mặt phẩm chất đạo đức cao quý khác của cụ giáo Chu như: tính khảng khái, cương trực đối với nhà vua và đối với triều đình, lòng yêu thương và tận tụy của cụ đối với học trò, đóng góp các thể lệ học trò mà cụ đã sư công dạy dỗ nên người, trong số đó không ít người đã trở thành nhân tài của đất nước.

9. CÔ BÉ LỘ LEM

Ngày xưa, có một ông nhà giàu vợ chết sớm để lại cho ông một cô con gái đẹp nhất. Sau, ông ta cưới một bà vợ kế⁽¹⁾. Bà này tính tình rất cay nghiệt và đanh ác. Bà ta cũng có hai cô con gái tính nết giống in hệt mẹ. Còn cô gái con bà vợ trước thì vừa đẹp người lại đẹp nết, tính tình hiền lành, tốt bụng chẳng khác gì mẹ cô hồi còn sống.

Vốn ghen ghét đứa con chồng nết na thủy mị được mọi người quý mến hơn hai cô con gái xấu người xấu nết của mình, bà ta bắt cô chị phải làm lụng vất vả suốt ngày để hầu hạ cả

nhà; nào gánh nước, nấu ăn, rửa bát, nào lau cầu thang, quét dọn buồng riêng của bà và của cả hai cô em gái. Đã thế cô chị lại phải ngủ một mình trên gác xếp chứa đồ đạc tối tăm, bụi bặm. Còn hai cô em được ngủ trong một căn buồng sang trọng trên những chiếc giường nệm trắng tinh, có đủ tủ gương bóng lộn.

Cô bé đáng thương đành kiên nhẫn chịu khổ không dám than thở nửa lời với bố vì ông ta bị bà vợ đánh đá hoàn toàn lẫn át. Mỗi buổi tối làm xong mọi việc, cô thường ngồi nép mình ở một xó bếp nên bị tro than bám đầy người. Vì vậy, mọi người quen gọi cô là cô bé Lọ Lem.

Một hôm, có một hoàng tử ⁽²⁾ trẻ tuổi tổ chức một cuộc dạ hội ⁽³⁾ tưng bừng ở kinh đô ⁽⁴⁾. Hai cô em gái của Lọ Lem cũng được mời đến dự vì chẳng gì hai cô cũng là con nhà danh giá trong vùng. Sau khi trang điểm phấn son và diện những bộ áo quần thật diêm dúa ⁽⁵⁾, hai cô bước lên xe đi dự dạ hội. Lọ Lem chỉ còn biết ngẩn ngơ nhìn theo hai cô em cho đến lúc xe đi mất hút. Sau đó cô chạy vào trong bếp ôm mặt khóc nức nở.

Bỗng nhiên, một bà tiên xinh đẹp, hiện mau hiện ra hỏi vì sao cô khóc. Lọ Lem thốt thốt không nói nên lời. Bà tiên hiện ngay và hỏi:

— Cháu muốn đi dự dạ hội của hoàng tử có phải không?

— Dạ, thưa bà vâng ạ!

— Được rồi, cháu là một cô gái ngoan ngoãn và thực đáng yêu! Bà sẽ sửa soạn cho cháu đi dự hội. Cháu hãy ra vườn hái cho bà một quả bí đỏ vào đây! ⁽⁶⁾

Lọ Lem ra vườn hái quả bí đỏ to nhất, đẹp nhất đem vào. Bà tiên bỏ quả bí ra, nạo hết ruột đi và đập nhẹ chiếc đĩa thần ⁽⁷⁾ vào quả bí, tức khắc một cỗ xe dát vàng ⁽⁸⁾ chời lọi hiện ra. Tiếp đó bà đến chỗ góc bếp xách cái bầy chuột trong có sáu chú chuột nhất đang mắc bầy đem ra. Bà bảo Lọ Lem mở hé chiếc cửa bầy và cứ mỗi chú chuột chạy ra bà lại dùng chiếc đĩa thần đập nhẹ vào đầu biến chú ta thành một con ngựa bạch ⁽⁹⁾ cao lớn, đẹp đẽ: thế là có đủ một cỗ ngựa sáu

con đồ kéo chiếc xe. Còn thiếu một chàng đánh xe, bà bảo Lọ Lem ra phía sau nhà xách nốt chiếc bầy chuột cống vào. Bà bắt một chú chuột cống lớn nhất, dùng đĩa thần biến chú ta thành một anh chàng đánh xe khỏe mạnh, bảnh trai với bộ ria mép sang nhất trên đời.

Xong đâu đấy, bà quay lại nhìn Lọ Lem, rồi lấy đĩa thần đập nhẹ vào bộ quần áo cũ rách, nhem nhuốc cô đang mặc. Lập tức nó biến thành một bộ xiêm áo ⁽¹⁰⁾ cực kì lộng lẫy, long lánh đầy kim cương, vàng ngọc. Bà lại vẩy đĩa một cái, một đôi giày kim tuyến ⁽¹¹⁾ nạm ngọc ⁽¹²⁾ xinh xắn hiện ra. Thế là mọi việc sửa soạn đã tươm tất.

Tiền Lọ Lem đi, bà tiên căn dặn cô đừng đi quá mười hai giờ khuya, vì quá giờ đó cô sẽ gặp điều chẳng lành. Lọ Lem hứa sẽ nhớ lời bà dặn và cô hớn hờ bước lên cỗ xe đưa thẳng cô đến kinh đô dự hội.

Cỗ xe ngựa cực kì sang trọng vừa đưa Lọ Lem tới trước cung vua, lính canh cổng vào báo, hoàng tử vội vàng chạy ra đưa tay đỡ cô thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần ⁽¹³⁾ bước xuống xe và dẫn nàng vào trong phòng dạ hội. Cả căn phòng rộng lớn choáng lộn ánh đèn ngũ sắc đang nhón nhíp, lung bừng trong các điệu khiêu vũ ⁽¹⁴⁾ bỗng im lặng như tờ. Mọi người ngẩn ra say sưa ngắm nghía nàng công chúa đẹp như tiên nga mà không ai biết họ tên. Hoàng tử mời thiếu nữ ngồi vào chỗ vinh dự nhất để cùng chàng thưởng thức mọi thứ hoa thơm quả quý nhất trên đời. Sau đó, hoàng tử mời nàng cùng khiêu vũ. Nàng nhảy rất duyên dáng và lịch sự, khiến mọi người lại càng hết lời ca tụng ⁽¹⁵⁾.

Lọ Lem dự dạ hội mãi đến mười hai giờ kém một khắc ⁽¹⁶⁾ mới lễ phép cáo từ ⁽¹⁷⁾ hoàng tử và rảo bước ra xe về nhà. Về đến nhà, cô xin phép bà tiên tối mai cho đi dự một buổi dạ hội nữa vì cô được hoàng tử khấn khoản mời. Một lúc lâu sau, hai cô em mới về. Một cô khoe với Lọ Lem: « Nếu chị được đến dự dạ hội thì chị phải vui sướng biết chừng nào: có một nàng công chúa đẹp nhất trần gian đã đến dự hội đêm nay! »

Tối hôm sau, hai cô em lại đi dạ hội và Lọ Lem cũng đi. Đêm nay cô còn xinh đẹp, lộng lẫy hơn đêm trước hội phân. Còn hoàng tử thì cứ xoắn xít ở bên khiến cô gái mãi vui đến nỗi quên cả lời bà tiên căn dặn. Lúc biết đã muộn giờ, cô mới hốt hoảng vội vã ra về, chạy nhanh như một con sóc. Hoàng tử hốt hải chạy theo nhưng không đuổi kịp. Trong lúc vội vã bỏ chạy, Lọ Lem để rớt lại một chiếc giày. Hoàng tử liền nhặt lấy đem về phòng dạ hội. Còn Lọ Lem vừa chạy vụt ra khỏi hoàng cung⁽¹⁸⁾ lên xe đi chừng nửa dặm⁽¹⁹⁾ thì chuông đồng hồ lớn ở kinh đô điểm mười hai tiếng. Cổ xe bỗng biến thành quả bí đỏ lăn lóc bên vệ đường. Đàn ngựa lại trở thành lũ chuột. Quần áo điểm dúa lại hóa ra rách rưới lem luốc như cũ. Chỉ còn mỗi một chiếc giày bà tiên cho là vẫn còn nguyên. Cứ thế Lọ Lem chạy bỏ hơi tai về đến tận nhà.

Về phần hoàng tử, sau khi nhặt được chiếc giày xinh đẹp, chàng chỉ ngần ngừ ngồi ngắm nghía chiếc giày, để mặc khách khứa cứ việc vui chơi cho tới quá khuya.

Mấy ngày sau, chàng sai lính đi rao khắp nơi loan báo⁽²⁰⁾ cho cả nước biết: cô gái nào ước muốn chân đi vừa chiếc giày hoàng tử nhặt được thì sẽ được chàng cưới làm vợ. Các cô gái trong nước dù các hạng người đều xin ước thử: từ các thiên nữ con nhà giàu sang đến con gái các quan lớn nhỏ ai cũng hi vọng được làm vợ hoàng tử, nhưng chẳng cô nào ước vừa chiếc giày nhỏ nhắn xinh xắn đó. Cả hai cô em Lọ Lem cũng đành buồn rầu, thất vọng.

Ông nhà giàu ngắm nghía mãi chiếc giày, chợt bảo Lọ Lem ước thử xem sao thì quả nhiên chân nàng đặt vào chiếc giày vừa vặn như khuôn đúc, và làm cho chiếc giày đẹp lên hội phân. Mọi người càng sửng sốt hơn khi thấy Lọ Lem rút trong túi áo ra để xỏ thêm vào chân kia một chiếc giày thứ hai giống hệt chiếc giày ước thử này.

Đúng lúc đó, bà tiên hiền hậu chợt hiện ra cầm chiếc đĩa thần đập nhẹ lên bộ quần áo xấu xí của Lọ Lem, quần áo của cô tức khắc lại biến thành lộng lẫy, khuôn mặt cô vụt trở nên tươi đẹp một cách kì lạ. Hai cô em liền nhận ra chị mình

chính là nàng công chúa xinh đẹp, đáng yêu mà hai cô đã gặp ở dạ hội. Hai cô bỗng cảm thấy ăn năn, hối hận vô cùng về cách đối xử với chị từ trước tới nay.

Thế là hoàng tử cho xe đến rước Lọ Lem vào cung, và xin phép vua cha tổ chức lễ cưới. Lọ Lem vốn là một cô gái xinh đẹp lại rộng lượng và thương người. Nàng cũng đón hai cô em vào cung và gả cho hai viên quan trẻ tuổi có tài cán của triều đình⁽²¹⁾. Từ đó, hai cô thay đổi hẳn tâm tính và trở nên nhân từ⁽²²⁾ tốt bụng như cô chị. Và cũng từ đó, chẳng ai còn gọi cô chị là cô bé Lọ Lem nữa.

HỒ QUANG LƯU kể

(Phỏng theo truyện cổ Pe-rô)

A/ Chú giải:

1. Vợ kẻ: vợ cưới sau khi vợ trước qua đời. Gác xếp: gác phở và thập mại thường dùng để chứa đồ đạc.
2. Hoàng tử: con vua.
3. Dạ hội: cuộc vui lớn tổ chức vào ban đêm.
4. Kinh đô: thành phố trung tâm nơi vua chúa ở trong thời phong kiến.
5. Điểm dúa: (quần áo, trang sức) đẹp để một cách lộng lẫy, sang trọng.
6. Bí đỏ: thứ bí quả tròn, dẹt như cái rổ con, vỏ có khía dọc, khi chín già thịt màu vàng tươi, vỏ cứng màu vàng sẫm (còn gọi là bí ngô, bầu lảo...)
7. Đũa thần: đũa có phép lạ của thần, bự (theo óc tưởng tượng của người xưa).
8. Dắt vàng: đính vàng vào cho đẹp để sang trọng.
9. Ngựa bạch: ngựa có bộ lông màu trắng.
10. Xiem: váy của phụ nữ.
11. Kim tuyến: chỉ bằng vàng.
12. Nam ngọc: đính những hạt ngọc vào cho đẹp để sang trọng.
13. Tuyệt trần: nhất ở trên đời, không có ai hơn.
14. Khiêu vũ: (nam nữ) nhảy với nhau theo điệu nhạc trong một cuộc vui.
15. Ca tụng: tỏ lòng khen ngợi một cách khâm phục.
16. Khắc: một phần tư giờ, tức 15 phút (cách nói hồi xưa).
17. Cáo từ: từ biệt bằng lời lễ lịch sự.
18. Hoàng cung: cung vua.
19. Dặm: đơn vị đo chiều dài thời xưa, dài khoảng 540 mét.
20. Loan báo: truyền rộng tin cho mọi người đều biết.
21. Triều đình: bộ máy chính quyền trung ương do nhà vua đứng đầu dưới chế độ phong kiến xưa kia.
22. Nhân từ: giàu lòng thương yêu con người.

B/ Ý nghĩa:

« Cô bé Lọ Lem » (Cendrillon) là một trong những truyện cổ đặc sắc được trẻ em ưa thích nhất của Pe-rô, nhà văn Pháp (thế kỉ 17) nổi tiếng trên thế giới với tập « Truyện thần tiên » của ông viết cho thiếu nhi.

Tương tự « Truyện Tấm Cám » của Việt Nam, truyện đã quan tâm tới số phận của những em bé đáng thương trong xã hội cũ, mặc dầu

hiền lành, xinh đẹp, tốt bụng, chăm làm, nhưng thường phải chịu cái cảnh đi ghẻ, mẹ kế... hắt hủi tàn nhẫn, đối xử bất công; suốt đời các em sẽ phải sống cuộc đời cơ cực, tối tăm, nếu không có những bà tiên phúc hậu hoặc những ông bụt nhân từ luôn luôn đoái thương đến những số phận... Đó cũng là ước mơ chung của người xưa bao giờ cũng mong muốn và tin tưởng ở một điều là: « Ở hiền gặp lành », người lương thiện, nhân đức sẽ được sống sung sướng, hạnh phúc. .

10. CHUYỆN ÔNG PHÙNG HUNG ĐÁNH CỌP

Vào khoảng đầu mùa hạ. Chưa năm nào động rừng (1) dữ như vậy. Thú dữ nhan nhản kéo về Đường Lâm, hết bầy này đến lũ khác. Nhưng rồi chỉ một dạo là tất cả đều đã phải bạt đi miền khác, bởi khiếp oai một con hổ không biết từ đâu tới, và tới sau cùng.

Hổ dữ lớn như một con bò mộng (2). Trâu, bò, lợn và cả người nữa đều bị cọp hại không biết bao nhiêu mà kể. Dân làng đồn là nó đã thành tinh (3). vì họ đã đặt đủ các thứ kiếng bẫy, nhưng không kiếng bẫy nào chạm được tới cọp. Đã có lần, một đám trai làng liều lĩnh, mang cung tên giáo mác, theo dấu chân cọp, lần sâu vào rừng lũng tìm từ sáng tinh mơ. Nhưng trời vừa xẩm tối thì thấy cả bọn mặt cắt không còn hạt máu, chạy hộc tốc về làng. Nhiều người sợ quá đến phát ốm, mê sảng li bì. Họ kể lại rằng vào lúc xế chiều thì gặp cọp trong rừng. Nhưng thật kinh lạ! Cả một loạt tên độc từ tay đám trai làng phóng ra, bay như châu chấu về phía cọp mà không một mũi tên nào trúng đích. Cọp liền gầm thét nhảy xổ vào giữa đám người, và chỉ một tát, rồi một vả, đập chết gục luôn hai người trong bọn.

Dân làng Đường Lâm từ đó không còn ai dám tính chuyện trừ cọp nữa. Mới chập tối, nhà nào nhà nấy đã gài ngõ, chèn cổng thật chặt, ở yên trong nhà. Trẻ con sợ không dám cất tiếng khóc đêm. Và sáng sáng, dân làng khiếp đảm chỉ cho nhau xem những vết chân cọp to bằng cái bát lớn, những

đồng nước dãi cọp tanh tươi rải trên đường làng, và ở ngay góc sân nhà. Cọp được thề càng ngang nhiên hoành hành. Một buổi trưa, nó đã dám táo tợn chop luôn một con trâu lớn đang ăn cỏ ngay ven rừng, xé xác ăn tim ruột rồi bỏ thây lại.

Thấy cọp quấy nhiễu dân làng, Phùng Hưng giận lắm. Ông tới ven rừng xem kỹ dấu chân cọp rồi bảo mọi người:

— Cứ để nguyên xác trâu ở đấy! Cọp đang ăn dở mồi, nhất định tối nó sẽ quay trở lại. Ta sẽ sống mãi (4) với nó phen này!

Nói là làm. Xẩm tối, mặc lời can ngăn của mọi người, Phùng Hưng nai nịt (5) gọn gàng, lưng giắt dao nhọn, tay xách cây lao (6) ngắn, đi thẳng vào rừng. Mặt trăng vừa nhô lên trên khu rừng đen sẫm thì trận đấu dữ dội giữa người và ác thú cũng bắt đầu. Cọp dữ vừa lần tới chỗ mồi ăn dở thì Phùng Hưng cũng rời chỗ nấp, lưng lửng bước tới, cây lao lăm lăm trong tay. Cọp sừng sốt giương đôi mắt đỏ như hai hòn than nhìn kẻ địch, và đột nhiên nó gò người phục xuống, nhẹ nhàng găm gờ đe dọa. Phùng Hưng cũng đứng lại, giữ thế chờ sẵn.

Bỗng vụt một cái, đất đá bay rào rào, sau một tiếng gầm inh trời, cọp chồm tới, vồ ập xuống Phùng Hưng. Chỉ đợi có thế, nhanh như cắt, Phùng Hưng nghiêng người vùng tay phóng mạnh cây lao ra. Ngọn lao phóng hết cả tay, bay vút, sáng loáng, như một ánh chớp, cắm ngập vào giữa ức (7) cọp đang lù lù như trái núi đổ tới. Cọp gào thét, mất đà rồi chúi đầu xuống sát ngay trước mặt Phùng Hưng. Thuận tay, Phùng Hưng túm chặt lấy đầu cọp, rồi rút nhanh con dao, xả một nhát trí mạng (8) vào gáy cọp. Trúng hai vết thương hiểm ác, cọp gầm rống, giãy giụa, cố chồm dậy. Nhưng Phùng Hưng cũng mang hết sức mình, ghì chặt đầu cọp xuống đất. Người và thú dữ giằng co, quần thảo (9) dữ dội...

Lúc dân làng nghe tiếng cọp gầm thét, hốt hoảng dốt được rừng rừng kéo nhau chạy ủa ra rừng, thì trận đấu đã gần kết thúc.



Dưới ánh đuốc lập lòe, con cọp vằn lớn như con bò mộng đang nằm phủ phục, bốn chân rần rật giãy lằn cuối cùng. Và Phùng Hưng, mắt long sòng sọc như tường nhà trời, tay nổi gân cuồn cuộn, xoạc chân, ấn chắc đầu cọp như đóng đinh xuống đất. Cây cỏ một vùng đổ nghiêng ngã, nát nhừ...

Thấy cọp đã hết cựa, Phùng Hưng lúc ấy mới từ từ buông đầu cọp, loạng choạng đứng thẳng dậy. Trời về đêm lạnh mà mồ hôi chảy ướt đầm cả tấm áo chên⁽¹⁰⁾. Dân làng hò reo tưởng đến võ rừng, kiêu ngay hảo hán⁽¹¹⁾ của mình lên, và khiêng xác cọp về. Cả làng đốt lửa ăn mừng ngay đêm ấy.

Từ đó, một đồn mười, mười đồn trăm, danh tiếng « Phùng Hưng đánh cọp, cứu dân » lan rộng mãi như sóng cồn ngoài biển cả. Chẳng bao lâu, khi Phùng Hưng dựng cờ khởi nghĩa đánh quân xâm lược nhà Đường phương bắc, hàng vạn người ở khắp nơi trong nước kéo về Đường Lâm⁽¹²⁾ theo ông đánh giặc. Tục truyền nhân dân ta thời đó đã tôn ông là « Bô Cai Đại Vương »⁽¹³⁾.

Theo AN CƯỜNG

(Bổ Cai Đại Vương — NXB Kim Đồng, 1962)

A/ Chú giải:

1. Động rừng: hiện tượng có nhiều thú dữ ra khỏi rừng.
2. Bò mộng: bò đực lớn và khỏe.
3. Tỉnh: yếu quái, ma quỷ.
4. Sòng mái: nói quyết liệt, được thua dứt khoát.
5. Nại nịt: thắt, buộc quần áo mặc trên người cho gọn gàng, chắt chẽ (để chuẩn bị một cuộc đấu sức hoặc ra trận...).
6. Láo: gây có đầu nhọn để phóng vào đích.
7. Ưc: vung giữa ngực, từ cổ đến bụng.
8. Trí mạng: làm cho nguy đến tính mạng.
9. Quần thảo: đánh lộn, vật lộn với nhau.
10. Áo chên: áo ngắn và hẹp, mặc bó sát vào người.
11. Hảo hán: người đàn ông giỏi võ nghệ, dũng cảm, hay cứu giúp người khác (trong xã hội phong kiến).
12. Đường Lâm: thuộc tỉnh Sơn Tây cũ (nay thuộc ngoại thành Hà Nội).
13. Bô cai: (từ cổ) tức bố mẹ.

B/ Ý nghĩa:

Cũng như Bà Trưng, Bà Triệu, Mai Thúc Loan (tức Mai Hắc Đế) v.v., Phùng Hưng là một trong những vị anh hùng đã có công dựng cờ khởi nghĩa cứu nước cứu dân thời xưa. hỡi nhân dân ta còn chìm

đắm trong cuộc đời tối tăm nô lệ dưới ách thống trị hàng nghìn năm của bọn phong kiến xâm lược Trung Quốc.

Câu truyện trên đây giới thiệu với chúng ta một hình ảnh trong sáng, hào hùng biểu hiện tấm lòng yêu thương nhân dân của Phùng Hưng hồi còn trẻ, quyết ra tay trừng trị loài cộc dốt để cứu dân làng. Tuy là một truyện kể về một danh nhân lịch sử, nhưng câu chuyện vẫn mang vẻ bình dị, tự nhiên của một truyện cổ tích lí thú thời xa xưa.

11. SỰ TÍCH ÔNG TÁO LÊN CHẦU TRỜI (*)

Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo lấy nhau đã lâu mà không có con. Một hôm, trong lúc phiên muộn vợ chồng xảy ra chuyện cãi nhau, chồng nóng nảy lỡ đánh vợ quạ tay. Vợ tủi phận⁽²⁾ và vì quá giận chồng bèn bỏ nhà ra đi. Sau do duyên số⁽³⁾ run rủi, chị kết bạn với một người đàn ông khác làm nghề đi săn ở một vùng miền ngược. Về phần người chồng, khi vợ bỏ đi rồi mới thấy hối hận, ít ngày sau vì thương vợ cũng bỏ nhà đi tìm. Tìm mãi không thấy, hết tiền ăn đường lại sinh ốm đau vì vất vả lê lết, anh ta đành phải vừa đi vừa ăn xin lần hồi⁽⁴⁾.

Một bữa, người chồng tình cờ đến xin ăn ở chính nhà vợ chồng người đi săn ấy. Chị vợ nhận ra chồng cũ đói rách tiều tụy chỉ còn biết ôm lấy chồng mà khóc lóc than vãn. Nhân người chồng mới đi săn vắng nhà, chị bèn dọn một bữa cơm rượu thơm tất cho chồng cũ ăn uống. Khi sắp đến giờ chồng đi săn về, chị vợ vội đưa người chồng cũ ra nấp trong đồng rơm ở cuối sân để tránh điều tiếng không hay.

Vừa lúc đó, người chồng đi săn về được một con cây to tương. Nghỉ ngơi một lát, chồng bảo vợ ra chợ sắm mọi thứ để làm một bữa chén ra trò thết xóm giềng thân thiết. Trong khi chị vợ đi vắng thì anh chồng đốt đồng rơm để thui con cây. Lửa rơm cháy bùng lên bất đồ đã thui chết luôn cả người chồng cũ đang ngủ mê mệt sau một bữa cơm no rượu say và những ngày tháng vất vả nhọc nhằn.



Tích ông Táo lên chầu trời

Giữa lúc ấy thì người vợ về. Thấy thế, chị vô cùng đau xót như chính mình đã mắc tội giết chồng cũ, chị liền nhảy luôn vào đồng lửa chết theo. Người chồng mới như hiểu ra sự tình, thương vợ quá cũng đâm đầu vào đó chết nốt. Hôm đó là một ngày cuối đông tiết trời lạnh giá, ngày hai mươi ba tháng chạp âm lịch.

Thấy ba vợ chồng ăn ở tình nghĩa với nhau đến chết, Ngọc Hoàng (*) bèn cho họ hóa làm ba ông đầu rau trong bếp để họ ở bên nhau mãi mãi trong cùng một ngọn lửa ấm như khi họ chết. Đồng thời, Ngọc Hoàng cũng phong cho họ làm Táo quân (còn gọi là Vua bếp) để trông coi việc bếp núc, tức việc gia đình của từng nhà trên thế gian. Hằng năm cứ đến ngày hai mươi ba tháng chạp, vua Táo lại cưỡi cá chép lên châu Ngọc Hoàng để tâu với Trời về việc làm ăn và cách ăn ở, cư xử với nhau của mỗi gia đình ở dưới trần thế.

Nhân dân ta từ xưa, mỗi lần năm hết Tết đến, vẫn có tục lệ mua cá chép về làm cỗ cúng tiễn ông Táo lên châu Trời ngày hai mươi ba tháng chạp âm lịch. Tục lệ đó chính là bắt nguồn từ câu chuyện trên đây.

QUY THẠNH kể

(Theo truyền thuyết dân gian Việt Nam)

A/ Chú giải :

1. Ông Táo : (còn gọi : Táo quân, hoặc Vua bếp) : tên vị Thần bếp (theo quan niệm người xưa) trông coi việc bếp núc, việc gia đình của mỗi nhà, được biểu hiện ra ở ba ông đầu rau, tức ba hòn đất nung để kê nồi lên đun ở trong bếp của mỗi nhà (miền trung gọi là ba ông núc).
2. Thi phàn : cảm thấy buồn vì số phận (cuộc sống mà mỗi người phải chấp nhận do trời định đoạt—theo quan niệm cũ).
3. Duyên số : cuộc tình duyên (mối tình kết thành vợ chồng) do số phận định đoạt (cũng theo quan niệm cũ).
4. Lặn lội : nắn nà cho qua thời.
5. Ngọc Hoàng : ông Trời (theo quan niệm xưa) sinh ra cõi tiên (trên trời) và cõi trần (dưới mặt đất).

B/ Ý nghĩa :

Con người là ở đời ăn ở với nhau phải có nhân có nghĩa, có thủy có chung, trước hết từ trong gia đình, sau ra ngoài xã hội. Đó là truyền thống đạo đức hết sức quý báu của nhân dân ta vốn có từ xưa. Nhiều truyền thuyết cũ, nhiều truyện cổ xa xưa còn truyền lại tới ngày nay thường đề

cao, tô đậm truyền thống nhân nghĩa thủy chung vô cùng đẹp đẽ đó. Và truyền thống đạo lý đẹp đẽ đó đã làm nảy nở không ít những thiên truyền thuyết và cổ tích trữ tình đầy ý vị, làm rạng rỡ thêm cho nền văn chương dân gian phong phú của dân tộc ta.

Truyền thuyết « Sự tích ông Táo lên châu Trời » trên đây chính là một trong những truyền thuyết có nội dung ý nghĩa đẹp đẽ nói trên. Cũng như những truyền thuyết « Sự tích bánh chưng bánh giầy », « Sự tích trâu cày », v.v..., mà người Việt Nam nào cũng biết, nó có sức hấp dẫn thật kì lạ đối với mỗi người Việt Nam từ xưa tới nay. Mỗi khi năm hết Tết đến, trong gia đình người Việt Nam có tục lệ làm cỗ cúng tiễn ông Táo lên châu Trời vào ngày 23 tháng chạp âm lịch, thì câu chuyện thường trở lại tâm trí mỗi người với vẻ kì thú vẫn nguyên như vậy.

Câu chuyện có ý nghĩa đề cao cái lễ nhân nghĩa thủy chung trong đạo vợ chồng là nền tảng hạnh phúc của mỗi gia đình xưa cũng như nay. Cùng với câu chuyện truyền thuyết đặc sắc này, cái lễ nhân nghĩa thủy chung đó sẽ không bao giờ mai một đi trong truyền thống đạo lý của người Việt Nam.

12. NÀNG CÔNG CHÚA NGỦ TRONG RỪNG

Ngày xưa, có một ông vua tuổi đã cao mà vẫn không có con. Vua và hoàng hậu lấy làm buồn lòng.

Nhưng rồi một buổi sáng đẹp trời, chuông nhà thờ trong cả nước bỗng thánh thót vang lên báo tin hoàng hậu sinh một nàng công chúa. Nhà vua muốn làm lễ cầu nguyện cho công chúa thật trọng thể, bèn sai quan hầu đi khắp nước mời cho được bảy bà tiên đến làm mẹ đỡ đầu cho công chúa. Vua mong ước mỗi bà tiên sẽ truyền cho nàng một đức tính tốt để sau này nàng trở thành một công chúa tuyệt thế giai nhân ⁽¹⁾, đức hạnh vẹn toàn không ai sánh kịp.

Đến ngày lễ cầu nguyện cho công chúa, tất cả các quan trong triều đều được mời dự bữa tiệc lớn mà nhà vua thiết bày bà tiên. Theo lệnh vua, bảy nàng cung nữ ăn mặc duyên dáng, sắc mặt hồng tươi, đem đến dâng bảy bà tiên mỗi bà một cái tráp ⁽²⁾ bằng vàng rất đẹp, bên trong đựng một chiếc

thìa, một chiếc đĩa ⁽³⁾ và một con dao bằng vàng nạm kim cương và đá quý, giống hệt như nhau.

Tiệc sắp bắt đầu, bỗng nhiên cánh cửa lớn ở cuối phòng mở toang, mọi người sững sốt thấy một bà tiên già khụ xuất hiện. Bà ta lưng gù, da nhăn nheo, ~~đen~~ xám, tóc bạc lơ thơ; đã hàng mấy chục năm nay bà không lui tới nơi nào kể cả hoàng cung, nên mọi người định ninh là bà ta đã châu trời.

Vua bèn mời bà ngồi dự tiệc và sai cung nữ dọn thêm một bộ đồ ăn khác cho bà. Dĩ nhiên do không chuẩn bị trước, nên lúc này không thể kiếm đâu ra chiếc traps đựng bộ đồ ăn bằng vàng nạm kim cương cho bà tiên thứ tám đến muộn này được. Bà tiên già tưởng nhà vua khinh thường mình nên cau có lắm bầm điều gì trong miệng không ai nghe rõ. Một bà tiên trẻ nhất ngồi bên cạnh nhận ra ngay nét mặt giận dữ và tiếng lầm bầm đe dọa của bà ta, nên đoán rằng bà ta sẽ cầu cho công chúa một điều bất hạnh ⁽⁴⁾ gì đó.

Bởi vậy, sau bữa tiệc, khi các bà tiên đến quây quần chung quanh cái nôi của công chúa để cầu nguyện và ban phép lành, thì bà tiên trẻ nhất đứng lùi lại sau bức rèm cửa với ý định sẽ là người ban phép cho công chúa sau cùng. Bà tiên thứ nhất chúc công chúa đẹp nhất trần gian không ai sánh bằng. Bà thứ hai chúc công chúa thông minh, sáng dạ như một thiên thần ⁽⁵⁾. Bà thứ ba chúc công chúa việc nhà, việc cửa, việc gì làm cũng duyên dáng, khéo léo không ai bì kịp. Bà thứ tư chúc công chúa múa đẹp không một tiên nữ nào bằng. Bà thứ năm chúc công chúa hát hay hơn cả chim họa mi. Bà thứ sáu chúc công chúa biết chơi tất cả các thứ đàn mà thứ nào chơi cũng giỏi vào bậc nhất trên đời.

Đến lượt bà tiên già, bà cúi hắt mình xuống chiếc nôi, đầu lắc lư, mắt gườm gườm, miệng lắp bắp nguyện rằng một ngày kia công chúa sẽ bị một mũi xa quay sợi đâm vào tay mà chết.

Một lời nguyện rủa độc địa bất ngờ làm cho khách dự tiệc đang vui vẻ bỗng rùng mình sợ hãi. Giữa lúc ấy bà tiên trẻ nhất từ sau bức rèm bước lại và lên tiếng: « Xin nhà vua

và hoàng hậu cứ yên lòng. Tôi không có đủ phép mầu nhiệm để giải độc hoàn toàn cho công chúa về lời nguyện rủa độc ác của bà tiên già này. Nhưng tôi có đủ phép để làm cho công chúa sẽ không chết mà chỉ ngủ một giấc dài một trăm năm, lúc đó sẽ có một hoàng tử đến đánh thức nàng dậy để kết duyên đẹp với nàng ».

Mặc dầu vậy, sau đó nhà vua vẫn muốn tránh hoàn toàn mọi sự rủi ro ⁽⁶⁾ có thể xảy ra cho công chúa, nên ra lệnh cấm nhân dân trong nước không được dùng xa quay sợi, nếu ai không tuân theo sẽ bị xử tử hình ⁽⁷⁾.

Năm, tháng trôi qua, công chúa đã đến độ trăng tròn rất mực xinh tươi, nét na. Một hôm nàng đi thăm một tòa lâu đài cổ, leo lên tầng lầu cao chót vót tòa nhà. Có ai ngờ đâu ở đây vẫn có một bà cụ già đang ngồi quay sợi. Vì đã già nua, lại chẳng bao giờ bước chân ra khỏi nơi đây, nên bà không hề biết đến lệnh cấm của nhà vua.

Công chúa thấy bà già quay sợi hay hay, bới từ tấm bé vốn tình siêng năng chăm làm nhưng chưa bao giờ nàng được thấy cái công việc thú vị này cả, nàng liền lại gần thỏ thẻ hỏi bà cụ:

— Bà ơi, bà làm gì đấy?

— Bà đang quay sợi, cháu ạ! — Bà già đáp.

— Ôi, bà quay sợi trông thích nhỉ! Bà cho cháu quay thử xem sao, một tí thôi, bà nhé!

Công chúa quay sợi thử, song chưa quen nên vừa quay một cái thì bị mũi xa đâm ngay vào tay chảy máu. « Ối! », nàng kêu lên và ngã xuống ngất lịm. Bà già sợ quá kêu cứu rồi rít. Mọi người trong lâu đài nghe tiếng kêu bèn chạy đến xem lại cứu chữa, nhưng công chúa vẫn không tỉnh lại. Tin dữ đến tai vua. Nhà vua nhớ lại lời cầu nguyện và ban phước ⁽⁸⁾ của bà tiên trẻ năm xưa, bèn cho đem công chúa vào trong căn phòng lồng lầy nhất của tòa lâu đài, đặt nàng vào một chiếc giường có màn thêu kim tuyến ⁽⁹⁾ óng ánh như sao vậy quanh khuôn mặt như vàng trắng sáng ngời của nàng.



Bà tiên trẻ lúc ấy đang ở một nơi xa, nhưng được chủ lầu có đôi giày bầy dậm tức tốc đến báo tin cho biết ngay. Bà liền cưỡi một chiếc xe có đôi rồng kéo phóng như bay về tòa lầu đài. Đến nơi, bà rút chiếc đĩa thần trong người ra, đập nhẹ vào tất cả mọi người và vật trong lầu đài, khiến cho cả tòa lầu đài cùng ngủ một giấc trăm năm như công chúa. Từ những người hầu gái đến bác đầu bếp, người hầu bàn ăn, lính gác cổng, anh đánh xe ngựa, cho đến những con ngựa đẹp đang ăn cỏ trong tàu ngựa, và cả con chó nhỏ Tô Tô của công chúa đang ve vầy dưới chân giường nàng... tất cả đều ngừng tay, kẻ ngủ đứng, người ngủ ngồi, có người đang làm bếp, có người giặt quần áo, nhưng hết thấy đều chìm sâu vào một giấc ngủ dài, nhìn từ xa không ai hay biết gì hết. Bà tiên trẻ muốn rằng một trăm năm sau khi công chúa thức dậy, nàng sẽ không phải bối rối, sợ hãi vì phải sống cô độc một thân một mình trong tòa lầu đài cổ.

Vua và hoàng hậu lau nước mắt, hôn công chúa, cảm ơn bà tiên trẻ và trở về hoàng cung. Còn nàng công chúa xinh đẹp thêm thiệp một giấc ngủ nồng nàn trên miền, cùng với tòa lầu đài cổ và những người phục vụ giữa khu rừng hoang vắng. Chẳng bao lâu, cây cối lớn nhỏ, gai góc cũng cỏ dại, rêu xanh mọc lên um tùm bao vây kín mít tòa lầu đài không ai ra vào được nữa. Và dần dần cũng chẳng mấy ai còn nhớ tới nó nữa.

Năm, tháng lại qua đi. Vua và hoàng hậu già rồi cũng chết. Những vua mới lên ngôi cũng kế nhau qua đời. Riêng nàng công chúa vẫn ngủ trong khu rừng rậm rạp. Một trăm năm sau, có hoàng tử con nhà vua đang trị vì đất nước, một hôm đi săn nhác trông thấy có đỉnh ngọn tháp của một tòa lầu đài nhô lên giữa đám rừng cây um tùm. Chẳng hỏi dân chúng xung quanh nhưng không ai biết. Sau có một cụ già cao tuổi nhất trong vùng cho hay : từ hồi còn nhỏ, cụ được cha mình kể lại cho nghe câu chuyện về tòa lầu đài trong ấy có nàng công chúa đẹp nhất đời đang phải ngủ giấc ngủ 100 năm để đợi một hoàng tử đến đánh thức dậy.

Nàng công chúa ngủ 100 năm

Nghe cụ già kể chuyện, hoàng tử bồi hồi xúc động. Chàng quyết định dù khó khăn đến mấy cũng tìm đường vào tòa lâu đài đánh thức nàng công chúa bất hạnh kia đây. Len lỏi đến được cách đám rừng vài bước thì lạ thay, hoàng tử bỗng thấy những cây cổ thụ năm người ôm không xuể cùng gai góc cở đại bỗng giãn ra hai bên nhường lối cho chàng đi. Vừa bước qua, hoàng tử lại càng ngạc nhiên hết sức khi ngoảnh lại thấy hết thấy cây cối lại trở lại chỗ cũ ngăn cản không cho đám quân hầu của chàng bước theo vào. Hoảng sợ chàng định quay ra, nhưng nghĩ tới nàng công chúa vô tội phải ngủ hàng trăm năm để đợi người đến đánh thức, chàng bình tĩnh lại và tiếp tục dần bước.

Chẳng mấy chốc, chàng đã đứng trước tòa lâu đài âm u, lạnh lẽo đến rợn người. Nhìn vào trong sân, chàng thấy một cảnh tượng hãi hùng hiện ra: Những thân hình của người và vật lở nhả lở nhỏ, kẻ đứng, người ngồi, âm thầm lùi lũi như ma quỷ hiện hình, hết thấy cứ như chôn chân tại chỗ. Người yếu bóng vía trông thấy không khỏi rùng mình khiếp sợ. Thận trọng từng bước, chàng tiến lại gần hơn thì nhận ra những thân hình ấy vẫn còn thở, như đang ngủ một giấc say. Chàng mạnh bạo bước qua các phòng, đâu đâu cũng một cảnh tượng kì dị như thế cả: kẻ đứng, người ngồi, tất cả đều nhắm nghiền đôi mắt, miệng ngáy khò khò, kẻ cả anh lính gác đang bông súng trên vai.

Cuối cùng, hoàng tử đi tới một căn phòng sáng sủa, lộng lẫy nhất. Chàng giật mình khi trông thấy một nàng công chúa đơn mơn mớn như bông hoa hồng buổi sớm mai, gương mặt ngời sáng như mặt trăng đêm rằm, đang say sưa trong giấc ngủ êm đềm trên một chiếc giường nệm xinh xắn có màn thêu kim tuyến óng ánh.

Hoàng tử đến bên giường quý xuống ngắm nghía công chúa, chân tay run lên vì cảm động. Một lát, chàng nhẹ nhàng nâng bàn tay trắng muốt của công chúa lên, đặt vào đấy một chiếc hôn đầm thắm lẫn với hai giọt lệ long lanh bất giác trào xuống. Lạ lùng thay, công chúa bỗng từ từ mở mắt, hai hàng

mi thanh tú của nàng chớp chớp hường thẳng vào khuôn mặt trong sáng thoáng vẻ bối rối của hoàng tử. Không giấu được nỗi vui mừng nàng dịu dàng hỏi:

— Ôi, hoàng tử đây ư? Có phải chàng là người mà bà tiên, mẹ đỡ đầu của em, bảo em chờ đợi để chàng đến đánh thức em dậy đây không? — và nàng mỉm cười, nụ cười chum chim làm say lòng hoàng tử một cách lạ lùng.

Cả lâu đài bừng tỉnh giấc theo công chúa. Chim ở đâu bỗng ca lên riu rít và hoa đang ngủ bỗng xòe cánh nở khắp rừng. Mọi người bừng tỉnh giấc, hoan hỉ làm tiếp công việc mà 100 năm trước họ đang làm dở tay. Bữa ăn trưa bắc đầu bếp cũng vừa sửa soạn xong. Cô hầu gái nhẹ nhàng bước vào mời hoàng tử và công chúa sang phòng tiệc. Lễ cưới long trọng được tổ chức ngay trong tòa lâu đài cổ kính này. Tiệc cưới do chính bàn tay khéo léo của công chúa điều khiển làm với những món ăn tuyệt vời chưa từng thấy. Buổi dạ hội trong lễ cưới có tiếng hát hay hơn chim họa mi, có điệu múa đẹp hơn tiên nữ múa, có tiếng đàn ngày ngất lòng người của công chúa, càng tô điểm thêm cho mối tình duyên trăm năm của hoàng tử và công chúa những nét tuyệt diệu.

Ít năm sau, vua cha mất. Hoàng tử lên nối ngôi và đón công chúa trở về cung vua, nơi nàng đã xa cách một trăm năm trong giấc ngủ triền miên vì bụng dạ độc ác của bà tiên già đầy lòng đố kỵ! ⁽¹⁰⁾

ĐỖ QUANG LƯU kể
(Phỏng theo truyện cổ của Pe-rô)

A/ Chú giải:

1. Tuyệt thế giai nhân: người đàn bà đẹp nhất trên đời. 2. Tráp: hộp có ngăn và nắp dùng để đựng đồ vật. 3. Dĩa: đồ dùng có răng nhọn dùng để xiên thức ăn theo lối ăn ở châu Âu. 4. Điều bất hạnh: điều đau khổ, điều không may. 5. Thiên thần: thần ở trên trời. 6. Rủi ro: điều không may xảy ra đem lại thiệt hại hoặc đau khổ. 7. Tử hình: tội chết. 8. Ban phúc: ban phúc, ban cho điều tốt lành. 9. Kim tuyến: chỉ bằng vàng. 10. Đố kỵ: ganh tị, ghen ghét.

B/ Ý nghĩa:

Câu chuyện được kể phỏng theo một truyện cổ của Séc-lơ Pe-rô, nhà văn Pháp ở thế kỉ 17 (xem giới thiệu ở truyện « Cô bé Lọ Lem »).

Truyện nêu bật sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp đối với cái ác, cái xấu. Ở đây lòng nhân hậu của con người đã chiến thắng cái đồ kị, độc ác, mặc dù phải trải qua một thời gian rất dài, một giấc ngủ 100 năm của nàng công chúa ngủ trong rừng. Nàng đã được hưởng hạnh phúc xứng đáng sau giấc ngủ triền miên đó.

13. LU-I PA-XTO VÀ EM BÉ

Ngày mồng 6 tháng 7 năm 1885, một sự kiện đáng ghi vào lịch sử nhân loại : em bé Giô-dép Mây-xte, chín tuổi, bị chó dại cắn đã hai ngày lúc đi đến trường, đã được mẹ em đưa từ vùng quê An-dat⁽¹⁾ xa xôi đến thủ đô Pa-ri⁽²⁾ nhờ Lu-i Pa-xto cứu chữa. Mây-xte bị mười bốn vết cắn vào tay vì em đã dùng tay che mặt khi con chó xông vào. Con chó đã bị đánh chết, nhưng, tính mạng em cũng chỉ còn chờ đợi những ngày cuối cùng không thể nào thoát được như tính mạng của tất cả những người đã bị chó dại cắn từ xưa tới nay.

Pa-xto nhìn sắc thái đau đớn và lo lắng của em bé, nhìn thân hình tiều tụy của em, nhìn đôi mắt đỏ hoe rung rung muốn khóc và vẻ mặt đau xót của người mẹ, lòng ông se lại. Ông cố kìm nổi xúc động cứ trào lên mỗi khi nghĩ đến một ngày kia em bé đáng thương này sẽ lên cơn điên dại, cuối cùng lịm dần đi vì liệt, hoặc nghẹt thở vì một cơn giât dữ dội rồi chết. Ông không nên được lòng mình nữa, mắt ông đã ướt và lòng ông đầy lo lắng...

Đêm đã khuya lắm rồi. Pa-xto vẫn ngồi im lìm trước bàn làm việc, khuôn mặt đầy vẻ ưu tư, phờ phạc. Chỉ còn đôi mắt thăm thẳm cho biết ông đang suy nghĩ căng thẳng. « Có thể làm gì cho em bé ? ». Vắc-xin⁽³⁾ chữa bệnh dại của ông chế ra đã được thí nghiệm có kết quả tốt trên loài vật, nhưng chưa một lần nào thí nghiệm vào cơ thể con người. Pa-xto muốn cho em bé khỏi, nhưng không muốn lấy em làm vật thí nghiệm. Nhớ ra ! Phải, nhớ ra có tai biến thì sao ? Đối với loài vật thì

chưa thấy, nhưng ở người thì chưa lường trước được. Nhưng còn cách gì cứu em bé ? Bệnh dại sẽ phát ra, sắp sửa phát ra rồi, đe dọa tính mạng em.

Sáng hôm sau, Pa-xto lần lượt tìm gặp một số bác sĩ giàu kinh nghiệm và đã cùng nghiên cứu với mình đề bản học. Một đảng thì cái chết ghê gớm không thể thoát, còn một đảng nếu tiêm vắc-xin thì còn có hi vọng cứu khỏi em bé. Em bé, bà mẹ em bé, khoa học đòi hỏi Pa-xto phải làm việc đó. Họ đã nhất trí với nhau như thế.

Ngay buổi chiều, Pa-xto cùng hai bác sĩ cộng sự⁽⁴⁾ thân cận đến thăm em Mây-xte một lần nữa để quyết định lần cuối. Và cũng buổi chiều hôm đó, ngày mồng 7 tháng 7 năm 1885, họ đã tiêm vào dưới da bụng Mây-xte vài giọt vắc-xin chống dại. Loại vắc-xin này hầu như hoàn toàn không độc vì đã để trong bầu không khí khô mười bốn ngày.

Rồi những ngày hôm sau, tiếp tục tiêm các loại vắc-xin có độc tính⁽⁵⁾ tăng dần. Những ngày đầu, mọi việc đều trôi chảy tốt đẹp. Em bé ngủ yên, ăn thấy ngon, chỗ tiêm ngày hôm trước, hôm sau đã lành đi, không để lại vết tích gì. Nhưng những phát sau, với liều độc mỗi ngày một tăng, em bé bắt đầu có những triệu chứng⁽⁶⁾ đáng ngại : chỗ tiêm hơi tấy đỏ, tuy không đau. Em vẫn tỉnh táo, ăn ngủ tốt, nhưng có vẻ hơi bồn chồn.

Chín ngày trôi qua, Pa-xto cảm thấy dài đằng đặc như chín tháng. Tâm trí ông như một chiếc phong vũ biểu⁽⁷⁾, bập bênh theo những chuyển biến bệnh tật của em bé ; lúc lo lắng, lúc hi vọng, có lúc như hồi hận, nhưng có lúc lại như mừng rỡ. Luôn luôn sống ở trong trạng thái sốt ruột, chờ đợi và có lúc ông hơi tỏ vẻ thất vọng.

Hôm sau là ngày thứ mười. Người ta sẽ tiêm cho em bé phát tiêm cuối cùng với loại vắc-xin có sức độc rất cao. Vắc-xin đó có thể làm cho con chó, con thỏ lên cơn dại dữ dội sau bảy ngày ủ bệnh⁽⁸⁾.

Có bắt buộc phải tiêm phát này cho em bé không ? Câu hỏi cứ giày vò Pa-xto suốt đêm hôm qua. Ông đã thức một

đêm trắng. Râu ông như mọc dài thêm, tóc cũng bạc thêm ra. Có lúc ông muốn cự tuyệt việc đó. Ông tự nhủ : « Thế là được ! Đến phát thứ chín rồi cơ mà ! ».

Nhưng đến gần sáng, sau một lúc ngủ thiếp đi trên ghế bành, ông tỉnh dậy. Lúc đó, Pa-xơ lại thấy cần phải tiêm cho em bé phát thứ mười. Ông nghĩ phải mạnh dạn lên, kiên quyết lên mới được ! Phát tiêm thứ mười này sẽ kiểm tra lại kết quả của chín phát tiêm trước, kiểm tra khả năng miễn dịch của cơ thể em sau chín ngày tiêm phòng, đồng thời tạo cho em sự miễn dịch chắc chắn ⁽⁹⁾.

Pa-xơ đến thăm Mây-xte và chăm chu theo dõi người ta tiêm cho em bé phát vắc-xin cuối cùng. Sau khi tiêm, tự tay ông dắt em bé lên giường, an ủi em và khuyên em nằm nghỉ. Ông ra về nhưng lòng không yên. Lát sau, ông lại đến với em bé.

Thêm bảy ngày chờ đợi, đằng đằng tinh từng giây từng phút. Bảy ngày lo lắng bồn chồn và đón chờ một cơn đại ghê gớm bất thần có thể nổ ra với em bé. Nhiều đêm Pa-xơ không nhắm mắt nổi. Mỗi khi đặt mình xuống giường thì cơn ác mộng ⁽¹⁰⁾ lại kéo đến. Ông như thấy có từng người hô hét ngoài cửa : « Quân giết người ! Quân giết người ! » và tiếng đập phá đòi vào. Có lúc đang ngồi, ông vụt đứng dậy như kinh hoàng sợ hãi...

Mà thời gian thì cứ trôi đi một cách nặng nề.

Thế rồi, giữa đêm hôm khuya khoắt, đã bao lần ông lê chiếc chân trái bị liệt, một mình chống gậy xuống cầu thang để lại thăm em bé.

Đến tận sáng nay, qua ngày thứ bảy, em bé vẫn ngủ yên !

Sau những ngày thử thách như đông tố, bão táp, cảnh thanh bình lúc này đã trở lại lòng người. Đêm qua, Pa-xơ đã ngủ một giấc ngon lành. Ông dậy sớm hơn thường lệ. Trời quang và cao vút. Một làn gió nhẹ thoảng qua. Lòng ông thấy thanh thản, dễ chịu lạ thường.

Mây-xte đã khỏi. Hôm nay em lên đường trở về vùng

An-dát quê hương thân yêu của em. Em lại tiếp tục đi trên những con đường mòn đầy ánh nắng đến trường học...

Thế rồi người ta liên tiếp gửi đến phòng thí nghiệm của Lu-i Pa-xơ những người bị chó dại cắn để được cứu sống. Phòng thí nghiệm của Pa-xơ trở thành bệnh viện chữa chó dại cắn và là cơ sở để một năm sau được « Viện hàn lâm khoa học » ⁽¹¹⁾ Pháp quyết định xây dựng thành « Viện Pa-xơ », viện chống dại đầu tiên trên thế giới.

Theo ĐỨC HOÀI

(Lu-i Pa-xơ) - NXB Kim Đồng, 1971

A/ Chú giải :

1. An-dát : tên một tỉnh cũ ở phía đông bắc nước Pháp giáp giới Cộng hòa liên bang Đức. 2. Pa-ri : thủ đô của nước Pháp (một nước Tây Âu trông ra Đại Tây Dương). 3. Vắc-xin : loại thuốc dùng để tiêm chủng vào người (hoặc vật) giúp cho người (vật) chống lại được một bệnh (ví dụ : vắc-xin phòng bệnh đậu mùa ; vắc-xin chữa bệnh dại do chó dại cắn...). 4. Cộng sự : cùng cộng tác với nhau (cộng) làm một việc (sự). 5. Độc tính : tính chất độc hại (của một loại thuốc chữa bệnh). 6. Triệu chứng : dấu hiệu báo trước một điều gì. 7. Phòng vũ biến : dụng cụ để đo sức ép của không khí và theo đó dự đoán thời tiết. 8. Ủ bệnh : nuôi và thời kỳ bệnh còn âm ỉ chưa phát ra ngoài. 9. Miễn dịch : chỉ tình trạng của cơ thể một người (hoặc một con vật nuôi) không thể mắc một bệnh gì trong một thời gian nhất định sau khi đã được tiêm chủng vắc-xin phòng (hoặc chống) bệnh đó. 10. Ác mộng : giấc mộng dữ. 11. Viện hàn lâm khoa học : cơ quan khoa học tối cao của một nước.

B/ Ý nghĩa :

Lu-i Pa-xơ là một nhà bác học kiệt xuất của nước Pháp (thế kỷ 19), một danh nhân lỗi lạc của thế giới đã cống hiến toàn bộ cuộc đời của ông cho sự nghiệp nghiên cứu y học nhằm cứu nhân loại khỏi một số bệnh hiểm nghèo, tiêu biểu nhất là bệnh chó dại, một tai họa không khiếp đối với loài người từ thời xa xưa.

Câu chuyện trên đây là một trong rất nhiều câu chuyện nói lên một cách cụ thể, sinh động bản chất nhân đạo cao cả của Lu-i Pa-xơ và những thử thách vật chất, tinh thần ghê gớm mà nhà bác học đã phải chịu đựng để hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng một công trình nghiên cứu về y học của ông mà tác dụng của nó thật vô cùng lớn lao đối với hạnh phúc của con người. Những con người đầu tiên được hưởng lợi điểm phúc lớn lao đó là em bé Giô-đép Mây-xte, và cả bà mẹ nữa. Trong câu chuyện đầy xúc động này.

THỎ RỪNG VÀ HÙM XÁM

Bữa sáng hôm ấy, Thỏ Rừng đang vừa đi vừa khoai chí về việc mình đã dùng mẹo làm cho lão Sói Già hay cần trộm bị bồng dít và cụt đuôi. Còn gã Hùm Xám khét tiếng ⁽¹⁾ hung dữ nhất khu rừng này nữa!

Thỏ Rừng bỗng giật thót mình vì vừa nghĩ tới hần đã thoáng trông thấy hần ta đang ngồi lù lù trong đám bụi rậm ngay trước mặt. Suýt nữa quá chân một chút Thỏ ta đã vào bụng hần rồi! Chợt Hùm Xám đứng dậy rời khỏi chỗ nấp tiến lại một cái cửa hang bên sườn núi mà hần là gã không tài nào chui vào lọt. Gã đi đi lại lại ngoài cửa hang, đôi mắt nghiêng ngó nhìn hau háu ⁽²⁾ vào trong đó. Rồi hần lại lặng lẽ quay về chỗ nấp ban nãy để ngồi rình.

Thỏ Rừng chợt hiểu ngay là sắp có chuyện chẳng lành cho kẻ nào đang trốn trong hang đá. Dù là kẻ nào chẳng nữa thì cũng là đáng thương cả. Có cách gì cứu họ không nhỉ? Ngâm nghĩ một lát, Thỏ Rừng chợt leo lên một cành cây cao và gọi với xuống:

— Này, Hùm Xám, anh bạn đang làm gì ở đây thế?

Hùm Xám giật mình nhìn lên... A! Đúng là cái thằng nhãi ⁽³⁾ nổi tiếng tinh quái ở khu rừng này đây ư? Phải « cảnh giác » ⁽⁴⁾ với hần mới được! Hùm Xám có phần chợt dạ ⁽⁵⁾ bèn giả tảng cầu hòa: ⁽⁶⁾

— Ôi, anh bạn đấy à, may quá! Chẳng giấu gì anh bạn, tớ đang đói bụng, đi tới đây tưởng vớ được hai chú nai tơ ⁽⁷⁾, chúng lại chui tọt ngay vào trong cái hang khốn kiếp này mất! Tớ ngồi rình đã khá lâu mà chúng cứ chết đi ở trong đó mãi! Anh bạn có cách gì giúp tớ bắt chúng phải ra nộp mạng cho tớ được không? Tớ cam đoan là sẽ ăn ở tử tế với anh bạn như lão Voi Cọp ấy mà *!...

Thỏ Rừng thấy đã có cơ hội tốt bèn gật đầu nói:

(*) Xem Kề chuyện lớp 4

— Ô, tưởng gì chứ giúp anh bạn cái việc vặt ấy thì có khó gì? Anh bạn mà cứ ngồi rình đó, thì đến Tết chúng cũng chẳng chui ra nộp mạng đâu! Bởi vì anh bạn có biết không: cứ đánh hơi thấy cái mùi hôi thối ghê tởm của anh bạn thì chúng thà chịu chết khô trong cái xó hang ấy còn hơn!

Hùm Xám bỗng thộn mặt ⁽⁸⁾ ra hỏi:

— Thế thì tớ phải làm gì bây giờ, anh bạn?

Thỏ Rừng liền tỏ vẻ sốt sắng bày cách cho Hùm Xám:

— Anh bạn hãy chịu khó chắt rơm rạ ở gần cửa hang, mà đốt rồi quạt khói vào trong hang, như người ta hun chuột ấy! Bị sặc khói và ngạt hơi thì gan mấy chúng cũng phải chui ra tức khắc. Sẵn đồng lửa ta thui chúng liền, thế là có thịt nai nướng ăn có sướng miệng hơn không?

Hùm Xám nghe Thỏ Rừng nói thì gật gật gù gù, rồi chợt hỏi:

— Thế kiếm đâu ra rơm rạ bây giờ hả anh bạn?

Thỏ Rừng lại mách kế:

— Chẳng khó đâu, tớ sẽ dẫn anh bạn tới chỗ có rơm có rạ hần ơi, anh bạn chỉ việc công về một ồm tương là đủ.

Hùm Xám lại hỏi:

— Thế có xa không? Mà ngộ nhớ trong lúc tớ đi kiếm rạ, chúng nó chuồn mất thì sao?

Thỏ Rừng cười nhạt trả lời:

— Xa thì có xa, chứ ở trong rừng thì một cái cuống rạ cũng chẳng có đâu! Phải phóng nước đại ⁽⁹⁾ đấy, anh bạn ạ! Còn nếu sợ chúng nó chuồn mất thì anh bạn chịu khó vắn lẳng đá tương đằng kia lại chặn ngay ở cửa hang, có đến mười chú nai nhóc ⁽¹⁰⁾ cũng chẳng dầy ra nổi!

Dàn xếp mọi việc xong xuôi, Thỏ Rừng từ trên cây nhảy tọt xuống cưỡi lên lưng Hùm Xám dẫn hần đến cánh đồng khô đầy rạ ở khá xa khu rừng. Chắt rạ lên lưng Hùm Xám và chẳng buộc xong, Thỏ Rừng lại nhảy tọt lên ngồi trên

đồng rạ để Hùm Xám phóng trở lại rừng. Vừa đi được một quãng, Thỏ Rừng chợt lấy ra hai hòn đá sỏi đem cọ sát mãi vào nhau. Nghe thấy tiếng sỏi lạch cạch lạch cạch, Hùm Xám vội hỏi:

— Tiếng gì kêu thế, anh bạn?

Thỏ Rừng bên đáp:

— À, tại anh bạn phóng nhanh quá, đường lại xóc, làm cho hai hàm răng tớ va vào nhau đấy!

Vừa lúc đó, lửa tóe ra từ hai viên đá sỏi, rạ khô bỗng bốc cháy. Đến khi Hùm Xám cảm thấy nóng rất trên lưng chợt dừng lại thì lửa đã bén khắp bộ lông rậm rì của hắn. Hoảng quá, hắn lăn lộn trên đường và kêu rống lên như bị chọc tiết. Thỏ Rừng đã nhót xuống đường từ lúc nào, bấy giờ cũng chạy tới lại giả bộ giúp đỡ Hùm Xám dập tắt ngọn lửa quanh mình. Nhưng bộ lông oai vệ của ông chúa sơn lâm⁽¹¹⁾ đã bị cháy trụi và trông hắn lúc này chỉ còn giống một chú lợn quay. Thỏ Rừng làm bộ an ủi hắn:

— Anh bạn ơi, tại anh bạn phóng nhanh quá, mình mới nóng ran lên kinh khủng đến nỗi bốc thành lửa cháy cả đồng rạ, suýt nữa tớ cũng bị thiêu⁽¹²⁾ trên lưng anh bạn đấy! Thôi đành chờ ít lâu bộ lông mới sẽ mọc lên chắc là sẽ đẹp hơn bộ cánh⁽¹³⁾ cũ kĩ, hồi hăm nầy nhiều!

Hùm Xám nhức nhối khắp mình mẩy vì bị bỏng nặng, chẳng thiết nói năng chi nữa, đành thui thủi một mình phóng vội trở về hang sâu của hắn để ần cho vết thương chóng lành.

Còn Thỏ Rừng cũng chạy tới tìm bác Voi Cọ nhờ bác cuốn vòi bẻ vút tẳng đá học⁽¹⁴⁾ lấp cửa hang ban nầy đi, để giải thoát cho hai chú nai tơ vẫn còn đang run rẩy núp trong đó.

Q.L. kể

(Phỏng theo truyện cổ Khor-me)

A/ Chú giải:

1. Khét tiếng: ai ai cũng biết tiếng xấu. 2. Hưu hâu: (nhìn) chăm chú, thêm thường. 3. Nhãi: nhãi con, nhãi ranh (gọi trẻ con với ý khinh ghét, hoặc gọi kẻ ít tuổi hơn mình với ý khinh bỉ). 4. Cánh giác: tỉnh

táo đề phòng, đây ý nói phải coi chừng. 5. Chột dạ: sợ, hoảng vì cảm thấy có thể có điều không hay cho mình sắp xảy ra. 6. Cầu hòa: mong muốn được yên ổn, không muốn có sự chống đối hoặc xô xát với ai. 7. Nai tơ: nai còn non. 8. Thộn mặt: lộ vẻ mặt đần độn ra. 9. Phóng nước đại: chạy rất nhanh (như ngựa phi). 10. Nhóc: nhóc con (như nhãi con: dùng với ý coi thường hoặc đùa vui). 11. Chúa sơn lâm: chủ rừng núi (ý nói con hổ là giống mạnh nhất, dữ nhất chốn rừng núi). 12. Thiêu: đốt cháy. 13. Bộ cánh: bộ quần áo đẹp để diện; đây chỉ bộ lông của Hùm Xám. 14. Đá học: đá to mới lở (hoặc phá) ở nơi xuống.

B/ Ý nghĩa:

Đối với bọn hùm beo lang sói chuyên ăn hiếp, sát hại những kẻ nhỏ yếu hơn chúng thì chỉ có một cách duy nhất là đoàn kết giúp đỡ nhau dùng mưu mẹo khôn ngoan để trị lại chúng. Đó là ý nghĩa của câu chuyện đồng thoại trên đây, trong đó Hùm Xám là nhân vật tiêu biểu cho bọn hung ác chuyên lấy thịt đè người, và Thỏ Rừng tiêu biểu cho những con người tuy nhỏ bé nhưng thông minh, tháo vát, lại tốt bụng, hay cứu giúp người khác thoát khỏi nanh vuốt bọn hùm sói hung ác bằng mưu trí của mình.

15. NHÀ THƠ ĐỘC NHẤT CỦA VƯƠNG QUỐC ĐA-GHÉT-XTAN

Ngày xưa, ở Vương quốc Đa-ghét-xtan, có một ông vua nổi tiếng bạo ngược. Dưới triều đại ông ta đời sống của nhân dân trong nước hết sức cực khổ lầm than. Hồi ấy, khắp nơi nơi bỗng truyền đi một bài ca với lời thơ thống thiết lên án những thói hống hách bạo tàn của quốc vương và phơi bày những nỗi thống khổ của dân chúng. Bài ca có sức lôi cuốn đến mức từ người lớn, ông già bà cả và đám con nít cũng đều say sưa ca hát.

Một buổi kia, bài ca chợt lọt đến tai nhà vua. Lập tức, quốc vương ra lệnh lùng bắt kì được nhà thơ nào đã sáng tác ra bài ca « phản loạn » này. Các quan đại thần và đám cận vệ của quốc vương ra sức đánh hơi sục sạo khắp nơi mà

vẫn không tài nào tìm ra được ai là tác giả của bài ca. Quốc vương bèn ra lệnh bắt tất cả các nhà thơ, tất cả các nghệ nhân hát rong ⁽¹⁾ trong vương quốc đem về tổng giam hết. Ba hôm sau, nhà vua cho giải các nhà thơ và nghệ nhân bị bắt đố vào cung rồi ra lệnh :

— Bây giờ trăm yêu cầu mỗi người trong các người hãy ca lên cho trăm nghe một bài ca do chính mình đã sáng tác.

Các thi sĩ và nghệ nhân lần lượt đưa nhau tấu lên ⁽²⁾ những bài thơ ca tụng quốc vương rất mực nhiệt thành, ca tụng trí tuệ sáng láng, trái tim nhân hậu, sức mạnh kì diệu và ánh hào quang chói lọi chung quanh sự nghiệp vĩ đại của Ngài. Duy chỉ có ba nhà thơ vẫn im lặng. Nhà vua bèn ra lệnh thả tất cả, còn ba người này lại đem tổng giam vào ngục. Sau đấy bằng đi ít lâu, dân chúng tưởng nhà vua đã quên mất họ. Song, ba tháng sau, quốc vương lại cho giải họ từ trong nhà ngục ra và phán bảo :

— Thế nào, bây giờ các người hãy ca lên cho trăm nghe chứ ! Một, và chỉ có một trong ba nhân vật đó lập tức cất lên lời ca ca tụng quốc vương Đa-ghét-xian không kém phần sôi nổi như các nhà thơ trước và ông ta được tha liền. Nhà vua bèn sai đem hai người còn lại đến bên đàn hỏa thiêu ⁽³⁾ và phán :

— Bây giờ đã đến lúc các người phải bị lửa thiêu... Hãy biết điều đi, ca lên cho trăm nghe, đây là cơ hội cuối cùng cứu sống các người !

Một trong hai người này bỗng ca lên một bài ca ngợi quốc vương và cũng được tha ngay. Còn người cuối cùng trước sau vẫn im lặng, một cái im lặng lì lợm khiến nhà vua không chịu nổi nữa bèn hét lên :

— Trói hẳn lại ! Nỗi lửa lên !

Bị trói chặt vào đàn hỏa thiêu, lập tức nhà thơ chột cất tiếng ca vang. Bài ca vạch trần bộ mặt tàn bạo giả nhân giả nghĩa của quốc vương, chính bài ca này bấy lâu đã là đầu mối



dẫn đến cái chết khủng khiếp mà nhà thơ đang dùng cảm chấp nhận lúc ấy!

Nghe tiếng hát vang lên rung động cả hoàng cung cùng với ngọn lửa bùng bùng bốc cháy như giận dữ, nhà vua bỗng thét lên:

— Cởi trời ngay, mau lên! Giập lửa đi, dập ngay lửa đi! Trời không thể để mất đi nhà thơ độc nhất còn lại của đất nước này!!...

QUÝ THANH kể

(Phỏng theo truyện cổ dân gian Nga)

A/ Chú giải:

1. Nghệ nhân hát rong: người làm nghề hát rong ở các nước phương Tây thời xưa.
2. Tấu: đọc thơ ca theo lối biểu diễn nghệ thuật.
3. Dân hỏa thiêu: dân thiêu người bằng lửa (một hình thức trừng phạt dã man các tội phạm thời trung cổ ở các nước phương Tây).

B/ Ý nghĩa:

Câu chuyện ngụ ý ca ngợi một nhà thơ chân chính quyết chọn cái chết trong ngọn lửa thiêu chứ không chịu uốn lười ca tụng một tên vua bạo ngược; không những thế, nhà thơ còn dùng cảm hứng về phía quân chúng nhân dân để đứng thơ ca của mình vạch trần bộ mặt tàn bạo giả nhân giả nghĩa của hắn. Cuối cùng nhà thơ chân chính đó đã chiến thắng oanh liệt trong khi biết bao đồng nghiệp của mình đã phải uốn gối trước cường quyền bạo ngược.

16. VỤ ÁN CŨ ĐỀ LẠI

Đời Hạ Uy Vương có quan thái sư⁽¹⁾ Lục Tâm Công là người hay làm thơ. Thơ ông thẳng hoạc cũng có bài nghe được, nhưng nói chung không lấy gì làm đặc sắc cho lắm. Quan thái sư cũng tự biết vậy nên chỉ khiêm nhường coi mình như một nhà « chính sự » có sở thích làm thơ, chứ không hề tự cho mình là một « thi gia », càng không nghĩ rằng mình có thể trở thành một thi gia nổi tiếng khắp thiên hạ! Nhưng sự đời lại thường có nhiều điều trái khoáy! Có lắm kẻ đã tìm

thấy ở chuyện ham làm thơ của Lục tướng công cái cơ hội hiếm có để tiến thân, thậm chí đề mưu... « nghiệp » lớn! Và cũng lạ lùng thay, như những thầy phù thủy cao tay, chẳng bao lâu họ đã tạo ra được ở quan thái sư cái huyền tưởng⁽²⁾ như Ngài đã trở thành một « thi gia » kiệt xuất, thậm chí có thể sánh với các bậc đại thi hào thời trước như Khuất Nguyên, Đào Tiềm... chẳng hạn!

Xung quanh câu chuyện thơ phú của quan thái sư Lục Tâm Công thời ấy, đến nay trong dân gian vẫn còn lưu truyền một giai thoại⁽³⁾ khá ti thú. Chuyện kể như sau:

Vào cái đêm nguyên tiêu⁽⁴⁾ năm ấy, theo lệ thường, quan thái sư cùng năm viên quan trợ lý kéo nhau ra huê viên sâu đình thất của Ngài để cùng thưởng nguyệt⁽⁵⁾ và bình thơ. Sau một hồi mơn chén đưa lời cùng nhau vui say ngăm ngời dưới bóng trăng nguyên tiêu với với, Lục tướng công muốn biết ý kiến riêng của từng vị trợ lý về bài thơ Ngài mới khai bút⁽⁶⁾.

Chẳng dễ quan thái sư phải hỏi tới lần thứ hai, quan trợ lý thứ nhất sốt sắng đáp:

— Dám bẩm Tướng công, bài thơ khai bút của Ngài quả thật là một thiên... tuyệt bút!

Quan trợ lý thứ hai cũng không kém phần hăng hái:

— Dám bẩm Tướng công, bài thơ khai bút của Ngài quả thật là một áng thơ... tuyệt tác!

Quan trợ lý thứ ba muốn tỏ rõ nhiệt tình của mình ở mức cao hơn:

— Dám bẩm Tướng công, bài thơ khai bút của Ngài phải nói là một thi phẩm... tuyệt diệu!

Quan trợ lý thứ tư lo hết phần mình cũng với nhiệt liệt tán dương:

— Dám bẩm Tướng công, bài thơ khai bút của Ngài phải được đánh giá là một công trình nghệ thuật... tuyệt vời mới đúng!

Thế là hết cả bốn cái «tuyệt» trong ngôn ngữ bình phẩm văn chương! Đến lượt quan trợ lý thứ năm, ông ta cảm thấy bối rối quá chợt buột miệng kêu lên:

— Dạ... dạ... dám bẩm Tướng công, bài thơ khai bút của Ngài quả thật là một thiên... «tuyệt tự»... vâng vâng... một thiên «tuyệt tự!» a! (7)

Té ra ông ta bị chữ quá đâm nói lẫn. Chả là ông ta luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chuyện đã ngoại ngũ tuần (8) mà Trời vẫn chưa ban cho được một «Cậu ấm» (9) để nối dõi!

Về phần quan thái sư thì lại tưởng viên quan thuộc hạ của mình dùng phép «lộng ngữ» (10) để cố tình mạn thượng (11). Ngài bỗng sững người, mặt mày tái nhợt. Rồi Ngài chợt cười khanh khách.

— Chà chà! Thơ khai bút của ta mà ông dám phỉ báng cho nó... «tuyệt tự» thì... hậu thế còn kiếm đâu ra được cái đáng gọi là «thơ» nữa?... Thôi được, ngay từ ngày mai ta sẽ ban cho ông cái ấn chung thân (12) để ông vào trong ngục mà «tuyệt tự» ở đó luôn thể! Ông đã hiểu ý ta chưa?

Quả nhiên, ngay sau đêm nguyên tiêu hôm ấy, tức sáng ngày 16 tháng giêng năm Uy Vương thứ hai mươi bảy, bản án của quan thái sư Lục Tam Công đã được thực thi!

Người đời sau, khi kể lại câu chuyện này thì cho rằng: Lẽ ra, cả năm Ngài trợ lý của quan thái sư đều đáng được hưởng cái ấn «tuyệt tự» trong đêm nguyên tiêu năm đó mới phải. Song, đáng tiếc rằng cho đến các đời sau, vụ án ấy vẫn chưa bao giờ được xử lý cho trọn vẹn, bởi vậy nó vẫn còn để lại mối họa không nhỏ cho hậu thế!!

ĐỖ QUANG LƯU kể

A/ Chú giải:

1. Thái sư: chức quan to bậc nhất nhì trong triều đình phong kiến thời xưa.
2. Huyền tượng: cảm tưởng lầm lẫn do chủ quan, mù quáng.
3. Giai thoại: câu chuyện vui thú vị.
4. Nguyên tiêu: đêm rằm tháng giêng (đêm trăng đẹp nhất trong năm).
5. Huê viên: (từ cổ) vườn hoa.
6. Thường nguyệt: thường thức trăng đẹp.
7. Khai bút: viết bài (thơ, văn) đầu tiên vào dịp đầu năm.
7. Tuyệt tự: không có con trai nối dõi (một điều bất

hạnh lớn theo quan niệm phong kiến). Cũng có thể hiểu theo nghĩa: hết chữ (tuyệt: hết, tự: chữ). 8. Ngoại ngũ tuần: ngoài 50 tuổi. 9. Cậu ấm: con trai nhà quan (thời xưa). 10. Lộng ngữ: phép bỡn chữ (chơi chữ). 11. Mạn thượng: vô lễ, xúc phạm người trên. 12. Chung thân: ấn ngồi tù cho đến hết đời.

B/ Ý nghĩa:

Câu chuyện ngụ ý đã kích, lên án hạng người dè tiện chuyên nịnh hót những kẻ quyền cao chức trọng một cách trơ tráo nhằm mưu lợi ích riêng, khiến cho những kẻ này trở nên mù quáng, chủ quan và gây tai họa không lường hết được cho xã hội.

17. PHO TƯỢNG CỦA NHÀ ĐIỀU KHẮC

Ngày xưa, tại thành phố nhỏ Đuyt-xen-dóoc ở nước Đức có một nhà điêu khắc (1) nổi tiếng, tên gọi Gơ-ru-pen-lô. Tác phẩm của ông đẹp đến nỗi Đức Vua trị vì hồi đó đã đặt nhà điêu khắc một bức chân dung (2) theo kiểu tượng cưỡi ngựa bằng đồng đen. Say sưa với đề tài nghệ thuật này, nhà điêu khắc đã làm việc suốt nhiều ngày và nhiều đêm tới rất khuya.

Khi tượng mẫu (3) đã xong, nhà nghệ sĩ mời Đức Vua và tất cả triều đình của ngài đến xem, trước khi làm khuôn đồ đồng đen. Đúng ngày đã hẹn, Nhà vua đến cùng với nhiều vị đại thần (4) đi theo. Nhà điêu khắc cất tấm vải che phủ bức tượng. Tác phẩm đẹp đến mức Đức Vua đứng lặng người mà ngắm. Rồi ngài quay lại phía nhà điêu khắc:

— Quả thật, tiên sinh (5) Gơ-ru-pen-lô— Ngài nói với nghệ sĩ—thật là giống, đặc biệt giống một cách hoàn hảo (6) và danh tiếng của tiên sinh quả là không sai. Tiên sinh đúng là một nghệ sĩ lớn.

Và Đức Vua thân mật bắt tay nhà nghệ sĩ.

Khi các triều thần thấy nhà vua bắt tay người nghệ sĩ điêu khắc như là đối với một người bạn thân lâu năm, lòng đổ kị

ở họ bùng lên không giới hạn và họ cố tìm cách hạ thấp giá trị của tác phẩm. Họ không dám động chạm gì đến chính chân dung Đức Vua, nhưng một vị làm ra vẻ thân tình nói với nhà điêu khắc :

— Quả thật, tiên sinh Gơ-ru-pen-lô ạ, chân dung Đức Hoàng thượng mười phần hoàn hảo. Nhưng xin phép được góp chút ý nhỏ về con ngựa : cái đầu có phần quá to, như vậy là mất cân đối.

— Không — một vị khác lên tiếng — chính là cái cổ quá dài.

Một vị thứ ba tiếp lời :

— Nếu ông có thể sửa chữa cái cẳng trước bên phải, tiên sinh Gơ-ru-pen-lô ạ, tôi nghĩ rằng tác phẩm sẽ được nâng cao giá trị.

Vị thứ tư thêm vào :

— Và cái đuôi thì quá cứng đờ !

Nhà điêu khắc lắng nghe, điềm đạm :

— Nếu Đức Hoàng thượng cho phép — nhà điêu khắc nói với Đức Vua — tôi xin ghi nhận những nhận xét của các vị này. Tôi có được phép giữ cái tượng mẫu này thêm đêm ngày nữa không ?

Nhà vua đồng ý, và nhà điêu khắc cho dựng một bức bình phong (7) bằng ván che kín chung quanh bức tượng.

Ông ở luôn trong đó và suốt nhiều ngày người ta nghe thấy tiếng ông làm việc. Các vị triều thần đi về qua đó luôn và tỏ vẻ phẫn chí (8). Vị nào cũng nghĩ thầm : « Quả là mình sáng suốt, cuối cùng thì anh thợ điêu khắc ấy cũng phải thấy rõ như thế, anh ta đâu phải đã tài khéo đến cỡ đó ».

Một lần nữa, Đức Vua và triều đình lại có mặt trước bức tượng. Một lần nữa, Đức Hoàng thượng chiêm ngưỡng (9) bức tượng và tuyên bố là tuyệt tác (10).

Đến lượt các vị triều thần lên tiếng :

— Đẹp lắm rồi ! — vị thứ nhất nói — cái đầu đã rất cân đối.

— Và cái cổ đã duyên dáng hơn vì đã bớt dài, — vị thứ hai nói.

— Tôi nhận thấy cẳng trước bên phải đã hoàn toàn đúng — vị thứ ba gật gù.

— Và cái đuôi đã mềm mại hơn, — vị cuối cùng thêm vào.

— Các vị triều thần của ta có vẻ hài lòng đó — Đức Vua nói với nhà điêu khắc Gơ-ru-pen-lô — các vị đều nhận thấy những điểm mà ông đã sửa chữa cho bức tượng làm cho tác phẩm tăng giá trị lên rất nhiều.

— Tôi rất vui lòng, — tiên sinh Gơ-ru-pen-lô mỉm cười nói — nhưng mà sự thật là tôi chẳng sửa chữa chút nào cả !

— Thế nào ? — Đức Vua hỏi to — vậy thế mấy ngày trời vừa qua, tiên sinh đã cặm cụi làm cái gì thế ?

— Tôi làm cái việc đập tan những tham vọng (11) của các vị triều thần của Đức Hoàng thượng về mặt nghệ thuật. Chính lòng đố kỵ của họ là động cơ duy nhất thúc đẩy họ bới lông tìm vết cho ra những thiếu sót ở bức tượng tôi làm và tôi nghĩ rằng lúc này thì họ phải công nhận điều đó.

Đức Vua cười hề hể, nhưng các vị triều thần thì len lén rút lui ra khỏi xưởng điêu khắc, kể trước người sau lặng lẽ không một lời.

Theo H.D. GUÉC-BE.

(Truyện cổ Đức)

A/ Chú giải :

1. Nhà điêu khắc : nghệ sĩ nặn tượng, khắc gỗ hoặc đá.
2. Chân dung : hình của một người chụp, vẽ hoặc nặn thành tượng.
3. Tượng mẫu : chỉ bức tượng nặn làm mẫu để dựa vào đó làm khuôn đúc bức tượng đồng.
4. Đại thần : quan to, hàng đầu trong triều đình phong kiến.
5. Tiên sinh : từ tôn xưng người trên hay người đáng kính trọng (từ cổ).
6. Hoàn hảo : hoàn toàn tốt đẹp.
7. Bình phong : vật bằng ván gỗ hoặc chiếc khung căng vải đặt ở phía cửa ra vào để che cho căn phòng được kín đáo.
8. Phẫn chí : khoải chí, hể hê.
9. Chiêm ngưỡng : ngắm nghĩa một cách say sưa hoặc tôn kính.
10. Tuyệt tác : tác phẩm hoàn hảo đến cực điểm.
11. Tham vọng : điều mong đạt được hoặc giành được vượt quá khả năng của mình.

B/ Ý nghĩa :

Trong xã hội cũ, người có tài năng lớn thường bị bọn bất tài ghen ghét, đố kỵ, tìm cách đem phá nhằm để không ai hơn được chúng, nhất là bọn người chuyên dùng thủ đoạn xu nịnh, luôn cúi đầu leo lên được những đấng vị quyền quý trong xã hội.

Câu chuyện cổ nước Đức trên đây cho chúng ta thấy loại người ấy—các « vị triều thần » thân cận của Đức Vua—đã bị nhà nghệ sĩ Go-rupen-lô nổi tiếng lột mặt nạ một cách bóm hình mà thẳng thừng.

18. CHUYỆN ANH LÁI ĐÒ Ở KINH ĐÔ

Ngày xưa, có vị vua một nước lớn ở phương Bắc cử một viên quan trong triều đi sứ⁽¹⁾ ở một nước nhỏ phương Nam để bắt nước này phải quy phục mình.

Bữa đó, khi sang tới kinh đô⁽²⁾ đến trước cổng Ngọ môn⁽³⁾ khép kín, viên sứ không chịu vào lối cổng bên, lại ngạo mạn bảo với đám quân lính bảo vệ cung vua :

— Lũ người lập tức phải mở ngay cổng chính Ngọ môn ra để rước ta vào ! Ta sang đây gặp vua các người theo lệnh của Đức đại hoàng đế bên Thiên triều⁽⁴⁾ đây, các người có biết không ?

Một bác lính canh râu rậm bèn trả lời :

— Thưa quan sứ, cổng chính Ngọ môn này chỉ dành riêng cho Đức Hoàng thượng của chúng tôi ra vào ! Còn tất cả mọi người trong thiên hạ từ quan to đến quan nhỏ trong triều, cho đến họ hàng thân thích nhà vua cũng đều vào theo lối cổng bên này và ra theo lối cổng bên kia, ai dám đặt chân vào cổng chính Ngọ môn lập tức sẽ bị chém đầu !

Viên sứ dùng dùng nổi giận thét lên :

— A ha ! Vua tôi lũ bay quả là hỗn xược ! Ta đường đường là sứ thần của Thiên quốc⁽⁵⁾ đã từng xưng hùng xưng bá ở phương Bắc xưa nay lẽ nào ta lại không bằng một anh vua nhép ở cái xứ phương Nam nhỏ bằng cái lỗ mũi này hay sao !

Bác lính canh râu rậm liền đáp lại :

— Dám thừa quan sứ, nước lớn có vua nước lớn, nước nhỏ cũng có vua nước nhỏ. Đã là vua một nước thì ở dân cũng gọi là vua cả ! Mà đã là sứ thần bất cứ nước nào thì dù chui vào cái lỗ mũi cũng chỉ là sứ thần, sao lại đem sánh với vua được ! Bởi vậy, thưa quan sứ, nước chúng tôi tuy nhỏ nhưng đời nào cũng giữ vững kỉ cương⁽⁶⁾ và chỉ có một Đức vua cai quản cả thiên hạ. Cho nên ngoài Đức Hoàng thượng chúng tôi ra, không thể có người thứ hai ra vào cổng chính Ngọ môn này được !

Biết giờ thôi hống hách nước lớn không được, viên sứ bèn quay ra ngồi lì ở quán tạm trú phía ngoài Ngọ môn.

Đang ngồi bó gối ôm mỗi tức tối trong lòng, viên sứ chợt thấy anh chàng lái đò đánh chiếc quần cộc ban sáng mới chở đò cho hắn qua sông để sang kinh đô, bỗng ở đầu lù lù lại xuất hiện. Hắn chợt dạ nghĩ bụng : Ừ, thằng cha này lúc sáng dám ngang nhiên đối đáp ăn miếng trả miếng với mình, làm cho mình bị ngượng mặt với gã đây mà ! Bây giờ gã lại đến định giở trò gì đây !

Còn đang băn khoăn lo lắng, viên sứ bỗng thấy anh lái đò cười khẩy và nói với hắn : « Này ! Quan sứ ngồi bó gối làm gì đấy ? Đi dạo chơi kinh đô một lát cho đỡ buồn đi !... À, đồ quan sứ đuổi kịp tôi đấy ! » Nói chưa dứt lời, anh chàng vơ luôn chiếc cán chổi lông gà thẳng cánh vút cho quan sứ một vút đau điếng rồi co cẳng bỏ chạy. Diên tiết, viên sứ tức tốc đuổi theo, quyết chẻ xác gã ra phen này cho hả giận. Anh chàng lái đò cứ thoăn thoắt chạy ngang chạy dọc lúc gần lúc xa làm cho quan sứ càng lòng lộn chạy rần thêm quyết bắt cho kì được. Thế rồi, đột nhiên, anh lái đò chợt dừng lại vỗ tay đôm đốp và reo ầm lên :

— A ha ! Sứ thần phương Bắc đã vào trong cung để bái yết Đức Hoàng thượng rồi ! Anh em ơi ! Viên sứ giết mình đừng sợ lại. Thì ra trong lúc đang sôi máu đuổi bắt anh lái đò, quan sứ đã học tốc rượt theo chân anh ta chạy tọt qua lối cổng bên để vào trong cung mất rồi ! Chẳng lẽ bây giờ lại



dành chui ra lối cổng ấy lần nữa để khẳng khẳng đời vào cổng chính Ngọ môn cho rõ oai phong của sứ thần một nước lớn hay sao!...

Anh chàng lái đò đánh chiếc quần cộc có vẻ quê mùa kia với bác lính canh râu rậm tề ra cũng chỉ là một: đó là ông Trạng Quỳnh, một người nổi tiếng học giỏi và thông minh, lanh lợi cuối đời Lê, được nhà vua sai ra đón Viên sứ phong kiến Trung Quốc kiêu ngạo, hống hách kia khi hắn đặt chân tới đất kinh đô Thăng Long này.

Q.L. kể

(Dựa theo truyện dân gian Việt Nam)

A/ Chú giải:

1. Đi sứ: vâng mệnh vua đi giao thiệp với nước ngoài. 2. Kinh đô: thành phố trung tâm nơi vua chúa ở trong thời phong kiến. 3. Ngọ môn: cửa chính của hoàng thành trong có cung vua. 4,5. Thiên triều; thiên quốc: triều đình của nhà Trời, nước của nhà Trời (cách tự xưng của phong kiến Trung Quốc ngày xưa đối với các nước nhỏ). 6. Kĩ cương: phép tắc của một nước.

B/ Ý nghĩa:

Câu chuyện dân gian trên đây đã để câu truyện thông bất khuất và tài trí thông minh của nhân dân ta trong việc đấu tranh chống uy quyền nước lớn của phong kiến Trung Quốc.

19. TRẠNG LỢN ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC

Ngày xưa ngày xưa, ở nước ta có Trạng Lợn nổi tiếng là một người lanh lợi, tháo vát, có tài ứng phó ⁽¹⁾ kịp thời ít ai bì kịp. Vì vậy, tuy chỉ làm nghề đi bắt lợn và mổ lợn thuê, Trạng Lợn đã nhiều phen được nhà vua vời đến khi đất nước gặp khó khăn.

Hồi ấy, bọn phong kiến « nước lớn » ở phương Bắc có ý nhòm ngó nước ta. Để thăm dò ý đồ đen tối của chúng, vua bèn cử Trạng Lợn đi sứ ⁽²⁾.

Đúng vào dịp đó, ở phương Bắc đang có đại hạn ⁽³⁾ kéo dài rất nguy kịch. Vua xứ này đã phải vời đến hàng trăm viên pháp sư ⁽⁴⁾ nổi tiếng cao tay về kinh đô để làm lễ cầu đảo ⁽⁵⁾ mà trời cũng chẳng mưa cho lấy một giọt. Nhân có sứ phương Nam đến, đề thử tài và cũng đề uy hiếp tinh thần viên sứ của một nước nhỏ bé cũng đầu cứng cổ, « thiên triều » bèn giả tiếng vời Trạng Lợn tới, ngỏ ý nhờ Trạng trở tài cầu mưa giúp « thiên quốc » ⁽⁶⁾.

Trạng Lợn điềm nhiên đòi vua quan « thiên triều » khởi công xây đàn làm lễ : lễ đàn ⁽⁷⁾ vừa dài vừa rộng phải đứng ba dặm ⁽⁸⁾ không hơn, không kém; bề cao đứng chín trượng không sai một li, mặt đàn đứng hướng chính Nam, không được chênh một tấc ⁽⁹⁾.

Ròng rã mấy tháng trời đàn lễ xây xong, Trạng lại ung dung chờ để chọn cho được ngày lành tháng tốt mới dâng đàn ⁽¹⁰⁾. Khi đã chọn được ngày tốt, Trạng bèn mũ áo chỉnh tề bước lên đàn, mặt ngẩng lên trời, vung tay trở Nam vẫy Bắc, miệng hô hét « hô gió, gọi mưa », tiếng vang như sấm (hét như khi Trạng hô hét đuổi bắt lợn sông lúc ở quê nhà ¹⁾). Thế là chỉ ngày hôm sau trời đổ mưa xuống như trút nước, ruộng đồng lành lặn, ao hồ tràn ngập. Vua quan « thiên triều » vừa khâm phục hết mức, vừa hoảng sợ vô cùng.

Tuy nhiên, tên vua « nước lớn » vẫn làm ra vẻ bình thản và hỏi dò Trạng với giọng đầy ngạo mạn :

— Phương Nam liệu có bao nhiêu kẻ có tài « hô phong hoán vũ » ⁽¹¹⁾ như người ?

Trạng thản nhiên đáp :

— Bình sinh ⁽¹²⁾ tôi chỉ làm nghề mò lợn ở chốn quê mùa, bởi vậy những người có chút tài mọn như tôi thì phải kể hàng ngàn hàng vạn. Nhưng cái tài mọn của tôi so với các bậc đại thần ⁽¹³⁾ và các bậc kì tài ⁽¹⁴⁾ trụ cột của xã tắc ⁽¹⁵⁾ chúng tôi thì chỉ đáng là cái trò trẻ con.

— Ta không thể tin được—gã vua « nước lớn » bĩu môi nói—Vua tôi nhà ngươi đã cử người sang đây tới chốn « Thiên

quốc » của ta, há lại không phải là kẻ tài giỏi bậc nhất của xứ phương Nam hay sao ?

Trạng mỉm cười điềm nhiên trả lời :

— Một ông vua cầm quân mà ngay trận đầu đã vội cử tướng giỏi loại nhất của mình ra giáp chiến ⁽¹⁶⁾ thì có khác chi cầm dao tự chặt vuốt của mình đi để sớm đem nộp mạng ! Vả lại, trong phép dùng binh, lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều mà chưa chi đã phô trương binh hùng tướng mạnh bậc nhất ra để tính chuyện thắng bại trong một chốc thì có khác chi đem nhau đi tự sát ⁽¹⁷⁾. Cứ cái lí đó mà suy ra cũng có thể thấy rằng : ở cái xứ sở chúng tôi, « giặc đến nhà đàn bà cũng đánh », thì cái tài nhỏ mọn của anh chàng bắt lợn như tôi chỉ nên xếp vào loại nào thôi, há chẳng phải là điều dễ hiểu ư ?

Vua quan « thiên triều » nghe Trạng ứng đối ⁽¹⁸⁾ rạch ròi, lí lẽ cứng cáp như vậy thì lại càng sợ hãi bội phần, và từ đó mới hết vẻ hung hăng kiêu ngạo.

Trên đường về nước, Trạng mới giảng giải cho đám quan chức đi theo võ lễ về cái tài « hô phong hoán vũ » của mình như sau : Có gì đâu ! Ông cha ta thường nói : « Trời đang nắng, rẽ si trắng thì mưa » và « Trời sắp mưa, kiến đưa nhau leo cột ». Vậy thì cái kẻ xây đàn cầu đảo, chọn ngày lành tháng tốt chẳng qua chỉ là cái kẻ « hoãn binh » ⁽¹⁹⁾ để Trạng có thì giờ « trình sát ». Đến khi đột nhiên rẽ si trở nên trắng nõn, ồ kiến đột nhiên đàn đàn lũ lũ kéo nhau lên mái nhà, là điềm báo sắp mưa, lúc ấy Trạng mới ra tay phù phép ⁽²⁰⁾. Chỉ có vậy mà thôi !

Q.L. kể

(Dựa theo truyện dân gian Việt Nam
— Văn nghệ số 27, ngày 7-7-1970)

A/ Chú giải :

1. Ứng phó : giải quyết trót lọt được mọi việc khó khăn tùy theo tình thế diễn ra từng lúc. 2. Đi sứ : xem chú giải ở truyện số 18. 3. Đại hạn : nạn hạn hán lớn. 4. Pháp sư : (cũ) người có thuật làm phép trị được ma quỷ, tiếp xúc được với thần linh. 5. Cầu đảo : (cũ) làm lễ cầu xin thần linh (Trời) làm cho mưa xuống. 6. Thiên triều, thiên quốc : xem chú giải ở truyện số 18. 7. Lễ đàn : nền đắp cao để tế lễ. 8. Dặm : quãng

đường dài 135 trượng (1 trượng bằng 10 thước ta ; 1 thước ta tương đương với 0,40 mét). 9. *Tắc* : một phần mười của một thước ta (thước cũ) 10. *Đăng đàn* : lên đàn làm lễ. 11. *Hồ phong hoán vũ* : hồ gió, gọi mưa. 12. *Bình sinh* : trong cuộc sống bình thường (hằng ngày). 13. *Đại thần* : quan to hàng đầu trong triều đình phong kiến. 14. *Ki tài* : chỉ người có tài năng lạ thường. 15. *Xả tắc* : (từ cổ) dắt nước. 16. *Giáp chiến* : tiến sát nhau để đánh nhau (giáp trận). 17. *Tự sát* : tự giết mình. 18. *Ứng đối* : đối đáp ngay đầu ra đây. 19. *Hoãn binh* : hoãn việc giao chiến lại (nghĩa rộng : chưa hành động vội, để chờ cơ hội thuận tiện hơn). 20. *Phủ phép* : (cũ) dùng pháp thuật để sai khiến ma quỷ hoặc thần linh.

B/ Ý nghĩa :

Dân tộc Việt Nam ta từ xưa luôn luôn phải đấu sức với bọn bành trướng xâm lược ở phương Bắc để bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc và trong những cuộc đụng độ về quân sự, nhiều phen đã đánh cho chúng những đòn thất điên bát đảo. Đồng thời, dân tộc ta cũng luôn luôn phải đấu trí với chúng trong những cuộc đụng độ về mặt ngoại giao, những khi chúng ta đi sứ hoặc tiếp sứ, nhằm bảo vệ uy thế và danh dự của dân tộc, và cũng nhiều phen đã đập những đòn đích đáng vào cái bộ mặt ngạo mạn « nước lớn » của chúng làm cho chúng phải cụp tai lại.

Câu chuyện « Trang Lợn đi sứ phương Bắc » trên đây cũng như nhiều truyện vui dân gian đặc sắc khác do nhân dân ta sáng tạo và lưu truyền từ xưa, đã biểu hiện sinh động hình thức đấu tranh đầy li thú đó.

20. BÀ RỪA ẤY...

Bà Rùa ấy đã chọn một cái nghề mà công việc có thể nhàn nhơ : nghề khâu vá mướn.

Một buổi sáng chủ nhật, bà Rùa đang nhăm nháp con sên non bỗng nghe tiếng chuông reo bên nhà bác Thỏ láng giềng.

Bà Rùa bảo Sên :

— Đợi ở đây nhé ! Để tao sang xem có việc gì mà nhà bác Thỏ rung chuông đã !

Rùa chạy thật nhanh sang nhà Thỏ, đến hôm sau thì tới. Thỏ nói :

— Mời bác vào nhanh, nhà tôi vừa sinh cháu trai : Tên nó là Phrit.

Bà Rùa reo lên :

— Phrit, cái tên hay đấy ! Tôi sẽ dành cho cháu một món quà.

Bà Rùa bảo vậy, rồi về nhà tự nhủ ⁽¹⁾ : « Ta sẽ khâu tặng Thỏ con một cái áo hồng vào ngày đầy tháng » và bà nhanh nhẹn bắt tay vào việc. Sau ba giờ đồng hồ, bà Rùa đã xâu kim xong, và bốn tiếng sau, bà khâu được mũi đầu tiên. Bà mãi miết khâu, khâu thật nhanh, thật nhanh cho đến khi xong một cái áo hồng.

Khi đó bà nghe hên nhà Thỏ rung chuông, bà nghĩ bụng : « Chắc là lễ đầy tháng cho cháu rồi, ta phải nhanh lên mới kịp ».

Bà Rùa mang cái áo hồng tới nơi, gặp một chàng Thỏ cao lớn, tai rộng, râu dài.

— Bác đến dự lễ đầy tháng cháu Phrit đấy !

Chàng Thỏ ngạc nhiên đáp :

— Muộn rồi, bác ạ ! Chính cháu đây là Phrit, cháu đã đến tuổi lấy vợ rồi, bác không nghe chuông báo lễ ăn hỏi của cháu sao ⁽²⁾ ?

Bà Rùa kêu lên :

— Trời, chẳng lẽ bác khâu cái áo này lâu đến thế ! Chắc là chật mất rồi !

Quả thật, Phrit chỉ xỏ được mỗi một chân vào thân áo. Cậu nói :

— Bác ơi, tối mai cháu cần một bộ quần áo cưỡi màu lông chuột và đôi găng tay trắng ⁽³⁾.

Thế là bà Rùa hốt hải ⁽⁴⁾ chạy về nhà khâu gấp một bộ quần áo cưỡi màu lông chuột và đôi găng tay trắng. Bà mãi miết khâu, khâu, khâu, khâu mãi cho đến khi xong bộ quần

áo cưỡi màu lông chuột và đôi găng tay trắng. Khi đó bà nghe chuông rung bên nhà Phrit... Bà nghĩ bụng: «Chắc là tiệc cưới đã bắt đầu, ta phải nhanh chân lên mới được».

Đến nhà Phrit với bộ quần áo cưỡi màu lông chuột và đôi găng tay trắng, bà gặp vợ Thỏ đang khóc, bà kinh ngạc nói:

— Tôi đến dự tiệc cưới cháu Phrit!

Vợ Phrit than thở:

— Muộn rồi, bác ơi! Chúng cháu cưới nhau đã được mười lăm năm nay, và nhà cháu không may vừa mới mất. Bác không nghe những hồi chuông báo tử⁽⁵⁾ cho anh ấy sao?

Bà Rùa tự trách mình:

— Ta khâu bộ quần áo cưỡi lâu đến thế kia ư? Thôi được, ta sẽ mang nhanh cho cháu cái áo tang⁽⁶⁾ màu lá úa để cháu mặc.

Bà trở về nhà thật nhanh, để khâu cái áo tang màu lá úa. Bà mãi miết khâu, khâu, khâu mãi cho đến khi xong cái áo tang màu lá úa.

Nghe tiếng chuông rung bên nhà bà Phrit, bà Rùa nghĩ thầm:

— Lần này chắc là ta không đến quá chậm.

Thế nhưng khi bà tới nhà bà Phrit mang theo chiếc áo tang màu lá úa, bà thấy bà Phrit đang đứng với một ông Thỏ cao lớn bế trên tay một chú thỏ con.

Bà Rùa buồn rầu nói:

— Tôi đến dự lễ tang⁽⁷⁾ ông nhà.

Bà Phrit đáp:

— Muộn quá, bác ơi! Nhà cháu mất đã lâu. Sau đó cháu đã tái giá⁽⁸⁾ với ông bạn đây, và chúng cháu đã có một cháu nhỏ. Bác không nghe tiếng chuông rung lễ đầy tháng cháu đó sao?

Bà Rùa lại kêu lên:

— Trời đất, tôi khâu cái áo tang màu lá úa lâu đến thế kia ư?... Thôi được, chờ đây, lần này tôi sẽ mang ngay, mang tặng tất cả các thứ cho chú Thỏ con này vào đúng lễ đầy tháng của cháu.

Nói đoạn, bà Rùa vội vã về nhà gói ghém tất cả các thứ xưa nay bà đã soạn sửa cho Phrit: cái áo nhỏ đầy tháng màu hồng, bộ quần áo cưỡi màu lông chuột, cùng đôi găng tay trắng, và cả tấm áo tang màu lá úa. Bà đem đến tặng hết cho bà Thỏ và vui vẻ nói:

— Lần này thì bà lão nhanh chân đi trước đây. Bà tặng Thỏ con các thứ cần cho cả một đời cháu đấy!

Bà Thỏ ngạc nhiên, mừng rỡ nói:

— Cảm ơn bà, bà giúp cháu mau mắn quá! Cháu bé Thỏ em này mới sinh hôm kia, mà hôm nay đã nhận quà bà!

Bà Rùa đứng định đáp:

— Thế đây, dòng họ nhà Rùa ai cũng nhanh nhẹn như thế cả!

Và bà kiêu hãnh trở về nhà để ăn nốt con sên non đang nằm dài chờ đợi, vì nó cũng chẳng hấp tấp muốn được bà ăn cho chóng. Nhưng bây giờ nó đã già khụ⁽⁹⁾ và trở thành sên cụ⁽¹⁰⁾, sên kị⁽¹¹⁾ không lẽ đi đâu được nữa, mà bà Rùa ấy chắc cũng chả còn nhai nổi thịt nó nữa...

Theo PÔN-GRÔ-LÔ

A/ Chú giải:

1. Tự nhủ: tự mình bảo với mình, thầm nói với mình.
2. Lễ an hoi: lễ hỏi vợ.
3. Găng tay: bít tất tay.
4. Hốt hải: vội vã, hốt hoảng trước một sự việc bất ngờ (hốt hơi hốt hải).
5. Báo tử: báo tin có người trong gia đình vừa mới chết (tử: chết).
6. Áo tang: áo mặc khi để tang người thân trong gia đình (để tang: tỏ dấu hiệu đau buồn do cái chết của người ấy gây ra bằng hình thức áo quần, khăn mũ đặc biệt).
7. Lễ tang: lễ chôn cất người chết.
8. Tái giá: (phụ nữ góa chồng) lấy chồng khác.
9. Già khụ: già lắm, già hết mức.
10. Cụ: người sinh ra ông bà mình.
11. Kị: người sinh ra cụ mình.

B/ Ý nghĩa :

Câu chuyện trên đây ngụ ý châm biếm hóm hỉnh những người tuy tốt bụng hay sốt sắng hứa hẹn điều này điều khác với người này người nọ, nhưng lại có tính chậm chạp lè mề quá mức chẳng bao giờ chịu làm điều gì thật khẩn trương, kịp thời, nên rút cục chẳng giúp gì cho ai được cả và những lời hứa hẹn sốt sắng của họ trở thành những lời hứa hão. Nhân vật « bà Rùa » trong câu chuyện ngụ ngôn trên đây chính là một hình ảnh sinh động và tức cười về kiểu người như vậy trong cuộc sống.

21. THẠCH SANH

Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão nhà nghèo, kiếm ăn bằng nghề đốn củi. Tuy tuổi đã 60 mà ông lão vẫn chưa có con nối dõi. Mặc dù nghèo khổ, hai vợ chồng ông lão ngày ngày vẫn hay giúp đỡ mọi người chẳng hề quản ngại vất vả nên được nhân dân xa gần đều ngợi khen. Cảm thấu tấm lòng nhân đức ⁽¹⁾ của vợ chồng ông lão, Ngọc Hoàng bèn sai thái tử ⁽²⁾ xuống đầu thai làm con.

Sau ba năm chín tháng, khi bà vợ sinh được một đứa con trai thì ông chồng đã qua đời. Đứa bé sinh ra trông khôi ngô tuấn tú, vừa lọt lòng mẹ đã biết đứng biết ngồi. Bà mẹ đặt tên cho con là Thạch Sanh và tháng ngày gắng gượng rau cháo nuôi con.

Năm Thạch Sanh lên bảy thì bà cũng qua đời. Thạch Sanh sống lủi thủi một mình bên một gốc cây đa, với cả gia tài chỉ có một chiếc rìu và lại tiếp tục nghề của cha mẹ hằng ngày vào rừng đốn củi để nuôi thân. Năm mười ba tuổi, Sanh được Ngọc Hoàng phái một ông tiên vào loại giỏi nhất trên thiên đình ⁽³⁾ xuống dạy cho các môn võ nghệ và đủ mọi phép thần thông ⁽⁴⁾.

Một hôm, có gã hàng rượu tên là Lí Thông đi qua ngồi nghỉ mát ở gốc đa. Thấy Sanh là người có sức vóc khác thường đoán là người được việc, Thông bèn tán lá gạ chuyện

rồi ngỏ ý muốn kết nghĩa làm anh em. Vốn lòng ngay da thẳng, Sanh vui vẻ nhận lời và về ở với Lí Thông.

Từ đó, được Thạch Sanh ra sức đỡ đần, mẹ con Lí Thông làm ăn buôn bán ngày càng giàu có. Thấm thoát đã bảy năm qua.

Hồi ấy, ở trong vùng có một con xà tinh ⁽⁵⁾ vốn là loài rắn đã thành tinh, chuyên phá phách, nuốt nhiều nhân dân và bắt người ăn thịt. Quan quân triều đình nhiều lần kéo đến vây bắt nhưng không trừ nổi. Nhà vua đành bắt dân chúng lập miếu thờ và mỗi năm đem cúng cho nó một mạng người. Năm ấy, không may đến lượt Lí Thông phải nộp mạng. Nghe tin dữ, mẹ con hân vô cùng hoảng hốt lo sợ, nhưng sau bàn mưu tính kế nghĩ ra được một kế hiểm độc. Hôm đó, chờ lúc Thạch Sanh đi kiếm củi về, hân giả mượn có giỏ cha, bày ra một mâm rau thịt ả hề, rồi cả hai mẹ con mời mọc chàng ăn cơm.

Sau đó, hân nói với Thạch Sanh : « Đêm nay đến phiên anh phải đi canh miếu thờ để kiểm lại đĩa vàng chén ngọc theo lệnh nhà vua, ngặt vì dờ dẫm mễ rợn, vậy em chịu khó đi thay cho anh một đêm, đến sáng lại về ». Thạch Sanh không nghi ngờ gì cả, thuận đi ngay.

Sẩm tối hôm ấy, sau khi vượt qua mấy dặm rừng hoang tới miếu thờ, Thạch Sanh giở cơm nắm ra toan ăn thì Xà tinh hiện ra hình thù kì dị, nhẹ nhàng giơ vuốt định vồ lấy chàng. Thạch Sanh liền vùng riu đánh nhau với yêu quái. Xà tinh giở ra nhiều phép biến hóa yêu ma, nhưng đều bị Thạch Sanh phá hết. Sau chàng dùng phép thần tung lưới sắt bủa vây, lập tức con yêu quái phải hiện nguyên hình là một con trăn cực lớn. Thạch Sanh vùng thần dao, chém chết, rồi cắt lấy đầu và đốt xác yêu quái. Xác Xà tinh vừa cháy xong bỗng hiện ra một bộ cung tên bằng vàng. Sanh mừng rỡ nhặt lấy cung tên và xách đầu yêu quái chạy thẳng một hơi về nhà.

Lí Thông, vốn là đứa hiềm sâu, thấy vậy dọa Thạch Sanh rằng Xà Tinh là của Vua nuôi để làm của bầu của nước, giết nó đi thì bị tội chém đầu chẳng chơi, và khuyên Sanh nên trốn ngay đi kẻo, và lấy cả nhà, còn có chuyện gì thì mặc hân lo



Thạch Sanh

liệu. Tưởng thật, Sanh vội vã đi ngay và trở về sống ở gốc đa, mặc cho năm tháng trôi qua, nghĩ mình phận hẩm mong gì gặp may. Còn Lí Thông thì vội vào kinh tâu Vua là hắc đã chém được đầu yêu quái. Vua kinh ngạc sai quân đi khiêng đầu yêu quái về, bấy giờ mới tin là thực và hết lời ngợi khen, phong cho Lí Thông làm quan đô đốc (6) trong triều và cho hưởng lộc (7) nước rất hậu (8).

Cũng trong thời gian này, nhà vua làm lễ kén chồng rất long trọng cho công chúa Quỳnh Nga, con gái độc nhất của Vua. Lễ kén chồng kéo dài nhiều đợt, nhưng nàng vẫn không ưng ý một người nào. Kể cả thế tử (9) các nước chư hầu cũng không ai làm đẹp lòng nàng cả. Một hôm công chúa dạo chơi trong vườn hoa chẳng may bị một con Đại bàng bay ở trên cao sà xuống quắp bay đi. Lúc ấy, Thạch Sanh đang thần thơ bên gốc đa, thấy Đại bàng quắp một người bay quá, bèn giương cung bắn một phát trúng ngay vào cánh. Chim rơi xuống, nhưng nó vội rút ngay tên ra và lại quắp lấy người và tiếp tục bay đi. Thạch Sanh lần theo dấu máu tìm đến một hang núi thì không thấy tăm hơi Đại bàng đâu nữa.

Mất con gái quý, nhà vua xiết bao đau đớn, các quan cử ba đội quân ra sức tìm kiếm cũng không có kết quả. Nghe lời tâu của quần thần (10) vua bèn sai quan đô đốc Lí Thông trước kia có tài chém yêu tinh, đi tìm công chúa, hứa sẽ gả nàng và nhường ngôi báu cho. Thông lo lắng nghĩ mãi mới tìm ra được một kế là mở hội hát ở kinh đô trong mười ngày cho nhân dân các nơi về xem để dò la tin tức Thạch Sanh. Mãi đến ngày thứ mười hắc mới gặp được Thạch Sanh bước vào rạp xem hát. Thông lại giả nhân giả nghĩa tay bắt mặt mừng đón tiếp người em « kết nghĩa » cũ rất trịnh trọng. Nhân đó, hắc cho Sanh biết việc vua sai hắc đi tìm công chúa bị loài yêu quái bắt. Sanh thật thà cho Lí Thông biết ngay tung tích của yêu quái chính là Mãng xà vương (11) ở hang núi cũng là loài rắn đã thành tinh chuyên hóa làm chim đại bàng đi bắt người. Thế là Thông lại dùng lời đường mật nhờ Sanh dẫn đi tìm công chúa. Thạch Sanh nhận lời. Đến chỗ ở của Đại bàng, Sanh

dùng dây làm thang xuống hang sâu và dẫn Thông hề thấy đầu dây động đây thì kéo công chúa lên rồi lại thả dây xuống để kéo Sanh lên. Vừa xuống tới hang, còn đang lúng túng chưa biết cần đi về hướng nào, Sanh bỗng gặp ngay công chúa Quỳnh Nga cũng vừa đi ra. Cảm kích ơn nghĩa Thạch Sanh không quản hiểm nguy đã đến cứu mình, công chúa liền ngỏ ý xin cùng chàng kết nghĩa trăm năm. Sanh từ chối, cho rằng biết đây là việc của triều đình mà chàng lại muốn giữ trọn tình nghĩa anh em với Li Thông. Nhưng công chúa vẫn quyết một lòng và nàng coi như đã « kết duyên lành » với chàng từ đây. Từ hôm bị trúng tên, Đại bàng bị thương nằm li bì một chỗ. Sanh đưa thuốc mê bảo công chúa đỡ Đại bàng uống, xong đem nàng buộc vào dây cho quân kéo lên. Lập tức Li Thông sai quan quân đưa ngay công chúa về triều để hân ở lại đánh yêu quái. Khi thực quân vừa đi khỏi, hân vội vã ra sức lăn đá lấp kín cửa hang để hại Thạch Sanh. Còn Quỳnh Nga công chúa lúc ấy mới mắt trông vời về phía sau không thấy chàng đâu cả, nàng bỗng bàng hoàng uất ức mắc bệnh cảm ngay từ bữa đó...

Lại nói về phần Thạch Sanh, sau khi cứu công chúa ra khỏi hang thì bị Li Thông khuôn đá lấp kín cửa hang không cho chàng ra nữa. Chàng tức giận giương cung bắn phá lâu đài của Xà vương. Giữa lúc đó, con yêu quái chợt tỉnh cơn mê. Thấy có người lạ đột nhập (12) đang phá phách nhà cửa và cướp mất vợ hân, hân bừng bừng nổi giận xông ra đánh nhau kịch liệt với Thạch Sanh. Hai bên giao tranh với nhau đến ngoài trăm hiệp (13) mà vẫn không phân thắng bại. Xà vương trở hết mọi phép yêu ma ghê gớm ra nhưng đều bị Thạch Sanh dùng phép thần thông phá hết. Cuối cùng hết phép, Đại bàng biến thành con chim bằng (14) nhỏ như con chim khách toan trốn đi, nhưng Thạch Sanh đã kịp thời hóa phép phủ vây lưới sắt và giương cung bắn chết. Sau đó, Sanh vùng thân đao (15) phá tan cung điện đồ sộ nguy nga của Mãng xà vương, nhân đó cứu được cả con vua Thủy tề (16) bị Đại bàng bắt nhốt trong cũi sắt đã một năm ròng. Thái tử cảm tạ ơn sâu của Thạch Sanh và mời chàng xuống thủy cung (17) chơi.

Thạch Sanh được vua Thủy tề tiếp đãi rất trọng thể, ban cho trăm lạng vàng bạc để đền ơn, nhưng Thạch Sanh từ tạ (18) không nhận. Thủy vương lại khẩn khoản mời chàng ở lại hân dưới thủy cung, nhưng chàng cũng nhất định từ chối. Thủy vương đành giữ chàng ở lại chơi vài ngày. Thái tử dẫn chàng đi xem khắp năm cung trong ngoài. Hai người mãi mê dạo chơi, bất ngờ lạc bước tới thành trì của một loài yêu quái. Nó vốn là con Hồ tinh (19) chín mắt rất lợi hại và ngạo ngược (20) chưa ai trị nổi. Nó hóa thành một cô gái xinh đẹp đứng đón đường ngỏ lời trên gheo hai chàng. Thạch Sanh liền vạch chân tướng (21) nó là loài yêu quái, nó bèn hiện hình thành Hồ tinh chín mắt xông vào toan vồ bắt cả hai chàng. Thạch Sanh vùng đao thân, rồi giương cung, bỏ búa, đấu quyền (22) với nó suốt một ngày ròng nó vẫn không nao núng. Sau chàng dùng phép thần giao tranh với nó, nó mới chịu thua và phải hiện nguyên hình là con hồ li (tức con cáo). Thạch Sanh rộng lượng tha cho nó được sống để tu tính (23).

Ban thường công lao, vua Thủy tề liền phong cho chàng làm quốc trạng (24). Chàng xin trở về dương thế (25). Để đền ơn Thạch Sanh, Thủy vương nghe lời Thái tử biến chàng chiếc đàn thần của Ngọc Hoàng thưởng để đã ban cho vua hồi trước. Sau đó, Thái tử đưa tiễn chàng về. Thạch Sanh trở về sống bên gốc đa như cũ.

Công chúa Quỳnh Nga từ lúc thoát nạn yêu quái lại bị bệnh cảm, vua cha vô cùng thương xót, buồn bã, đành ra lệnh hoãn việc hôn nhân của nàng với Li Thông để chữa cho nàng khỏi bệnh đã. Vua thì lo lắng thuốc thang và khẩn vái Trời Phật; Li Thông thì lập đàn mời pháp sư, phù thủy (26) cúng lễ linh đình hàng tháng ròng mà Quỳnh Nga vẫn « chẳng nói chẳng rằng, miệng hoa âm ỉ chẳng bằng nói chi ».

Còn nói về Trần tinh và Mãng xà vương sau khi chết, hồn chúng nó không ai cũng lẽ, đành sống bơ vơ chui rúc bụi bõ, rồi chuyên đi ăn trộm bắt gà bắt chó quấy nhiễu, tàn hại nhân dân để kiếm ăn. Một đêm, chúng tình cờ gặp nhau và kể lể cho nhau nghe về số phận của mình, rồi bàn kế báo thù Thạch

Sanh. Chúng lên vào kho nhà vua ăn trộm vàng bạc rồi giả tảng trở đi trở lại để bọn lính canh dõi theo chân chúng tới gốc đa. Chúng quăng đồ ăn trộm vào chỗ Thạch Sanh đang nằm ngủ để đồ vạ cho chàng. Quả nhiên Thạch Sanh bị bắt giải về trình Lí Thông. Thông rất kinh ngạc sai quân đem tống giam Thạch Sanh. Hắn ra lệnh phải canh phòng nghiêm mật và rắp tâm đợi ba ngày sau hắn sẽ tự ý thừa mệnh ⁽²⁷⁾ triều đình đem xử tử luôn chàng đi cho kín chuyện cũ.

Ngồi trong ngục, Thạch Sanh buồn tình đem đàn gảy... Không ngờ tiếng đàn thần bỗng nở non, thánh thót như oán như than vạch tội Lí Thông ăn ở bất nhân phụ nghĩa ⁽²⁸⁾ và trách nàng công chúa không giữ lời ước hẹn:

Đàn kêu tích tịch tình tang

Ai mang công chúa dưới hang trở về ?...

Tiếng đàn vắng vắng hay thấu vào tới cung vua. Quỳnh Nga đang ngồi ủ rũ mây hoa ⁽²⁹⁾ thoát nghe thấy tiếng đàn ai oán như khóc như than bỗng khỏi cảm phiền. Nàng thốt nhiên cười cười nói nói tâu với vua cha xin cho đòi người gảy đàn vào cung để nàng gặp mặt. Nàng tỏ bày luôn đầu đuôi sự tình được kể lẽ trong tiếng đàn ai oán cho nhà vua được biết. Nhờ đó Thạch Sanh được giải oan ⁽³⁰⁾. Nhà vua bèn mở yến tiệc đãi chàng, phong cho chàng hai chức quận công ⁽³¹⁾ do hai lần có công trạng lớn và cho kết duyên với công chúa Quỳnh Nga.

Còn về phần Lí Thông, vua giao cho Thạch Sanh tùy ý xử tội, Sanh xin vua tha tội chết cho hắn và cho hắn trở về quê quán làm ăn. Nhưng hai mẹ con hắn về đến giữa đường thì bị Ngọc Hoàng sai Thần sét đánh chết đúng như lời hắn đã thề nguyện khi kết nghĩa anh em với Thạch Sanh xưa kia. Do tội bạo ngược ăn ở hai lòng của hắn, Ngọc Hoàng lại bắt Lí Thông hóa làm kiếp họ hung đời đời sống trong nơ bần.

Được tin công chúa Quỳnh Nga kết duyên với Thạch Sanh là một anh chàng khổ rách nghèo hèn, thái tử các nước chư hầu trước kia đã từng bị công chúa cự tuyệt bèn nổi giận, rủ nhau hợp binh kéo đến báo thù. Khi thế quân mười tám

nước chư hầu vô cùng mạnh mẽ, đi lời đầu làm cho núi lở sông cạn tới đó, phá tan hoang luôn năm cửa ải, quân triều đình đi tiếp ứng tới đâu bị đánh tan tác tới đấy. Nhà vua vô cùng hoảng sợ bèn vời Thạch Sanh vào và nhờ chàng đem binh đi đánh giặc. Thạch Sanh tâu với nhà vua cứ để cho quân địch kéo đến bao vây kinh thành, chàng sẽ ra tay.

Chờ cho giặc bỏ vây bốn mặt thành trùng trùng điệp điệp và không ngớt lời reo hò khiêu khích, Thạch Sanh mới đem đàn thần ra gảy. Đàn bỗng kêu lên « tích tịch tình tang » vạch ra điều hơn lẽ thiệt, phải trái phân minh cho hàng vạn quân địch nghe.

« Đàn kêu nhân nghĩa thủy chung

Thánh tha thánh thót muôn lòng xôn xao ».

Tiếng đàn khi ngừng hẳn đánh thép, lúc mềm dẻo khuyên lơn khiến cho quân tướng mười tám nước dần dần phải thoái chí ⁽³²⁾ quy hàng cả một loạt. Chúng bèn xin cấp lương ăn để về nước. Thạch Sanh ra lệnh cấp cho chúng mười tám hộc ⁽³³⁾ lương. Chúng chê ít, Thạch Sanh sai đem chiếc niêu của chàng ra thổi cơm cho chúng ăn. Quân mười tám nước đua nhau kéo vào trông thấy niêu cơm hết thấy đều ngao ngán. Thạch Sanh dỗ chúng ăn hết sẽ trọng thưởng. Hàng vạn quân lính ào ào ăn mãi mà niêu cơm cứ vơi rồi lại đầy, ăn không sao hết được. Thế là một lần nữa chúng lại nhất loạt phải quy phục chàng.

Sau khi chiến thắng quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh được nhà vua làm lễ nhường ngôi cho chàng để chàng đem tài ra trị vì đất nước. Quỳnh Nga công chúa cũng được nhà vua ban chiếu ⁽³⁴⁾ phong cho làm hoàng hậu. Hai năm sau, hoàng hậu Quỳnh Nga sinh được một trai, một gái. Thế là đất nước thịnh trị ⁽³⁵⁾ gia đình hòa vui...

Truyện cổ Việt Nam

ĐỖ QUANG LƯU kể

(Lược kể theo truyện thơ Khuyết danh)

A/ Chú giải :

1. *Nhân đức*: có lòng tốt biết thương người. 2. *Thái tử*: con vua được chọn để nối ngôi vua cha. 3. *Thiên đình*: (từ cổ) triều đình ở trên trời do Ngọc Hoàng ngự trị. 4. *Phép thần thông*: (cũ) phép biến hóa màu nhiệm. 5. *Xả tính*: (xả = rảnh; tính = yêu tính) rảnh đã thành yêu tính. 6. *Đồ đốc*: (cũ) viên tướng chỉ huy toàn thể quân đội. 7. *Lộc*: lương của quan lại thời phong kiến. 8. *Hầu*: đầy đủ, thừa thãi. 9. *Thế tử*: con cả của chúa hay của vua chư hầu (vua nước phụ thuộc). 10. *Quần thần*: các quan trong triều. 11. *Mãng xà vương*: (Mãng xà = rắn dữ, vương = vua chúa) đây chỉ con rắn chúa đã thành tinh, chuyên biến hình thành chim đại bàng đi bắt người. 12. *Đột nhập*: xông vào một cách bất ngờ. 13. *Hiệp*: chỉ từng quãng thời gian ngắn hai bên xông vào đấu võ với nhau. 14. *Bằng*: loài chim rất lớn, bay cao. 15. *Thần đao*: ý nói thanh đao có sức mạnh ghê gớm (như thần). 16. *Thủy tề* (Thủy vương) (cũ): ông vua được Ngọc Hoàng giao cho cai quản các sông, ngòi. 17. *Thủy cung*: cung điện của vua Thủy tề ở dưới nước. 18. *Từ tạ*: cảm ơn và không nhận (chối từ). 19. *Hồ tinh*: con hồ ly (tức con cáo) đã hóa thành yêu tinh. 20. *Ngạo ngược*: hỗn xược, ngang bướng. 21. *Chân tướng*: bộ mặt thật, bản chất thật. 22. *Quyền*: môn võ đánh bằng chân tay không. 23. *Tu tỉnh*: nhận biết và sửa chữa lỗi lầm của mình. 24. *Quốc trạng*: ý nói được tôn là bậc tài giỏi bậc nhất (trạng) của quốc gia. 25. *Dương thế* (dương gian): cõi đời. 26. *Pháp sư*: (cũ) những người có thuật làm phép trừ được ma quỷ. 27. *Thừa mệnh*: tuân hành theo mệnh lệnh trên, vâng lệnh trên mà làm. 28. *Bất nhân phụ nghĩa*: ăn ở độc ác, không có lòng thương người (lòng nhân) và phản bội tình nghĩa của người khác (phụ nghĩa). 29. *Mây hoa*: chỉ vẻ mặt xinh đẹp của người thiếu nữ. 30. *Giải oan*: làm cho hết nỗi oan. 31. *Quận công*: danh vị (tước) vào bậc cao nhất trong năm danh vị (tức năm tước: công, hầu, bá, tử, nam) mà vua chúa phong kiến phong cho các quan to hoặc những người có công lớn. 32. *Thoái chí*: nhụt chí, sa sút ý chí. 33. *Hộc*: đồ dùng để đựng lương ngày xưa, bằng mười đấu. 34. *Chiếu*: văn bản của nhà vua được công bố ra. 35. *Thịnh trị*: (đất nước) thịnh vượng và yên ổn.

B/ Ý nghĩa :

« Thạch Sanh » là một trong những truyện thơ khuyết danh (tức truyện không rõ tên tác giả) có giá trị trong nền văn chương cổ nước ta, nó vừa mang tính chất anh hùng ca vừa mang màu sắc thần thoại. Nó được lưu truyền đã lâu đời trong nhân dân ta và được nhân dân rất ưa thích, thường kể truyền miệng cho nhau nghe (Truyện Thạch Sanh trên đây được kể lại bằng văn xuôi dựa theo truyện thơ).

Thạch Sanh—nhân vật chính trong truyện—từ lâu đã trở thành hình ảnh một con người mẫu mực, lí tưởng toàn diện về đạo đức nhân nghĩa, về tài năng và chiến công anh hùng trong quan niệm của quần chúng nhân dân. Qua truyện kể chúng ta được biết đó là một con người khẳng khái hào hiệp, lòng ngay dạ thẳng, coi trọng điều nhân nghĩa hơn tiền tài danh vọng, cứu giúp người không nề gian nguy hiểm nghèo, không mảy may tính toán, vụ lợi. Ngày nay, Thạch Sanh đã trở thành một hình tượng tiêu biểu cho truyền thống về đạo đức và tính cách anh hùng của dân tộc Việt Nam.

Nhà thơ Tố Hữu có lần đã ví anh Giải phóng quân, « con người đẹp nhất » trong thời đại ngày nay từng « làm run sợ cả Lầu năm góc » như sau:

« Hoan hô anh Giải phóng quân
Kính chào Anh, con người đẹp nhất !
Lịch sử hôn Anh, chàng trai chân đất
Sống hiên ngang, bất khuất trên đời
Như Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi
Một dây ná, một cây chông, cũng tiến công giặc Mĩ. »

Qua mấy câu thơ trên, chúng ta càng hiểu thêm vì sao Thạch Sanh từ xưa đến nay đã trở thành nhân vật điển hình trong văn chương dân gian cổ và được nhân dân ta hết sức yêu mến.

22. CON HỒ CÓ LÁ GAN CHUỘT NHẤT

Có một con Quạ tha một chú Chuột nhất bay qua một cánh rừng. Chẳng may nó đánh rơi chú Chuột. Chuột ta rơi vào nhà một ông lão có phép lạ. Ông lão cho nó ở cùng, cho ăn, cho uống cần thận. Chuột ta lấy làm hồ hởi lắm.

Một hôm vừa bỏ ra khỏi nhà, chú Chuột gặp ngay một con Mèo lớn. Nó vội chạy biến vào nhà, chui xuống gầm giường, run bắn lên vì sợ sệt. Thấy vậy, ông lão hỏi :

— Có chuyện gì mà cháu sợ sệt đến thế ?

— Thưa ông—chú Chuột vừa nói vừa run—cháu gặp một con Mèo. Cháu sợ quá !

Ông lão suy nghĩ chốc lát rồi nói :

— Được rồi, ta sẽ cho cháu làm Mèo. Còn cháu cứ đi ngủ đi, khi tỉnh dậy cháu sẽ thành Mèo, chẳng phải sợ ai nữa.

Quả nhiên, sáng hôm sau tỉnh dậy, Chuột nhất đã thấy mình là con Mèo. Nó sung sướng bỏ ra khỏi nhà.

Vừa ra được một quãng, Mèo—chuột nhất đã gặp ngay con Mèo hôm qua. Nhìn thấy Mèo, hồn vía ⁽¹⁾ Mèo—chuột nhất bay lên mây hết. Nó quên biến rằng mình đã là Mèo như ai. Nó lại chạy thục mạng ⁽²⁾ vào nhà.

Nhìn thấy vậy, ông lão hỏi :

— Làm sao mà cháu lại run thế ?

Mèo—chuột nhất lấy làm xấu hổ về việc nó lại cứ sợ Mèo, nó đành nói dối :

— Thưa ông, trong rừng, cháu gặp con Chó. Nó gầm gừ nhe nanh ra và đuổi cháu. May mà cháu chạy thoát được.

Ông lão nói :

— Cháu yên trí ngủ đi, khi tỉnh dậy cháu sẽ là một con chó. Lúc ấy chẳng việc gì cháu phải sợ những con chó khác.

Đúng như lời ông lão nói, sáng hôm sau tỉnh dậy, chú Mèo—chuột nhất ấy đã trở thành một con Chó lớn, có tiếng sủa ồm ồm. Nó chạy ngay vào rừng. Đến một gốc cây, chú Chó—chuột nhất lại gặp con Mèo nọ. Mèo nghĩ là Chó sắp lao vào nó, hết đường chạy, nó ra oai tự vệ ⁽³⁾, nhe nanh, giơ vuốt và kêu gừ gừ rõ to. Nghe thấy tiếng của Mèo, chú Chó—chuột nhất hoảng quá, quên mình đã là Chó, co chân chạy một mạch về nhà.

Thấy vậy, ông lão hỏi :

— Lần này con gì dọa cháu làm cháu sợ đấy ?

Chó—chuột nhất không dám nhận là đã sợ Mèo, lại phải nói dối :

— Thưa ông, cháu vừa bị Hồ đuổi, suýt nữa thì bị nó ăn thịt.

Ông lão nói với nó :

— Được rồi, cháu cứ yên trí ngủ đi. Sáng mai cháu sẽ trở thành con Hồ và sẽ không phải sợ sệt ai nữa cả.

Sáng hôm sau ngủ dậy, Chó — chuột nhất đã thấy mình trở thành một con Hồ vằn đừ tợn. Nó nghĩ : « Từ nay ta đã là chúa sơn lâm rồi. Chẳng việc gì phải sống chui rúc nơi nhà ông lão nữa. Ta phải vào rừng ở và muôn loài phải thần phục ⁽⁴⁾ ta ». Nghĩ vậy, nó oai vệ bước về phía rừng. Thình lình nó lại gặp con Mèo tai ác nọ. Mèo trong thấy Hồ — chuột nhất thì sợ quá, lông dựng ngược lên, người mềm ra, mắt long lên. Nó nghĩ : « Thôi, chuyện này thì chết mất ngáp ! »

Con Hồ — chuột nhất nhìn thấy ánh mắt long lanh của Mèo thì mất hết cả hồn vía. Nó lại quên mất chính mình đã là Hồ, nên co chân phóng như bay về nhà ông lão. Nó nhảy vọt vào buồng chui vào một góc nằm cuộn tròn lại, run như cây sậy.

Ông lão thấy vậy, ngạc nhiên hỏi :

Sao mà cháu lại run lẩy bẩy như vậy ? Chẳng nhẽ quanh đây lại có con vật gì khỏe hơn Hồ hay sao ?

— Dạ có... a... — Hồ — chuột nhất lì nhì mãi, không trả lời được.

— Con gì vậy ? — Ông lão gắng hỏi.

Dạ... con... con... Mèo a !

Lúc này, ông lão hiểu hết. Ông nói :

— Con Hồ mà có lá gan Chuột nhất thì vẫn cứ yếu hơn một con Mèo. Đã vậy thì tốt nhất đã có lá gan Chuột nhất thì cứ để nó làm Chuột nhất.

Nói xong, ông lão biến ngay con Hồ — chuột nhất trở lại thành con Chuột nhất tí tẹo thảm thương như cũ.

Theo cổ tích Ấn Độ

(BUI VIỆT KÊ—Nxb Kim Đồng, 1982)

A/ Chú giải :

1. Hồn vía (hồn phách) : phần linh hồn của con người (đối lại với thể xác). Hồn vía bay lên mây : ý nói sợ hãi quá đối không còn tỉnh táo tự chủ được nữa. 2. Thục mạng : không kể gì đến tính mạng nữa (ý nói chạy lấy được, chạy bán sống bán chết). 3. Tự vệ : tự mình bảo vệ

lấy mình, tự giữ lấy mình, chống lại sự xâm phạm của kẻ khác. 4. *Thần phục*: chịu theo một ông vua, ý nói chịu tuân theo mọi mệnh lệnh của một ông vua, một vị chúa tể.

B/ Ý nghĩa:

Chuột nhất dù có đôi lông con mèo, con chó, thậm chí con hổ dữ, nhưng khi gặp mèo vẫn cứ hồn vía lên mây, co cẳng mà chạy thục mạng bởi vì lá gan của nó vẫn chỉ là lá gan của loài chuột nhất. Con người hèn nhất, tầm thường dù có mượn cái oai danh bên ngoài ghê gớm đến đâu cũng vẫn chỉ bộc lộ ra cái bản chất hèn nhất, tầm thường của mình trước thử thách của cuộc sống.

Đó chính là ý nghĩa châm biếm hóm hỉnh và li thú của câu chuyện cổ tích Ấn Độ mang tính chất ngụ ngôn đặc sắc trên đây (tương tự câu chuyện ngụ ngôn bằng thơ nổi tiếng của La Fonten: « Con ếch ương và con bò »).

23. CÂY ĐÈN THẦN

Ngày xưa, tại kinh đô một nước thuộc Trung Quốc, có bà vợ góa của một người thợ may nghèo tên là Mut-xta-pha sống với con trai là A-la-danh.

Năm đó, A-la-danh mười lăm tuổi. Một hôm cậu bé đang nô đùa với bạn bè ở một bãi đất rộng ngoài phố bỗng thấy một người lạ mặt đi qua dừng chân lại và chăm chú nhìn mình. Người lạ ấy chính là một lão phù thủy (1) cao tay đã cất công lặn lội từ châu Phi sang, mới đặt chân tới đây được ít ngày để thực hiện một ý đồ to lớn của lão. Lại gần A-la-danh, lão hỏi:

— Cháu ơi, có phải bố cháu tên là Mut-xta-pha làm nghề thợ may không?

A-la-danh lễ phép trả lời:

— Thưa ông vâng, nhưng bố cháu mất đã lâu rồi.

Nghe thấy thế, lão phù thủy bỗng ôm chầm lấy A-la-danh và kêu lên ra vẻ đau đớn vô hạn:

— Sao? Cháu ơi, thế là người anh muôn vàn quý mến của ta đã mất rồi ư? Thật đau khổ cho ta biết chừng nào, Trời ơi!

Thế rồi lão rưng rưng nước mắt nói tiếp:

— Cháu ơi? Hãy dẫn ta về nhà cháu để ta được nhìn lại nơi người anh vô vàn yêu quý của ta đã sống bấy lâu nay và đã vĩnh biệt cõi đời ở đó. Vì ta là chủ ruột của cháu đây, cháu ạ! Chứ đoán không lầm mà, cháu giống bố cháu như đúc nên chủ nhận ra cháu ngay...

Và chỉ một lát sau, trước vẻ đau đớn quá độ của lão phù thủy, bà mẹ A-la-danh không còn nghi ngờ gì về câu chuyện của người em chồng đã ra đi lưu lạc khắp thế giới mấy chục năm trời từ khi bà về làm bạn với chồng bà nữa. Sau một thời một hồi than vãn, xót thương, lão phù thủy ôm hôn thân thiết A-la-danh và ngậm ngùi nói với bà:

— Ông anh độc nhất vô cùng quý mến của tôi nay đã mất rồi, tôi chỉ còn biết đặt niềm hi vọng và hạnh phúc của tôi vào cháu A-la-danh, giọt máu duy nhất còn lại của anh thôi...

Tiếp đó, sau khi hỏi han về tình hình A-la-danh, lão nói tiếp:

— Ủ, nếu quả thực cháu không thích tiếp tục nghề thợ may của bố cháu nữa thì tôi cũng thừa sức có thể gây dựng cho cháu một cơ ngơi làm ăn buôn bán, mà trong tương lai nếu cháu chịu khó xoay xỏa sẽ không thua kém gì những cửa hiệu lớn nhất của thành phố này. Bằng con đường ấy, chị và cháu sẽ có thể sống rất đàng hoàng chứ chẳng đến nỗi lúi xúi như thế này mãi. « Sầy cha còn chủ », đó cũng là trách nhiệm của tôi, chẳng gì cũng được tiếng là đã đi chu du (2) khắp thế giới trở về... Nhưng trước mắt, sớm mai tôi sẽ đưa cháu đi may mặc cho đàng hoàng cái đã... Một ông chủ hiệu buôn lớn nay mai không thể ăn mặc nhếch nhác như vậy được... Rồi cũng phải đưa cháu đi đây đi đó cho biết đó biết đây và giao du với những người giàu có, thượng lưu (3) cho quen dần cách làm ăn và xã giao (4) của họ mới được...

Thế là ngay ngày hôm sau, A-la-danh được ông « chủ hồ » đưa đi may sắm cho một bộ cánh sang trọng vào loại đắt tiền nhất và được thết một bữa tiệc cực kì thịnh soạn mà cậu bé chưa từng được ngó thấy bao giờ. Đến hôm sau nữa thì cậu được « ông chủ » đưa đi dạo chơi tất cả những thắng cảnh nổi tiếng nhất ở trong và ngoài thành phố. Cuối cùng đến ngày thứ ba A-la-danh được dẫn đi khá xa thành phố, băng qua nhiều cánh đồng đến tận sát chân núi. Hai người dừng lại ở một quãng giữa hai quả núi cách nhau bởi một thung lũng rất hẹp. Đây là địa điểm tối huyệt mà lão phù thủy cần đưa A-la-danh tới để thực hiện mưu đồ to lớn của hắn mà chính tay hắn không thể trực tiếp làm được. Sau một vài động tác chuẩn bị cần thiết, lão phù thủy chột đứng nghiêm trang niệm những câu thần chú (7) mà A-la-danh nghe chẳng hiểu gì hết. Ngay lúc ấy mặt đất rung chuyển dữ dội rồi nứt ra để lộ rõ một phiến đá lớn và dày, chính giữa có gắn một cái vòng bằng đồng. A-la-danh hoảng sợ định bỏ chạy. Lão phù thủy hoảng hốt tát luôn cho cậu bé một cái như trời giáng khiến cậu ngã quay lơ ra mặt đất, chỉ vì việc cậu bỏ chạy sẽ làm hỏng ngay tức khắc « ma thuật » (8) của lão. Vừa trấn áp, lão vừa dịu ngay giọng lại để dỗ dành A-la-danh :

— Nếu cháu muốn được hưởng tất cả cái cơ đồ to lớn mà chú hứa sẽ xây dựng cho cháu thì phải làm đúng những điều chú căn dặn sau đây... Hạnh phúc to lớn cả một đời của cả hai chú cháu ta là ở những điều này đây...

Sau khi đã cho A-la-danh trấn tĩnh lại hẳn, lão nói tiếp :

— Bây giờ tự tay cháu phải nhắc phiến đá kia lên. Một triệu lần sức của cháu cũng không làm nổi đâu, nhưng chỉ cần đọc tên bố cháu và ông nội cháu là sẽ nhắc được ngay. Dưới phiến đá là một cái hầm sâu chỉ cháu mới xuống lọt. Dưới đáy hầm có các bậc thang để xuống sâu hơn nữa. Xuống đến bậc thang cuối cùng cháu sẽ đứng trước một cái cửa đã mở sẵn dẫn tới một khu vườn cây nặng trĩu những quả lạ cực kì quý giá. Cháu phải đi qua khu vườn này không được dừng chân lại, chỉ cần để chạm tà áo của cháu vào bất cứ một cây

nào trong vườn cháu sẽ chết ngay tức khắc. Cháu sẽ đến một cầu thang đưa lên một cái sân thượng. Trên sân thượng có một cái khám thờ (7) trong có một cây đèn thấp sáng. Cháu hãy cầm lấy cây đèn thổi tắt đi và đổ hết nước lạ trong đó ra rồi ôm cây đèn vào lòng và đem lên đây cho chú. Khi trở ra cháu có thể tha hồ hái bao nhiêu quả quý ở vườn cây cũng được. Với những quả quý ấy, cháu sẽ trở nên giàu sang hơn cả các bậc đế vương hạng nhất trên thế gian này đây !... Nào, hãy mạnh bạo lên, mở nắp hầm ra và nhảy xuống !

Nói đoạn, lão phù thủy rút ở ngón tay ra một chiếc nhẫn đeo vào cho A-la-danh để làm bùa (8) hộ mệnh phòng những điều bất trắc có thể xảy ra cho cậu bé.

A-la-danh bị hấp dẫn bởi cái kho tàng kì lạ này nên cậu rất phấn chấn làm đúng theo từng điều lão phù thủy dặn. Khi đã lấy được cây đèn rồi, đi qua khu vườn quả quý bây giờ cậu mới có thì giờ ngắm nhìn không chán mắt các chùm quả lạ kì trĩu chít đầy vườn. Ôi thật là tuyệt ! Cậu bé thích thú hái ở mỗi cây một loại quả long lanh trong suốt, lấp lánh đủ màu sắc rực rỡ, trông kì ảo đến mê người. Nhưng cậu vẫn chỉ coi chúng như những thứ đồ chơi hiếm có, chứ không hề biết đó chính là những viên ngọc châu, kim cương cỡ lớn ngoại hạng và tuyệt mỹ chưa từng có ở trên đời. Cậu vội nhét đầy cái túi lớn mang theo và các túi quần túi áo, rồi giắt đầy thắt lưng, nhét cả vào trong ngực áo cùng với cây đèn lấy được ở sân thượng. Ra tới cửa hầm, cậu loay hoay đứng ở dưới giơ tay vẫy gọi lên :

— Chú ơi, chú kéo cháu lên với !

Do đã rắp tâm từ trước, với ý đồ quyết hãm hại A-la-danh sau khi lấy được cây đèn để không một ai biết được hành tung (9) của hắn, lão phù thủy bèn nói vọng xuống :

— Cháu hãy đưa cây đèn lên cho chú để cho nó khỏi vướng, rồi chú sẽ kéo cháu lên !

A-la-danh đáp :

— Chú ơi, không vướng đâu, chỉ cần chú kéo cháu lên là được, rồi cháu đưa ngay cho chú thôi mà !

Nhưng lão phù thủy khẳng khẳng đòi A-la-danh phải đưa chiếc đèn cho lão trước đã. Còn cậu bé vì linh kính với một lò quả báu nhét đầy người lẫn với cây đèn nên cứ một mực đòi lão kéo mình lên đã. Hồi lâu, thấy thằng bé bưng bình không chịu trao cho lão cây đèn, phần lại sợ câu chuyện đôi co với thằng nhãi ranh này kéo dài sẽ có người bắt chợt bắt gặp thì hẳn sẽ bị lộ, lão phù thủy điên tiết lên niệm (10) luôn mấy câu thần chú. Thế là phen đá lại tự động lấp luôn miệng cửa hầm lại, mặt đất rung chuyển dữ dội rồi khép kín lại như cũ, không còn để dấu vết gì lại. Sau đó lão phù thủy vội vã chuồn thẳng.

Về phần A-la-danh, khi thấy mình bỗng nhiên bị ông « chú hờ » chôn sống thì hoảng sợ vội kêu gào lên một thôi một hồi, nhưng vô ích, không còn ai có thể nghe thấy tiếng gào thét của cậu ta nữa. Thử lần mò xuống đáy hầm để tìm lối cửa thông ra khu vườn thì cửa này cũng bị lão phù thủy niệm chú bịt kín lại rồi. Thế là cậu bé tuyệt vọng đành sống trong cảnh tối tăm mù mịt ghê rợn ấy trong suốt hai ngày, không một mẩu bánh, không một giọt nước. Sang ngày thứ ba, biết không thoát chết, A-la-danh đành chấp tay cầu nguyện thương xót trước khi nhắm mắt. Bất đồ cậu bé vô tình miết tay vào chiếc nhẫn của lão phù thủy đã đeo cho trước khi xuống hầm. Lập tức, một ông thần cao lớn có đôi mắt khủng khiếp chợt sừng sững hiện ra trước mặt A-la-danh và cho biết ông ta sẵn sàng tuân lệnh của bất cứ người nào đang đeo chiếc nhẫn trên tay. Mãi lo lắng cho số phận của mình, lúc này A-la-danh quên cả sợ hãi, vội ra lệnh : « Ông hãy đưa ta ra khỏi chốn này ! ». Vừa dứt lời, đất bỗng mở ra và cậu bé thấy mình đã đứng ở trên mặt đất, đúng chỗ hôm trước lão phù thủy đã đưa cậu đến. Mừng rỡ quá đột ngột làm cậu bé quên hết cả mệt, vội vã tìm đường ba chân bốn cẳng chạy ngay về nhà với mẹ. Bà mẹ cũng hú vía cho cả hai mẹ con về những lời đường mật (11) của lão phù thủy gian ác.

Nhà không còn lấy một mẩu bánh để ăn, A-la-danh định đem bán cây đèn mới đem về để kiếm ít tiền mua thức ăn thì bà mẹ bảo để bà đánh bóng đi một chút sẽ bán được tiền hơn. Nhưng bà vừa cọ xát vào cây đèn thì lập tức một ông thần lớn

như hộ pháp (12) với bộ mặt gớm ghiếc hiện ra bất ngờ, cất tiếng nói ồm ồm như sấm : « Bà cần gì ? Tôi sẵn sàng tuân lệnh bà cũng như tuân lệnh bất cứ ai cầm cây đèn trong tay ! ». Bà mẹ A-la-danh khiếp đảm quá ngã vật ra chết ngất đi. A-la-danh đã biết ngay đây là cây đèn thần, vội cầm lấy cây đèn và đồng dục ra lệnh : « Ta đang đói, thần hãy mang thức ăn đến đây cho ta ! ». Đến khi bà mẹ mở mắt ra thì rất đỗi ngạc nhiên thấy một mâm cỗ lớn bằng bạc đầy những món cao lương mỹ vị (13) tuyệt vời đựng trong mười hai chiếc đĩa lớn cũng toàn bằng bạc. Hai mẹ con phải ăn đến hai ngày mới hết mâm cỗ thịnh soạn chưa từng thấy đó. Thế rồi họ đem bán dần từng chiếc đĩa bạc, và cả chiếc mâm bạc quý giá ấy đi để lấy tiền mua thức ăn và may mặc cùng với số tiền bán sợi của bà mẹ kéo được hằng ngày. Cứ như vậy hai mẹ con sống từ năm này sang năm khác. Tuy đã có nguồn của cải vô tận, nhưng họ vẫn sống thanh bạch (14) như trước, không ồn ào xa hoa, chỉ thỉnh thoảng mới nhờ đến cây đèn thần để khỏi làm cho hàng xóm láng giềng sinh lòng thêm muốn và ghen ghét đố kỵ (15).

Thấm thoắt A-la-danh đã đến độ tuổi mười tám, đôi mươi và trở thành một chàng thanh niên có bản lĩnh (16) và lịch lãm (17) trong cuộc sống, không còn là một cậu thiếu niên chơi bời lêu lổng ngoài đường phố như trước nữa.

Một hôm, đang đi dạo trong một khu phố, A-la-danh bỗng nghe có tiếng loa truyền lệnh của nhà vua, bắt mọi nhà phải đóng kín cửa, ai nấy đều phải ở trong nhà, vì có công chúa con gái đức vua sắp đi qua. Tính tò mò chợt nổi dậy khiến A-la-danh tìm ngay một chỗ kín đáo thuận tiện đứng nấp để được nhìn thấy mặt công chúa. Anh chàng bỗng mê mẩn cả hồn khi được ngắm tận mặt nhan sắc tuyệt trần của công chúa với mái tóc đẹp như dòng suối chảy, đôi mắt đắm đuối dịu dàng, và chiếc miệng xinh tươi, đậm thắm cùng với dáng người thon thả, cân đối một cách tuyệt mỹ.

Trở về nhà, từ hôm đó chàng sinh ra ngờ ngẩn bản thân, suốt ngày đêm tơ tưởng đến vẻ đẹp kiều diễm của công chúa, khiến cho bà mẹ hết sức lo lắng. Rồi bỗng một hôm, chàng

dòi bà mẹ vào cung tần với nhà vua xin gả công chúa cho chàng. Bà mẹ giãy nảy lên vì kinh ngạc, tưởng con mình mất trí mới tự dưng có cái ý muốn điên rồ ấy. Nhưng về mặt và giọng nói si tình⁽¹⁸⁾ đến mức cuồng nhiệt⁽¹⁹⁾ của A-la-danh đã khiến bà không tài nào thuyết phục được con trai từ bỏ ý đồ táo tợn, nguy hiểm đó của mình. Ngược lại, chính bà đã bị A-la-danh đẩy lùi từng bước, đến mức cuối cùng không còn cách nào khác bà đành phải chiều theo ý muốn của con, nếu không muốn nó từ bỏ cõi đời này vì tuyệt vọng. Thế là bà phải đồng ý với con trai sẽ đem món lễ vật ngọc châu kim cương vô giá mà A-la-danh đã kiếm được trong cái kho báu kì lạ từ mấy năm trước, để đến cung vua hỏi công chúa làm vợ cho con, mặc dầu bà biết đó là một việc làm quá đại dột và hết sức nguy hiểm.

Sau năm lần bảy lượt đến châu chực hết buổi này đến buổi nọ, bà mới có cơ hội được hoàng thượng⁽²⁰⁾ tiếp. Nhà vua hết sức sững sốt, bàng hoàng, không phải trước ý nghĩ điên rồ của mẹ con A-la-danh, mà là trước món lễ vật quý giá quá sức trông tượng, có lẽ chưa một vị đế vương nào trên thế gian này được tận mắt nhìn thấy. Dầu vậy, đối với một kẻ thường dân ở địa vị hèn kém như A-la-danh thì cái giá của một vị công chúa mà chàng phải trả biết đến đâu là vừa. Nghe lời khuyên của quan tể tướng⁽²¹⁾, để chấm dứt ngay cái điều mơ tưởng quá ư ngông cuồng của mẹ con A-la-danh, hoàng thượng lại đòi thêm một lễ vật thách cưới thật kì quặc: bốn chục mâm đúc bằng vàng khối, trên xếp đầy những đồ châu báu giống những thứ đã dâng lên vua trong lễ ăn hỏi, do bốn chục tên nô lệ da đen đội trên đầu, có bốn chục tên nô lệ da trắng khôi ngô, tuấn tú, ăn mặc lộng lẫy sang trọng đi dẫn đường.

Nhưng dù yêu cầu của nhà vua cao đến mấy, A-la-danh chỉ cần xát nhẹ tay vào cây đèn thần là đã có thần đèn hiện ra giải quyết được trong tức khắc, hơn nữa lại giải quyết được vượt mức trước sự kinh ngạc ngỡ ngàng của cả triều đình. Tin tưởng ở lòng nhiệt thành và tài năng phi thường

của chàng phò mã tương lai, nhà vua vui mừng hết sức, đã cho mời A-la-danh vào hoàng cung để tổ chức lễ kết hôn thật trọng thể. Tiếp sau đó là lễ rước dâu đón công chúa về một tòa lầu đài cực kì tráng lệ vượt xa cả cung vua mà A-la-danh đã ra lệnh cho thần đèn nội trong một đêm phải xây dựng xong đối diện ngay với hoàng cung.

Cuộc đời phú quý và hạnh phúc tốt đỉnh của hai mẹ con A-la-danh bắt đầu từ đây. Nhưng chàng vẫn không quên cuộc sống của những kẻ nghèo khổ như cảnh gia đình chàng trước kia. Chàng chủ ý mỗi tuần vài lần ra thăm phố xá và mỗi lần ra phố chàng lại sai hai người trong đám hầu cận đi theo chàng bốc từng nắm tiền vàng tung ra các phố và nơi công cộng thưởng cho những đám thường dân thường tụ tập đông đúc ở những nơi chàng đi qua. Ngoài ra, chưa từng có kẻ nghèo khổ nào tìm đến công lầu đài phò mã⁽²²⁾ mà không được biết đến tính hào hiệp⁽²³⁾ rộng rãi của chàng. A-la-danh lại sắp xếp thời giờ để tuần nào cũng đi săn ít ra là một lần, khi thì ở xung quanh thành phố, khi thì đi xa hơn và qua thôn xóm nào chàng cũng tỏ ra hào phóng⁽²⁴⁾, chơi mở với dân chúng như vậy. Vì thế, chàng được nhân dân hết lòng quý mến và hết sức xa ngời xem ra hơn cả nhà vua.

Lại nói về lão phù thủy ngày ấy, sau khi xói hỏng hỏng không⁽²⁵⁾, lão đã phải lên lút trở về châu Phi ngay tức khắc. Thế rồi nhiều năm qua đi, một hôm lão chợt nhớ tới A-la-danh mà lão đành ninh là đã toi mạng từ lâu, lão đành phép bầm độn⁽²⁶⁾ thử xem A-la-danh đã chết như thế nào ở dưới hang sâu sau bữa bị lão chôn sống đó. Đột nhiên lão nổi cơn giận dữ như điên cuồng khi biết rõ A-la-danh không những không chết mà từ lâu nhờ cây đèn thần chàng đã trở nên giàu sang bậc nhất, thậm chí lấy được cả nàng công chúa cực kì xinh đẹp làm vợ.

Ngay sáng hôm sau, lão lại cất công lặn lội một phen nữa từ châu Phi sang tận đất Trung Quốc xa xôi, tới kinh đô nơi A-la-danh đang làm phò mã. Sau khi nhanh chóng điều tra, lão được biết là A-la-danh đang bận đi săn phải vắng nhà tới tám

ngày. Lão bèn đóng giả một anh hàng đèn và gánh hàng đi về phía lâu đài của A-la-danh, vừa đi vừa rao: « Ai có đèn cũ muốn đổi lấy đèn mới nào! ». Tiếng rao của lão làm cho cả phố phải buồn cười, lũ trẻ con chạy theo hò reo cho là lão dở người nếu không phải là điên. Công chúa và đám nữ tì (27) ở trên lâu đài cũng nghe thấy tiếng của lão cổ tình rao đi rao lại cùng với tiếng-hò reo ồn ào của lũ trẻ. Thấy sự lạ, một nữ tì bèn bàn với công chúa đem cây đèn cũ của nhà vắn gác trên cột nhà từ lâu để đổi lấy một chiếc đèn mới thử xem gã hàng đèn có điên thật hay không. Chỉ chờ có thế, và lão phù thủy đã đoạt lại được cây đèn thần của A-la-danh bằng cái mẹo có vẻ như điên rồ của lão.

Câu chuyện đã diễn ra rất chóng vánh. Ngay đêm hôm đó, lão phù thủy đã ra lệnh cho thần đèn phải chuyển ngay tức khắc toàn bộ tòa lâu đài của vị phò mã với tất cả mọi người đang sống trong đó sang bên châu Phi vào chỗ ấy... chỗ ấy...

Chỉ sáng hôm sau, khi hoàng đế ngủ dậy đứng trên lầu nhìn qua cửa sổ, ngài bỗng giật mình kinh ngạc vì không thấy tòa lâu đài nguy nga tráng lệ của phò mã đâu nữa mà chỉ thấy một bãi đất hoàn toàn trống trải lạnh lẽo ở trước hoàng cung. Vua càng hoảng hốt lo cho số phận của con gái mình hơn khi nghe quan tể tướng lần này cũng như lần trước một mực ngờ vực rằng A-la-danh chẳng qua chỉ là một tay phù thủy đã dùng trò ma phép quỷ lừa gạt nhà vua bấy lâu để mưu chiếm đoạt lấy công chúa mà thôi. Con thịnh nộ (28) của hoàng thượng bốc lên ngàn ngút và chỉ suýt nữa A-la-danh khi đó bị quân lính xích giải về cung đã bị đao phủ (29) chặt đầu theo lệnh vua, nếu dân chúng ở kinh đô không tỏ rõ sự bất bình sôi sục để bảo vệ vị phò mã đầy lòng nhân hậu (30) của họ. Nhà vua đành phải hoãn xử tội A-la-danh trong một thời hạn bốn mươi ngày để chàng đi tìm bằng được công chúa và nếu không, nhất quyết chàng sẽ bị chém đầu.

A-la-danh lang thang hết nơi này đến nơi khác như



người mất trí với chiếc thân tàn ma dại. Rong rã ngày này sang ngày khác như mò kim dưới đáy biển, chàng còn biết phương hướng nào mà tìm cho ra công chúa! Tội nhục, tuyệt vọng, chàng chợt nảy ra ý định quyên sinh⁽³¹⁾ cho rồi đời. Vào một buổi chiều tối, khi đi tới bờ một con sông mặt nước đen ngòm chắn ngang trước mặt, bờ sông khá dốc và trơn khiến chàng trượt chân và bám lấy một tảng đá trôi lên trên mặt đất. Bất ngờ ngón tay đeo nhẫn của chàng va vào tảng đá. Thân nhân lập tức hiện ra và sẵn sàng đợi lệnh, A-la-danh mừng rỡ khôn xiết, vội nói:

— Hỡi thần, hãy cứu sống ta một lần nữa bằng cách đưa tòa lâu đài và công chúa của ta trở về chỗ cũ ngay tức khắc.

Thần nhân đáp:

— Điều ngài đòi hỏi không thuộc quyền lực của tôi mà là của thần đèn.

A-la-danh vội nói tiếp:

— Vậy thần hãy đưa ta tới nơi có lâu đài của ta và đặt ta bên dưới cửa sổ buồng của công chúa vợ ta!

Tất cả mọi điều được thần nhân thực hiện trong nháy mắt. Do đó, việc A-la-danh được gặp lại công chúa ngay sáng hôm sau cũng không phải là điều khó hiểu. Bấy giờ chàng mới biết rõ nguồn gốc của điều bất hạnh bấy lâu chàng phải chịu đựng chính là ở cây đèn thần và lão phù thủy độc ác. Lão này sau khi thực hiện được độc kế⁽³²⁾, hằng ngày vẫn đến lâu đài gặp mặt công chúa và ép nàng phải quên hẳn A-la-danh đi để lấy hân. Dĩ nhiên đến một thời hạn nào đó, nếu nàng cứ khăng khăng cự tuyệt, hân mới dùng đến thủ đoạn vũ phu⁽³³⁾.

Theo lời dặn của A-la-danh, tối hôm đó công chúa ăn mặc và trang điểm thật duyên dáng để tiếp đón lão phù thủy bằng những nụ cười và khoe mắt đắm thắm, dịu dàng khác hẳn những bữa trước, khiến cho lão tưởng đó là những dấu hiệu thành công rất đáng mừng của lão trong việc kiên nhẫn chinh phục trái tim vàng ngọc của công chúa. Choáng váng

và mê mẩn trước nhan sắc lộng lẫy cùng với dáng điệu yêu kiều của nàng, lão phù thủy tưởng không còn hạnh phúc nào lớn hơn khi được công chúa mời ở lại dự bữa tiệc tối để cùng chén tạc chén thù⁽³⁴⁾ với nàng cho mãi tới khuya. Rồi trong cơn si tình cuồng nhiệt, lão đã nốc một hơi cạn li rượu của chính công chúa mới được một nữ li theo mặt hiệu của nàng đã bí mật pha thuốc độc liều nặng vào. Thế là hết đời lão phù thủy gian ác. Và cây đèn thần bấy lâu luôn luôn được giắt trong người lão lại trở về với chủ cũ.

Dĩ nhiên việc đưa tòa lâu đài nguy nga tráng lệ cùng với A-la-danh và công chúa ngay đêm hôm đó trở về chỗ cũ phía trước hoàng thành lại là nhiệm vụ của thần đèn.

Ngay sáng hôm sau, sau khi được tận mắt trông thấy công chúa và được ôm hôn con gái yêu quý của mình ở ngay tại lâu đài, đồng thời được tận mắt nhìn thấy xác lão phù thủy—thủ phạm tệ hại của mọi tai biến đã xảy ra—cũng ở ngay trong lâu đài, nhà vua mới hoàn toàn tin tưởng ở lòng ngay dạ thẳng và phẩm cách tuyệt vời của A-la-danh, chàng còn re re rất xứng đáng của hoàng thượng.

Lập tức mười ngày hội lớn đã được tổ chức tưng bừng trong cả nước để nhân dân ăn mừng công chúa và phò mã đã trở về bình yên vô sự cùng với tòa lâu đài cực kì tráng lệ của họ.

Ít lâu sau, nhà vua cao tuổi nên qua đời. Vì không có hoàng tử kế ngôi, công chúa được lên làm vua nhường ngay ngôi báu cho chồng. Còn cây đèn thần, A-la-danh cũng chẳng bao giờ phải dùng đến nó nữa và được đưa vào câu chuyện cổ tích li thú mà các bạn vừa được nghe.

ĐỖ QUANG LƯU kể

(Lược phỏng theo « Một nghìn một đêm lẻ »—
Truyện cổ Ả-rập).

A/ Chú giải:

1. Phù thủy: xem chú giải ở truyện số 2.
2. Chầu chầu: đi chơi khắp nơi.
3. Thượng lưu: những người thuộc tầng lớp trên trong xã hội cũ.
4. Xã giao: việc giao thiệp trong xã hội.
5. Thần chú: câu do thầy phù thủy đọc để làm phép.
6. Ma thuật: phép thuật để điều khiển ma quỷ của thầy

phù thủy. 7. *Khám thờ* : đồ bằng gỗ hình cái tủ để đặt đồ thờ. 8. *Bùa* : (quan niệm mê tín cũ) tờ giấy hay miếng vải có viết chữ và vẽ dấu hiệu phù phép của thầy phù thủy để trừ ma quỷ, thường đeo ở người, dán ở vách hoặc chôn dưới đất. *Bùa hộ mệnh* : (dùng theo nghĩa rộng) bất cứ vật gì có giá trị như một cái bùa nghĩa là có tác dụng bảo vệ tính mệnh cho người mang vật đó trong người. 9. *Hành lung* : dấu vết về hành động của một người còn để lại. 10. *Niệm thần chú* (niệm chú) : đọc lầm bầm những câu thần chú trong miệng để làm phép (phù thủy). 11. *Đường mật* : lời nói ngọt ngào dễ nghe nhưng có tính chất giả dối, lừa phỉnh. 12. *Hộ pháp* : tên hai pho tượng cao lớn nhất trong chùa, thường đặt ở hai bên cửa chính, gọi là ông Thiện, ông Ác (nghĩa rộng : người cao lớn quá khổ). 13. *Cao lương mỹ vị* : chỉ chung những món ăn sang trọng, ngon bổ. 14. *Thanh bạch* : ý nói giữ mức sống vừa phải, không xa hoa, và giữ cuộc sống trong sạch, không làm điều xấu. 15. *Đổ lệ* : so bì, tị nạnh với người khác. 16. *Bản lĩnh* : ý chí và năng lực. 17. *Lịch lãm* : từng trải vững vàng trong cuộc sống. 18. *Si tình* : yêu đương quá độ, đến mức ngơ ngẩn, bần thần. 19. *Cưỡng nhiệt* : bộc lộ nhiệt tình quá mạnh, không tự kiềm chế, không tự chủ được. 20. *Hoàng thượng* : từ dùng để tôn xưng nhà vua. 21. *Tể tướng* : (thừa tướng) : chức quan cao nhất trong triều đình phong kiến, thay mặt vua điều hành việc cai trị đất nước. 22. *Phò mã* : con rể vua. 23. *Hào hiệp* : có chí khí làm việc nghĩa, hay cứu giúp người khác. 24. *Hào phóng* : rộng rãi trong việc tiếp đãi người khác. 25. *Xôi hồng hồng* : không : thất bại hoàn toàn, hỏng việc hoàn toàn (xôi thì hỏng, hồng cũng không được ăn). 26. *Hầm đóm* : (phù thủy) dùng phép thuật để đoán định những việc đã xảy ra hoặc sẽ xảy ra. 27. *Nữ tì* : người hầu gái của hoàng hậu hoặc công chúa. 28. *Thịnh nọ* : cơn giận dữ lớn. 29. *Đạo phủ* : quân liễn chuyên làm nhiệm vụ chém người bị án tử hình. 30. *Nhân hậu* : có lòng thương người và ăn ở đầy đặn với mọi người. 31. *Quyên sinh* : tự chấm dứt cuộc sống của mình (tự sát, tự tử, tự vẫn). 32. *Độc kế* : kế thâm hiểm độc ác. 33. *Vũ phu* : đối xử với người khác bằng những hành vi phù phàng, thô bạo. 34. *Chén tác chén thù* : ý nói ăn cần mới đi mới lại nhau uống rượu hết chén này đến chén nọ.

B/ Ý nghĩa :

Truyện « Cây đèn thần » trên đây được kể lược phỏng theo « Câu chuyện A-la-danh hay là cây đèn thần kì » (truyện dài trên một trăm trang) trích trong bộ truyện cổ Ả-rập nổi tiếng « Một nghìn một đêm lẻ » (gồm 10 tập).

Hai nhân vật chính trong truyện là A-la-danh và lão phù thủy.

Qua nhân vật lão phù thủy, chúng ta thấy toát ra một mặt ý nghĩa của truyện là : một kẻ dù nham hiểm, độc ác và có ý đồ đen tối đến đâu, thậm chí kẻ đó có nhiều phép thuật ma quỷ để hại người, cuối

cùng hẳn nhất định cũng sẽ thất bại thảm hại và tự chuốc lấy sự trừng phạt đích đáng do chính hắn tự gây ra.

Trái lại, qua nhân vật A-la-danh, chúng ta lại thấy nổi bật lên mặt ý nghĩa cơ bản khác của truyện là : một con người lương thiện ăn ở có nhân có nghĩa, biết điều phải chăng, không tham lam vô độ, biết quan tâm gần gũi giúp đỡ những người cùng cảnh ngộ mặc dầu mình gặp may mắn đã đạt tới địa vị cao sang giàu có vào bậc nhất nhì thiên hạ, con người đó rất xứng đáng được quần chúng yêu mến, quý trọng và hết lòng bảo vệ, đồng thời rất xứng đáng được hưởng cuộc sống hạnh phúc lâu dài.

Đó là những quan niệm về đạo lí trong xã hội mà người Ả-rập xưa muốn gửi gắm vào nội dung câu chuyện cổ nổi tiếng này (tương tự như truyện Thạch Sanh của Việt Nam).

Điều đáng chú ý nữa là : đầu mỗi xung đột giữa hai nhân vật A-la-danh và lão phù thủy là « cây đèn thần », một hình ảnh rất độc đáo đã tạo nên sức hấp dẫn kì thú từ đầu tới cuối truyện.

24. HAI LẦN CẤP GỖ

Một buổi chiều đầu thu năm 1970, viên trung tá Mĩ Đốc-bai từ sân bay Tân Sơn Nhất lái chiếc xe « gíp »⁽¹⁾ của y trở về cư xá⁽²⁾ Chi Lăng (khu nhà ba tầng dành cho sĩ quan cấp tá và chuyên viên⁽³⁾ cao cấp Mĩ ở). Xe đang bon bon chạy chợt thấy bên lề đường một chiếc xe hơi rất lịch sự bị hỏng máy. Trong khi người lái xe đang loay hoay dưới gầm xe, thì cô chủ của anh ta, một cô gái Việt Nam xinh đẹp đã vẫy xe của Đốc-bai và xin đi nhờ bằng một giọng phát âm tiếng Anh rất chính xác.

— Tôi cần tới một cuộc hẹn. Nếu ông vui lòng giúp...

Dĩ nhiên, không một gã người Mĩ nào có thể từ chối một đề nghị như thế của một cô gái đẹp, và thế là Đốc-bai như một kẻ gặp may mắn đã mời cô lên xe. Họ làm quen với nhau và cô gái đã nhận lời mời của Đốc-bai ghé qua cư xá Chi Lăng... Không e thẹn, không lúng túng, cô tỏ ra rất tin ở uy lực của

minh, bắt tay và nhìn thẳng vào mắt tất cả mọi người mà cô gặp trong cư xá, nói với người này một câu hóm hỉnh, nói với người khác một lời bông đùa. Chẳng hạn với lão đại tá Đa-vít:

— Ngai sẽ là trung tướng, nếu bộ râu của ngài đẹp hơn một chút!

Còn với gã thiếu úy đội trưởng « Em Pi » (quân cảnh) canh gác ở cư xá thì cô nói:

— Anh nghĩ thế nào, nếu tôi giới thiệu với anh một cô bạn của tôi...

Tên này là một gã lém lỉnh.

— Nếu cô đó chỉ đẹp bằng một phần mười lăm cô, thì cũng đã đủ làm cho tôi chết giấc rồi (!)...

Tóm lại, cô chiếm được cảm tình của mọi người. Cô được dẫn đi xem mọi nơi trong cư xá và khi ra về cô hẹn sẽ quay trở lại buổi chiều chủ nhật sau...

Một buổi sớm cũng vào mùa thu năm ấy, Ba Tung và Ba Hoàng, hai chiến sĩ Đội cận vệ thanh niên (!) Sài Gòn, nhận 20 ki chất nổ C. 4, nhảy lên một chiếc xe gắn máy, xuất phát lúc 4 giờ 30 phút, lúc này, đang còn là giờ giới nghiêm (!) và sự xuất hiện của hai người trẻ tuổi trên đường phố không thể không thu hút sự chú ý của cảnh sát. Nhưng các anh không còn cách nào khác. Để muộn hơn nữa -- nghĩa là qua giờ giới nghiêm họ sẽ không thể đột nhập ngôi nhà đang xây dựng ở kề cư xá Chi Lăng, như kế hoạch đã định. Việc làm táo bạo có tính toán này hoàn toàn bất ngờ đối với bọn giặc. Ở đầu đường Công Li, họ gặp một toán cảnh sát. Nếu vào một giờ khác, các anh có thể bị khám xét rất kỹ. Nhưng trong giờ giới nghiêm, toán cảnh sát chỉ xem giấy tờ qua loa rồi cho đi, bởi lẽ chúng nghĩ rằng không một tên « Việt Cộng » nào lại dại đột mà ngồi trên xe gắn máy đi giữa thành phố trong giờ giới nghiêm một cách đàng hoàng như vậy.

— Chúng em là thợ, không có đồng hồ, nên tưởng đã tới giờ đi làm mà, mấy anh...

Tên đội trưởng cảnh sát khoát tay cho họ đi, được mười bước, chừng như không yên tâm, hắt lại lệnh cho hai tên cảnh sát quay trở lại lên bám sát Ba Tung và Ba Hoàng. Biết đang bị theo dõi, hai anh không rẽ vào đường Chi Lăng mà cứ thẳng đường Công Li phóng tới. Hai tên cảnh sát thấy không có gì khả nghi, quay trở lại với đồng bọn và tiếp tục cuộc tuần tra. Về phần mình, Ba Tung và Ba Hoàng, sau khi đã đi vòng vèo qua vài dãy phố, liền quay xe trở lại, đi về phía cư xá Chi Lăng.

Dừng xe cách cư xá chừng 500 mét, Ba Tung đứng nép bên một gốc cây làm nhiệm vụ canh giới (!) và bảo vệ. Trong khi Ba Hoàng đột nhập ngôi nhà đang xây dựng ở kề cư xá. Anh dùng xà beng cây hai lần cửa leo lên tầng gác thứ ba. Ở đây, anh đã có thể nghe rõ tiếng rơ rơ của máy điều hòa nhiệt độ (!) bên cư xá Mĩ. Nhiệm vụ của anh là phải chọn chỗ đặt khối thuốc nổ C.4 hai mươi kí ở nơi thuận lợi nhất, sao cho khi nổ, sức nổ có thể thốc bay hai tầng trên cùng của cư xá Chi Lăng. Chọn địa điểm xong anh quay xuống, băng qua đường, tìm đến chỗ Ba Tung đứng chờ để lấy gói thuốc nổ. Nhưng, Ba Tung đã biến mất. Bóng lối đã loảng đảng và ở phía xa, chuông nhà thờ Đức Bà đã rền rĩ điểm năm tiếng. Ba Tung đi đâu? Người Ba Hoàng nóng ran lên, anh quyết định cứ chờ, bởi vì anh biết rất rõ Ba Tung.

Ba Hoàng không lầm. Năm phút sau Ba Tung đã lại xuất hiện với chiếc xe gắn máy (!). Thì ra, trong lúc Ba Hoàng dùng xà beng cây cửa để leo lên lầu ba của ngôi nhà, Ba Tung đã phát hiện ra bóng một tên cảnh sát ở gần đó. Để đánh lạc hướng tên giặc và để Ba Hoàng rảnh tay làm nhiệm vụ, Ba Tung đã rờ xe lướt qua mặt tên này một lượt rồi hai lượt. Thấy khả nghi, tên cảnh sát dõi theo anh. Anh nhử cho nó đi theo mình rồi đột nhiên đổi tốc độ bỏ rơi nó ở một đầu hẻm và từ đó, phóng nhanh về đây.

— Sao rồi?

— Ẽm rồi!

— Đánh được chứ?

— Được. Trao hàng cho tôi...

— Cần thận nghe!

Ba Hoàng đã lấy khối thuốc nổ, băng qua đường, mất hút trong ngôi nhà. Mười phút sau, anh trở ra. Ba Tung đã chờ sẵn và chiếc xe gắn máy lao đi. Họ vượt qua cư xá Chi Lăng chừng được ba trăm mét thì cả hai anh và cả chiếc xe bị một sức mạnh khủng khiếp ném bổng lên rồi quật xuống. Sau đó là một tiếng nổ long trời, chuyền đất, một tiếng nổ mà ngay cả Ba Tung và Ba Hoàng — những chiến sĩ đã từng rất quen với những tiếng nổ — cũng chưa từng nghe thấy. Họ được khiêng ra đặt trên hè phố và được coi là những nạn nhân của vụ nổ. Lúc đã đứng lên được họ thấy một cảnh tượng hoàn toàn khác lạ: toàn bộ tầng ba và tầng hai của cư xá đã bị thổi bay đầu không rõ. Tầng một đã bị phá sập tới 60%. Xe hồng thập tự, xe cứu hỏa rú còi thất thanh nối tiếp chạy ra, chạy vào. Cảnh sát đã chiến (10), lính « Em Pi » (11) bủa vây quanh khu vực cư xá và cho mãi đến trưa, người ta vẫn còn chưa đưa đi hết những người bị thương và những xác chết của sĩ quan Mỹ và chuyên viên cao cấp Mỹ. Khi công việc đã tạm ổn, người ta nghĩ đến hai thanh niên bị sức ép quật ngã và đi tìm họ. Nhưng họ đã biến mất trong lúc hỗn loạn và trên một trong hai chiếc cồng đã được dùng để khiêng họ, người ta tìm thấy một bản án kí tên Đội cận vệ thanh niên thành phố Sài Gòn. Bản án tuyên bố là để trừng trị những tên sĩ quan Mỹ và chuyên viên cao cấp Mỹ ở sân bay Tân Sơn Nhất đã gây biết bao tội ác đối với nhân dân Việt Nam, Ban chỉ huy Đội thanh niên cận vệ đã ra lệnh cho nổ cư xá Chi Lăng. Ngay ngày hôm sau, báo chí Sài Gòn loan tin về vụ nổ này cho biết cư xá Chi Lăng đã « hầu như bị san bằng » và có « ít nhất 50 sĩ quan cấp tá và chuyên viên cao cấp Mỹ » « bỏ mạng », chưa kể những tên bị thương.

Thế rồi, viên trung tá Mỹ gặp « may mắn » bữa hôm ấy đã ra đứng trước tòa án binh để trả lời những câu hỏi của các thẩm phán (12) về câu chuyện cô gái Việt, niềm « kiêu

hãnh » trong chốc lát của hắn ta. Một câu hỏi cứ xoay mãi vào hắn :

— Cô ta có mang theo gì khi vào cư xá không?

Trả lời câu hỏi này của tòa án, không phải chỉ riêng Đốc-bai đã hơn một lần đáp « hoàn toàn không » mà mọi nhân chứng (13) đều khai rằng: ngay cả một chiếc xác nhỏ cô ta cũng không mang theo. Cô ta đi vào cư xá, hai tay không mang gì hết.

Tòa lại vặn luôn anh ta, mặc dầu rất yếu ớt.

— Vậy mà cư xá đã bị nổ tung lúc năm giờ ba mươi phút sáng hôm sau, nghĩa là chưa đầy 12 tiếng đồng hồ kể từ khi cô ta vào cư xá!

Đốc-bai cũng cố gương chống chọi (14) luôn:

— Nếu đại tá Đa-vít không chết trong vụ nổ, nếu bốn mươi người khác nữa không chết trong vụ nổ, thì họ sẽ trả lời các ông rằng nghi cho cô ta là một tội lỗi. Tại sao không nghĩ rằng đây là một trận pháo kích (15) của cộng sản?

Tuy nhiên, cả Đốc-bai, cả những tên Mỹ sống sót sau vụ nổ, cả những thẩm phán của tòa án quân sự và cơ quan mật vụ (16) đều không thể lí giải nổi vai trò của cô gái trong câu chuyện động trời này.

Những tài liệu của ban tham mưu Đội cận vệ thanh niên Sài Gòn cho hay rằng kế hoạch đánh cư xá Chi Lăng đã được triển khai từ hai tháng trước đó, và sơ đồ vùng ngoại vi (17) cư xá đã nhiều lần được đem ra khảo sát (18), phân tích, nhưng chưa một phương án (19) nào được chính thức xét duyệt, bởi lẽ phía ta vẫn chưa nắm được tình hình ở bên trong cư xá khổng lồ này: bọn sĩ quan cấp tá ở tầng nào và trên tầng đó thì những buồng nào là buồng của bọn đầu sỏ, bọn chuyên viên kĩ thuật ở tầng nào, nơi nào dành cho người phục vụ và bọn lính gác...

Phải biết được tất cả những chi tiết đó thì trận đánh mới đạt được hiệu quả cao nhất làm tê liệt sân bay Tân Sơn Nhất mà vẫn tránh được việc gây thương vong (20) cho những

người làm công. Đã rõ ràng là phải đột nhập vào cư xá, trước khi đi đến một quyết định dứt khoát. Đột nhập vào cư xá đó đặt một khối thuốc nổ — đối với các chiến sĩ biệt động⁽²¹⁾ — không phải là một việc khó. Nhưng, đột nhập vào và dạo chơi khắp các tầng, ngó vào khắp các gian phòng, không phải là việc dễ dàng gì.

Cô gái mặc mi-ni giuýp⁽²²⁾ đỡ nhận nhiệm vụ này ra đi trên một chiếc xe hơi lịch sự do một đồng chí của cô lái và đã gặp Đốc-bai, được Đốc-bai dẫn vào cư xá Chi Lăng, như chúng ta đã biết. Trong vai một tiểu thư đài các⁽²³⁾ và xinh đẹp, cô đã được bọn sĩ quan Mĩ ở cư xá này đón tiếp như một vị khách quý được dẫn đi thăm các tầng, các phòng. Không một ai quan tâm đến việc cô dừng lại khá lâu ở một khung cửa sổ tầng hai của cư xá. Từ đây, có thể nhìn sang tầng ba của một khu nhà đang xây dở của một tên tư sản, xây dựng với ý định cho người Mĩ thuê.

Nửa giờ sau, bản sơ đồ khu vực phía trong cư xá đã được đặt trên bàn một ngôi nhà ở đường Nguyễn Minh Chiêu và ban chỉ huy Đội cận vệ thanh niên, căn cứ vào báo cáo và đề nghị của Tư Hoành, người nữ chiến sĩ biệt động xinh đẹp và gan dạ này, đã quyết định cho nổ cư xá Chi Lăng vào lúc 5 giờ 30 phút sáng, như chúng ta đều biết. Ba Tung và Ba Hoàng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này.

Một buổi chiều tháng 5, hai tháng sau vụ nổ cư xá Chi Lăng, Đốc-bai tình cờ gặp lại cô gái mà y đã đưa về cư xá chiều hôm trước khi xảy ra tấn bi kịch ấy của đời hắn. Hắn đang từ một « xơ-nách-ba »⁽²⁴⁾ bước ra thì chợt thấy cô ở bên kia lề đường. Duyên dáng trong chiếc áo thun⁽²⁵⁾ trắng và chiếc mi-ni giuýp đỏ, cô đi bước như người nhàn rỗi nhất trên đời giữa những dòng người và xe cộ. Đốc-bai vọt sang đường sau khi nấn túi áo trong để yên trí rằng khẩu súng ngắn mà mọi sĩ quan Mĩ đều mang theo khi rong chơi trên đường phố Sài Gòn—vẫn nằm yên tại chỗ.

Hắn cúi đầu rất thấp :

— Cô không quên tôi chứ, thưa cô kính mến !

Cô gái chớp mắt nhìn hắn :

— A ! Ngài trung tá Đốc-bai... làm sao mà tôi có thể quên được !

— Tôi cũng vậy. Ai mà có thể quên được một vụ nổ đã làm chết năm chục sĩ quan cấp tá...

Cô gái cười :

— Ít thế sao, thưa ngài ? Tôi tưởng phải là một trăm kia đấy !

Đốc-bai rít răng lại :

— Đi theo tao, con Vi-xi⁽²⁶⁾ đang nguyên rứa ! Rồi mày sẽ được biết người Mĩ trả thù như thế nào !

— Rất vui lòng. Nhưng ngài định mời tôi đến đâu đây ? Không phải là đến cư xá mới của ngài chứ, ngài Đốc-bai ?

— Đến nơi mà mày sẽ phải trả lời những câu hỏi. Ví dụ : mày đã làm nổ cư xá Chi Lăng như thế nào ?

— Đơn giản thôi. Nhân tiện, tôi muốn bàn với ngài trước về những câu trả lời của tôi. Chẳng hạn : tôi đã cho nổ cư xá Chi Lăng với sự giúp đỡ của trung tá Đốc-bai. Bằng cái gì ư ? Bằng 20 ki C.4 đựng trong một cái làn mà ngài trung tá đã mang giúp tôi, còn tôi thì vào cư xá với hai bàn tay không, như mọi người đều biết. Ngài không phản đối những câu trả lời như thế chứ ? Chắc rằng các vị thẩm phán ở tòa án binh cũng sẽ rất hài lòng về những câu trả lời đó của tôi.

Đốc-bai đưa tay nắm khẩu súng. Mặt hắn bỗng dài ra, bệch ra như một cây nến. Hắn đứng sững tại chỗ, nhìn theo cô gái. Rõ ràng là con Vi-xi này sẽ trả lời như thế và hắn—Đốc-bai—sẽ chẳng lợi lộc gì trong vụ này. Thà cứ coi như không gặp lại nó. Chao ôi ! Đàn bà con gái ở cái xứ này mới đáng sợ làm sao !

QUÝ THANH

Kể theo kỉ sự của Hồng Dương
(« Đội quân ngầm »—Tiền Phong 1978)

A. Chú giải

1. Xe « gip » : một kiểu xe quân sự của sĩ quan Mĩ thường dùng.
2. Cư xá : khu nhà ở.
3. Chuyển viên : đây chỉ bọn sĩ quan kĩ thuật không

quân của Mĩ. 4. *Chết giấc*: ngất đi (đây ý nói: ngất ngất đến lạng đi). 5. *Đội cận vệ thanh niên Sài Gòn*: đội vũ trang bí mật của tổ chức thanh niên ở thành phố Sài Gòn thời kì tạm bị chiếm đóng có nhiệm vụ hoạt động chống Mĩ-Ngụy, bảo vệ cách mạng. 6. *Giới nghiêm*: thí hành quân luật (luật lệ quân sự) tại một khu vực khi tình thế nghiêm trọng. 7. *Cảnh giới*: quan sát, theo dõi tình hình bên ngoài hoặc xung quanh để bảo đảm an toàn cho người bên trong hoàn thành một công việc đặc biệt. 8. *Máy điều hòa nhiệt độ*: máy làm cho nhiệt độ trong phòng êm dịu và không thay đổi. 9. *Xe gắn máy*: kiểu xe giống xe đạp nhưng chạy bằng động cơ nổ. 10. *Cảnh sát dã chiến*: cảnh sát chuyên làm nhiệm vụ chiến đấu. 11. *Lính « Em Pi »*: lính quân cảnh, tức cảnh sát quân sự của Mĩ (cách gọi tắt bằng hai chữ cái đầu « M.P. » của tiếng Anh: « Military police »). 12. *Thẩm phán*: (quan tòa): viên chức chủ trì việc xét xử trong phiên tòa. 13. *Nhân chứng*: người làm chứng. 14. *Chống chế*: dùng lí lẽ để cãi lại lời thất huộc của người khác đối với mình. 15. *Pháo kích*: đánh bằng súng cỡ lớn (trọng pháo). 16. *Mặt vụ*: cơ quan do thám của Mĩ — Ngụy. 17. *Ngoại vi*: khu vực xung quanh phía ngoài. 18. *Khảo sát*: xem xét cẩn thận. 19. *Phương án*: phương hướng kế hoạch giải quyết một công việc. 20. *Thương vong*: bị thương và chết. 21. *Biệt động*: bộ đội đặc biệt hoạt động bí mật ở vùng địch tạm chiếm đóng để chống địch. 22. *Mĩ-ni giup*: một kiểu váy ngắn (của phụ nữ). 23. *Đài các*: nói về bộn bề của kẻ giàu sang quyền quý. 24. *Xơ-nách-ba*: quán ăn nhỏ (phiên âm tiếng Anh: « Snack-bar »). 25. *Thun*: một loại cá đẹp có hình đàn hồi (có gân). 26. *Ví-xi*: cách gọi của bọn Mĩ đối với các chiến sĩ của ta (đang hai chữ cái đầu của từ « Việt Cộng »: « V.C » đọc theo âm tiếng Anh).

B/ Ý nghĩa:

Một trong những tội ác vô nhân đạo nhất của giặc Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là chúng đã dùng máy bay, bom đạn để tàn phá đất nước ta, ngạo mạn tuyên bố đưa nước ta trở về thời kì đồ đá, đồng thời tàn sát hàng vạn nhân dân ta từ nam chí bắc.

Phải kiên quyết chặn bàn tay tội ác của chúng lại bằng những đòn trừng phạt đích đáng ở ngay hang ổ của bọn giặc trực tiếp đi gây tội ác. Đó là ý đồ của Ban chỉ huy *Đội cận vệ thanh niên* thành phố Sài Gòn về trận đánh tâm nổ tung cư xá Chí Lăng khổng lồ, khu nhà ba tầng dành riêng cho hàng trăm sĩ quan cấp tá và chuyên viên cao cấp Mĩ làm việc ở sân bay Tân Sơn Nhất hằng ngày về ở.

Trận đánh này đã được một tổ ba chiến sĩ cận vệ thanh niên — Tư Hoành, Ba Tung và Ba Hoàng — hoàn thành xuất sắc. Trong đó nổi bật lên vai trò của Tư Hoành, người nữ chiến sĩ biệt động xinh đẹp đã dùng mưu trí công khai đột nhập vào tận hang ổ của giặc để lập cho

được bản sơ đồ chính xác, đầy đủ về khu vực bên trong cư xá, làm cơ sở cho phương án tác chiến của tổ.

Câu chuyện « Hai lần gặp gỡ » trên đây được kể lại dựa theo thiên kì sự dài « *Đội quân ngầm* » của nhà văn Hồng Dương, đã cho chúng ta thấy rõ: « Hai lần gặp gỡ » viên trung tá Mĩ Đốc-bai trước và sau trận đánh sấm sét đó là hai lần bộc lộ khá đầy đủ bản lĩnh tuyệt vời của cô gái trẻ Việt Nam yêu nước, thông minh và gan dạ này, khiến cho tên giặc cáo già Mĩ đó phải hoảng sợ và hoàn toàn bất lực.

25. ÔNG CHỦ CỦA HÀNG BÁNH KEO

Tại vùng Tơ-lan-păng có một cửa hàng bánh kẹo nổi tiếng do bác thợ Phơ-lip làm chủ. Không ai biết cửa hàng bánh kẹo này có từ bao giờ, nhưng người ta biết rằng bác Phơ-lip đã nối tiếp nghề nghiệp của cha ông từ ba đời nay, và được nhân dân trong vùng quý mến.

Món hàng nổi tiếng được mọi người ưa chuộng nhất là món kẹo hạnh nhân ⁽¹⁾ trộn lẫn với bột các loại ớt có tiếng của xứ Mê-hi-eo ⁽²⁾.

Kẹo có đặc điểm là khi cho vào miệng nó vừa ngọt vừa thơm, lại thêm chất đắng của hạnh nhân và chất cay của ớt làm cho người ăn cảm thấy say sưa ấm áp dễ chịu, nhất là ban đêm khi trời trở lạnh.

Kể từ ngày quân xâm lược Mĩ chiếm đóng vùng Tơ-lan-păng, cửa hàng của bác có thêm nhiều khách hàng mới. Hằng ngày lúc nào cũng có những gã Y-ăng-ki (lính Mĩ) đội mũ sắt mặc quân phục đến mua kẹo.

Bọn khách hàng mới này có thái độ rất hung dữ đối với dân chúng địa phương, nhưng lại tỏ ra rất biết điều đối với bác. Nhiều khi bác hết hàng, bác không thêm bán nữa, nhưng lũ Y-ăng-ki không ngại gõ cửa năn nỉ bác bán cho một vài viên kẹo hoặc đặt tiền để sáng hôm sau lấy hàng sớm.

Tất cả bọn lính Mĩ đóng tại đây đều biết mặt bác. Bọn

chúng đều mỉm cười chào khi bác đi qua các đồn canh, và luôn luôn thỏa mãn các yêu cầu của Phơ-lip mỗi khi bác nhờ chúng giúp cho việc gì. Tuy nhiên, bác vẫn chẳng tra gì bọn lính xâm lược này.

Một hôm, trời đã khuya, cửa hàng đã đóng chặt cửa. Bác đang chuẩn bị làm mẻ kẹo ngày hôm sau. Chợt có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ : cốc... cốc...

Phơ-lip rón rén bước nhẹ ra phía cửa, khẽ nâng tấm cửa sổ nhìn ra ngoài.

Ánh sáng từ trong nhà hắt lóe ra bên ngoài. Một người lạ mặt giơ ngón tay trở lên ngang miệng khẽ xuyt một tiếng rồi nói :

— Anh Phơ-lip có nhận ra tôi không ?

Phơ-lip nheo mắt nhìn ra ngoài thấy một người lạ mặt mặc bộ quân phục Mê-hi-cô. Sau một phút ngỡ ngàng, Phơ-lip nói nhỏ :

— A ! Anh Ma-xi-mi-nô đấy phải không ?

— Phải. Nói khẽ chứ !

— Mời anh vào trong này.

Cánh cửa mở hé ra, Ma-xi-mi-nô bước vào. Anh là một thanh niên còn trẻ, dáng người mảnh khảnh, gầy ốm, nhưng đôi mắt của anh thật tinh anh và cương nghị.

Phơ-lip hỏi nhỏ :

— Đêm hôm tối tăm, anh đến đây chắc có việc gì ?

Ma-xi-mi-nô đảo mắt nhìn xung quanh rồi trả lời :

— Quân ta bị vây ở Pa-đi-éc-na. Tôi cố gắng lắm mới thoát được đến đây và đang tìm cách liên lạc với bộ tư lệnh tối cao tại Chu-nu-bu-xcô.

Phơ-lip lắc đầu nói :

— Khó lắm ! Từ đây đến đó quân Mĩ canh gác rất nghiêm ngặt.

— Biết vậy nhưng chúng tôi không thể làm gì hơn, chúng

tôi gần hết đạn dược và lương thực. Nếu không có tiếp viện, quân ta lâm nguy mất.

Phơ-lip rót một cốc rượu xương rồng ⁽³⁾ mời Ma-xi-mi-nô rồi hỏi :

— Anh đến đây một mình hay còn đi với ai ?

— Tôi đi với anh em gồm một tiểu đội, còn đang nấp ở ngoài.

— Sao anh không bảo anh em vào trong nhà, ở ngoài nguy hiểm lắm !

— Anh không phải lo, mọi người đã phân tán mỏng, núp quanh đây rồi. Tôi muốn hỏi anh có con đường nào trong vùng này không có quân Mĩ canh gác không ?

Phơ-lip lắc đầu nói :

— Không, tất cả mọi con đường đều bị canh gác nghiêm ngặt.

Ma-xi-mi-nô thất vọng thở dài im lặng. Một lát sau, anh nói :

— Nếu vậy thì đành phải liều chứ biết làm sao ?

Phơ-lip ngạc nhiên hỏi lại :

— Liều làm sao ?

— Tấn công bất thần vào ban ngày. Chúng tôi mỗi người còn ba mươi viên đạn, nếu ra tay bất thần thế nào cũng có người thoát được về tới bộ tư lệnh — Ma-xi-mi-nô nói bằng giọng cương quyết nhưng vẫn đượm vẻ không vui.

Kế hoạch đó không thực hiện được đâu. Bọn chúng đông lắm, lại thêm có nhiều vật chướng ngại trên đường, làm sao chạy thoát được !

Ma-xi-mi-nô lắc đầu nói :

— Tôi biết là nguy hiểm, nhưng bằng bất cứ giá nào phải thực hiện kì được. Tôi nghĩ nếu ta bất thần tấn công ban ngày, chúng ta sẽ có một phần mười hi vọng thoát nạn.

Phơ-lip bồng giơ tay làm yên lòng Ma-xi-mi-nô.

— Thong thả đã ! Tôi chợt vừa nghĩ ra kế này chẳng biết có thành công hay không, nhưng cứ thử thực hiện xem sao !

Đôi mắt Ma-xi-mi-nô sáng lên. Anh nhảy chồm lại ôm lấy hai vai Phơ-lip nói :

— Kế hoạch ra sao, nói mau tôi nghe xem !

Phơ-lip ghé miệng vào tai Ma-xi-mi-nô nói thì thầm nhỏ nhỏ. Chẳng biết bác ta nói gì, nhưng Ma-xi-mi-nô luôn luôn gật đầu tỏ vẻ đồng ý.

Một lát sau, Ma-xi-mi-nô lén vào bóng tối hút thuốc. Còn lại một mình Phơ-lip bắt đầu sửa soạn công việc ngày mai.

Sáng hôm sau, từng toán lính Mĩ đến cửa hàng mua kẹo. Mặc dầu kẹo đã làm xong nhưng Phơ-lip chưa bán vội, Bác bắt chúng phải chờ đợi để làm cho chúng càng háo hức vì thêm khát.

Phơ-lip xua tay nói :

— Chưa có kẹo, chịu khó chờ một lát nữa !

Một tên lính sốt ruột hỏi :

— Chừng mấy giờ thì có ?

— 10 giờ !

— Ô-ké (4) ! 10 giờ.

Đúng 10 giờ cửa hàng của bác Phơ-lip đã đông nghịt. Bọn lính Mĩ xếp thành một hàng thật dài. Tên nào tên nấy có vẻ bồn chồn sốt ruột, muốn mua kẹo cho mau để còn làm việc khác. Nhiều tên đến phiên gác không chờ đợi được, đưa tiền nhờ bạn mua hộ rồi chạy vội về đồn.

Phơ-lip bưng một giỏ đầy kẹo, phát cho từng đứa, luôn miệng xin lỗi về sự chậm trễ bất đắc dĩ. Bác cho bọn lính biết vì phải chờ mua một thứ vật liệu thượng hảo hạng (5) để làm kẹo nên hôm nay mới bị chậm trễ.

Khi tên lính Mĩ cuối cùng rời khỏi cửa hàng, Phơ-lip hạ cánh cửa sổ xuống, kín đáo nhìn về phía đồn lính để theo dõi tình hình.

Chưa đầy nửa giờ trôi qua, Phơ-lip thấy phía đồn lính có những diễn biến khác lạ. Nhiều tên lính bắt đầu ôm bụng rên la thảm thiết ; nhiều tên không chịu được nỗi đau đớn giày vò, quăng súng ra nằm lăn lộn dưới đất.

Cơ hội tốt đã đến. Phơ-lip khẽ huýt sáo ra hiệu, từ phía sau, mười hai binh sĩ quân đội Mê-hi-cô lao mình băng qua đồn lính Mĩ.

Từ cửa hàng đến đồn lính Mĩ có một khoảng cách độ một trăm mét. Mười hai binh sĩ Mê-hi-cô chạy ào ào như một cơn gió lốc. Súng đã được lên đạn, sẵn sàng nhắm đạn vào đồn nếu có chuyện bất trắc.

Đột nhiên, có ba tên Mĩ từ trong đồn chạy ra, bắn xối xả vào mười hai chiến sĩ. Có lẽ ba tên này không bị ngộ độc bởi các viên kẹo. Nhưng chỉ mới bắn được vài phát, chúng đã ngã gục dưới làn đạn của các chiến sĩ Mê-hi-cô.

Nghe thấy tiếng súng nổ, bọn lính Mĩ đang lăn lộn dưới đất cũng gắng gượng cầm vũ khí chạy đến các hạm ẩu nấp nổ súng chống trả. Nhưng các chiến sĩ quân đội Mê-hi-cô đã chạy thoát an toàn.

Một giờ sau tình hình yên tĩnh trở lại. Bọn lính bị ngộ độc cũng được chữa khỏi. Phơ-lip không hổ thẹn, trái lại bác bình tĩnh chờ đợi các phản ứng của bọn Mĩ.

Một lát sau có tiếng gõ cửa. Một tên sĩ quan dẫn một toán lính mang súng găm lưỡi lê tiến vào cửa hàng. Chúng mang theo một người dân địa phương làm phiên dịch.

Tên sĩ quan đập mạnh tay xuống bàn, dằn giọng hỏi Phơ-lip :

— Tại sao anh dám đầu độc các binh sĩ trong đồn ?

Phơ-lip làm ra vẻ ngạc nhiên hỏi lại tên sĩ quan :

— Thưa ngài, ngài nói sao, tôi chẳng hiểu gì cả ?

Tên sĩ quan tức quá, mặt hằn đỏ bừng, hai tay hằn nắm lại như muốn đập vào mặt Phơ-lip.

Giây lát sau, hắn cố trấn tĩnh gằn giọng hỏi :

— Anh đóng kịch khá lắm! Chúng tôi đã dành cho anh nhiều tru đãi, tại sao anh dám phản lại chúng tôi?

Phơ-lip lắc đầu quả quyết:

— Xin ngài bớt giận, chúng tôi không bao giờ có ý nghĩ xấu xa đó.

Tên sĩ quan cười nhạt, lấy trong túi ra hai viên kẹo hỏi:

— Nếu anh không cố ý đầu độc, tại sao các binh sĩ ăn kẹo của anh đều bị ngộ độc (6)?

Phơ-lip mỉm cười đáp:

— A! Tôi hiểu rồi. Các ngài đã nghi oan cho tôi. Khổ thân tôi, vì muốn đền đáp lại sự chiếu cố đầy nhiệt tình của các ngài đối với cửa hàng của chúng tôi, nên chúng tôi mới mua được thứ bột ột cực hảo hạng để làm kẹo cho các ngài dùng. Các ngài đã không khen thì chờ lại ngờ oan cho chúng tôi.

Tên sĩ quan hơi ngỡ ngàng hỏi lại:

— Nếu anh cứ khẳng khái chối là không có đầu độc, vậy anh hãy nuốt những viên kẹo này đi!

— Rất sẵn sàng!

Nói xong, Phơ-lip cầm viên kẹo bỏ vào mồm. Viên kẹo vừa trôi qua khỏi cổ, Phơ-lip cảm thấy từ cuống họng xuống đến dạ dày một luồng khí nóng thiêu đốt chẳng khác gì người nuốt phải một cục vôi sống. Trong chốc lát luồng khí nóng cào xé ruột gan, bốc lên làm cho đôi mắt của bác mờ đi. Tuy nhiên, Phơ-lip vẫn đứng thẳng người chứ không lăn lộn như bọn lính Mĩ, vì thường ngày bác có lệ uống một cốc nước ột và nếm các quả ột trước khi mua về làm kẹo bánh.

Tên sĩ quan chăm chú theo dõi các phản ứng ở Phơ-lip. Biết rằng trong lúc này chỉ một chút sơ xuất có thể mất mạng nên Phơ-lip cố làm ra vẻ tự nhiên. Nuốt xong viên thứ nhất, Phơ-lip thân nhiên cầm viên kẹo thứ hai bỏ vào miệng. Lần này sức nóng tăng lên gấp bội. Bác thấy đôi chân muốn khuỵu xuống. Bác cố làm vẻ thân nhiên cúi xuống lấy chiếc ghế mời tên sĩ quan ngồi để che giấu những nét sợ hãi của mình.

Khí nóng của viên kẹo làm cho Phơ-lip đau đớn, hai chân bắt đầu run rẩy. Hai tai ù lên như nghe tiếng máy bay phản lực bay qua. Nước bọt ứa ra làm cho buồn nôn. Nhưng Phơ-lip cố gắng trấn áp các cơn đau. Bác nghĩ rằng khó có thể chịu đựng được lâu thêm nữa. Tuy nhiên, bác vẫn cố gắng làm ra vẻ tự nhiên. Bác mỉm cười giả bộ:

— Chà, kẹo ngon thật! Nếu ngài còn xin đưa cho tôi ăn nốt để chứng tỏ lòng thành thực của tôi.

Tên sĩ quan trầm ngâm không nói. Hắn ra hiệu cho bọn lính ra về. Một hần lăm lăm không hiểu vì bức mình hay vì đã nghi oan cho Phơ-lip.

Chờ cho tên sĩ quan đi khỏi, Phơ-lip chạy vội vào trong nhà tu luôn một chai nước để giảm bớt chất nóng đang cào xé ruột gan. Ngay lúc đó, bác không còn gượng được nữa. Bác té nhào xuống đất bất tỉnh.

May mắn thay, không có ai lui tới cửa hàng cả. Nhờ đó điều bí mật hoàn toàn được giữ gìn cho đến ngày Mê-hi-cô giành lại được độc lập.

(Theo «Truyện cổ Mê Tây Cô» — Đỗ Quân — 1973)

A/ Chú giải:

1. Hạnh nhân: nhân của quả hạnh đào, dùng để ăn, làm bánh kẹo, hay làm thuốc. 2. Mê-hi-cô: (cách phiên âm cũ: Mê Tây Cô) tên một nước ở Bắc Mĩ, phía bắc giáp Hoa Kì (ta thường gọi là Mĩ), phía nam giáp các nước Trung Mĩ). 3. Xương rồng: loài cây nhỏ có thân mọng nước và có mủ, lá biến thành gai nhọn, thường được trồng làm hàng rào. 4. Ô-kê: (O.K. tiếng lòng Anh) Được! Tốt! 5. Thượng hảo hạng: hạng tốt nhất. 6. Ngộ độc: bị trúng độc. 7. Đầu độc: bỏ thuốc độc vào đồ ăn thức uống để giết người. 8. Cực hảo hạng: hạng rất tốt, cực tốt.

B/ Ý nghĩa:

Truyện ca ngợi lòng yêu nước, trí thông minh, tác phong tháo vát và tinh thần chịu đựng cực kì gan dạ trước một tình huống thử thách bất ngờ và quyết liệt trong cuộc đấu tranh trực diện một mất một còn với bọn xâm lược Mĩ của một bác chủ cửa hàng bánh kẹo bình thường, tiêu biểu cho người dân yêu nước Mê-hi-cô.

26. HỌC KHÔN

Ngày xưa, có một anh chàng tên là Đần lấy được một chị vợ tên là Khôn. Cả đời một chữ cần làm đôi không biết, anh ta lại chẳng chịu tho đầu đi tới đâu, chỉ ru rú ở xó nhà để vợ sai bảo làm lụng từ việc nhỏ tới việc lớn, nên đã dần lại càng dần thêm. Cái nghề đời, chồng « đần », vợ « khôn », việc nhà việc cửa đụng đến cái gì cũng dễ sinh đôi co ⁽¹⁾, cãi vã cả ngày. Chị vợ thì luôn mồm chê bai chồng : « Ồi trời ơi ! Đần ơi là đần ! » hoặc « Ồi trời ơi ! Đần đầu mà có cái thứ dần đến thế là cùng ! » Anh chồng thoát đầu biết thân biết phận cứ thộn mặt ra ⁽²⁾ cho vợ nhiếc đánh như giả cảm giả điếc. Nhưng về sau, chẳng hiểu có anh hàng xóm láng giềng nào mớm nhời cho, thế là đôi lúc tức khí lên anh ta cũng gân cổ cãi lại vợ :

— Này này, bu nó có « khôn ngoan cũng chỉ là cái ngữ ⁽³⁾ dần bà », còn tôi « dần rằng... dần độn cũng là cái thằng dần ông » !

Thấy anh chồng dần đi học một đầu được một câu cũng ra chữ ra nghĩa để xỏn xẹo cái li với mình, có lần chị vợ chỉ cười bảo với chồng :

— Phải rồi, bố nó muốn ra « cái thằng dần ông » thì cứ đi mà học khôn học ngoan người ta đi cho bằng « cái ngữ dần bà » như tôi dạy này cho tôi đỡ nặng mình nặng mảy, kéo thiên hạ người ta lại nhiếc : « Làm đây tớ người khôn còn hơn làm thầy thằng ngu » !...

Anh chồng liền thộn mặt ra hỏi vợ :

— Thế học khôn ở đâu hả bu nó ?

Chị vợ tặc lưỡi :

— Đần ơi là đần ! « Đi một ngày đàng, học một sàng khôn », cổ nhân đã dạy thế, chứ còn học ở đâu nữa !

Anh chồng lại thộn ra :

— Thế làm thế nào để « đi một ngày đàng » mà « học được một sàng khôn » hả bu nó ?

Chị vợ bật cười :

— Trời ơi ! dần đầu mà có cái thứ dần đến thế là cùng ! Rồi chị ta làm bộ khôn ngoan giảng giải một thời một hội cho anh chồng !

— Thế này này ! Đi ra đường, muốn học khôn học ngoan người ta thì trông thấy mọi người phải tay bắt mặt mừng, tươi cười hơn hờ, chào người này một câu, chào người nọ một câu, chúc người này gặp nhiều may mắn, chúc người kia gặp sự tốt lành để làm quen làm biết với người ta, « dao năng liếc thì sắc, người năng chào thì quen », có thể mới học khôn học ngoan người ta được chứ !... Cứ như bố nó cả đời chả đi tới đâu, mà có gặp ai cũng cứ lì lì cái mặt ra như pho tượng đất ấy thì ai người ta thiết sầu thiết đón trò chuyện với mình mà học khôn với học ngoan !

Nghe vợ giảng giải như sáng hẳn mắt ra, anh chồng bỗng háng hái bảo vợ :

— Nếu vậy, gà gáy canh ba sáng mai, bu nó dậy chuẩn bị cơm nắm, muối rang cho tôi lên đàng đi học khôn một chuyến xem sao.

Sáng tinh mơ hôm sau, anh chồng cơm đùm cơm nắm lên đàng thật. Nhớ lời vợ dặn, gặp ai anh ta cũng xấn lại nắm tay bá vai, miệng cười toe toét và luôn mồm chúc hết « điều may mắn » lại đến « sự tốt lành ». Mọi người thoát đầu trở mặt ra nhìn (vì chưa bao giờ thấy anh chàng « kì cục » như vậy), sau cho rằng anh chàng Đần này dâm ra « đỡ hơi », nên ai cũng vội vã gạt anh ta ra mà lui đi cho được việc. Thế là suốt dọc đường chẳng một ai rồi hơi đứng lại bắt chuyện với anh ta cả.

Gần trưa, bỗng gặp một đoàn người đông nghìn nghịt đang đi tới, lại có cả tiếng kèn trống trống om xòm cả một khúc đường. Anh chàng mừng thầm, chắc là có cơ hội để « học khôn » được ở cái đám đông này. Nhớ lời vợ dặn, anh ta lại cười toe toét và luôn miệng chúc mừng lia lịa. Mọi người đều trợn mắt trợn mũi nhìn anh ta rồi đoàn người cứ lẳng lẳng kéo đi. Đến khoảng khúc giữa, anh ta chợt thấy có đám người đi sau một cái kiệu lớn sáu người khiêng.

Đám người này người nào tay cũng chông gậy, đi hơi khom lưng, lại mặc toàn đồ xô gai trắng toát trông rất lạ, một vài người thỉnh thoảng lại sụt sịt như bị sổ mũi hắt hơi. Đoàn chúng đây mới là những người có thể dạy « khôn » cho anh ta được, anh chàng bèn chạy ngay lại túm lấy tay từng người làm ra vẻ tay bắt mặt mừng và hơn hờ nói với họ : « A ha ! Xin chúc mừng các bác gặp điều may mắn ! », « Chúc mừng các bác gặp được sự tốt lành ! », « Chúc mừng... », chưa kịp chúc hết câu thứ ba, anh ta liền bị luôn đám người ấy nổi sung lên tiện tay vung gậy phang luôn cho một chập tối tăm mặt mũi : « Đồ xô lá ba que ! Đồ xô lá ba que ! (4)... Đập chết nó đi ! .. Đem chôn sống nó đi !... » Tiếng thét rầm rầm, tiếng gậy đập huỳnh huých... Anh chàng Đản kinh hoàng quá vì bị đòn đau quá bất ngờ, phải cố hết sức mới choài được người luôn xuống dưới gầm kiệu để lủi sang phía bên kia và ù té bỏ chạy bán sống bán chết.

Thoát chết về đến nhà, chưa kịp kể lại hết đầu đuôi câu chuyện, anh chàng lại bị vợ nhiech luôn cho một chập :

— Ối trời ơi ! Đản ơi là đản ! Người ta đang có tang có ma chết cha chết mẹ, đã không chia buồn với người ta được một lời một tiếng thì chớ, lại « xô lá ba que » đi chúc mừng cả nhà người ta gặp « may mắn... tốt lành », có bằng dao mổ đào mả cả họ người ta lên không ? Trời ơi ! Đản ơi là đản ! Sao người ta không chôn sống luôn bố nó đi cho hết tiết cái thứ đản đến thế là cùng !

Anh Đản tức quá liền thộn mặt ra hỏi vợ :

— Thế thì bu nó bảo tôi phải chia buồn chia vui với người ta ra sao ? Sao bu nó không dẫn tôi trước ?

Chị vợ nguyệt dài rồi lại ngồi giảng giải một thời một hồi cho anh chồng đản :

— Thế này này, đản ơi là đản ! Đi đường gặp nhà người ta đang có đám (5) thì đừng có cười cợt toe toét cái mồm cái miệng vô duyên ra, mà phải tỏ vẻ rần rần rĩ rĩ, nếu là chỗ cùng làng cùng xóm thì chia buồn chúc cho người ta được « mồ yên mả đẹp » để hưởng hạnh phúc ở dưới « suối vàng » (6).

— Trời ơi ! đản đâu mà có cái thứ đản đến thế là cùng ! Rồi chị ta làm bộ khôn ngoan giảng giải một thời một hồi cho anh chồng !

— Thế này này ! Đi ra đường, muốn học khôn học ngoan người ta thì trông thấy mọi người phải tay bắt mặt mừng, tươi cười hơn hờ, chào người này một câu, chào người nọ một câu, chúc người này gặp nhiều may mắn, chúc người kia gặp sự tốt lành để làm quen làm biết với người ta, « dao năng liếc thì sắc, người năng chào thì quen », có thể mời học khôn học ngoan người ta được chứ !... Cứ như bố nó cả đời chả đi tới đâu, mà có gặp ai cũng cứ lì lì cái mặt ra như pho tượng đất ấy thì ai người ta thiết sẵn thiết đón trò chuyện với mình mà học khôn với học ngoan !

Nghe vợ giảng giải như sáng hẳn mắt ra, anh chồng bỗng hăng hái bảo vợ :

Nếu vậy, gà gáy canh ba sáng mai, bu nó dậy chuẩn bị cơm nắm, muối rang cho tôi lên đường đi học khôn một chuyến xem sao.

Sáng tinh mơ hôm sau, anh chồng cơm đùm cơm nắm lên đường thật. Nhớ lời vợ dặn, gặp ai anh ta cũng xấn lại nắm tay bả vai, miệng cười toe toét và luôn mồm chúc hết « điều may mắn » lại đến « sự tốt lành ». Mọi người thoát đầu trở mặt ra nhìn (vì chưa bao giờ thấy anh chàng « kì cục » như vậy), sau cho rằng anh chàng Đản này đâm ra « dở hơi », nên ai cũng vội vã gạt anh ta ra mà lủi đi cho được việc. Thế là suốt dọc đường chẳng một ai rỗi hơi đứng lại bắt chuyện với anh ta cả.

Gần trưa, bỗng gặp một đoàn người đông nghìn nghịt đang đi tới, lại có cả tiếng kèn tiếng trống om xòm cả một khúc đường. Anh chàng mừng thầm, chắc là có cơ hội để « học khôn » được ở cái đám đông này. Nhớ lời vợ dặn, anh ta lại cười toe toét và luôn miệng chúc mừng lia lịa. Mọi người đều tròn mắt tròn mũi nhìn anh ta rồi đoàn người cứ lẳng lẳng kéo đi. Đến khoảng khúc giữa, anh ta chợt thấy có đám người đi sau - một cái kiệu lớn sáu người khiêng.

Đám người này người nào tay cũng chông gậy, đi hơi khom lưng, lại mặc toàn đồ xô gai trắng toát trông rất lạ, một vài người thỉnh thoảng lại sụt sịt như bị sỗ mũi hắt hơi. Đoàn chừng đây mới là những người có thể dạy « khôn » cho anh ta được, anh chàng bèn chạy ngay lại túm lấy tay từng người làm ra vẻ tay bắt mặt mừng và hớn hờ nói với họ : « A ha ! Xin chúc mừng các bác gặp điều may mắn ! », « Chúc mừng các bác gặp được sự tốt lành ! », « Chúc mừng... », chưa kịp chúc hết câu thứ ba, anh ta liền bị luôn đám người ấy nổi sung lên tiện tay vung gậy phang luôn cho một chập tối tăm mặt mũi : « Đồ xô lá ba que ! Đồ xô lá ba que ! (4)... Đập chết nó đi ! .. Đem chôn sống nó đi !... » Tiếng thét rầm rầm, tiếng gậy đập huỳnh huých... Anh chàng Đần kinh hoàng quá vì bị đòn đau quá bất ngờ, phải cố hết sức mới choài được người luôn xuống dưới gầm kiệu để lủi sang phía bên kia và ú té bỏ chạy bán sống bán chết.

Thoát chết về đến nhà, chưa kịp kể lại hết đầu đuôi câu chuyện, anh chàng lại bị vợ nhiech luôn cho một chập :

— Ối trời ơi ! Đần ơi là đần ! Người ta đang có tang có ma chết cha chết mẹ, đã không chia buồn với người ta được một lời một tiếng thì chớ, lại « xô lá ba que » đi chúc mừng cả nhà người ta gặp « may mắn... tốt lành », có bằng đào mỗ đào mả cả họ người ta lên không ? Trời ơi ! Đần ơi là đần ! Sao người ta không chôn sống luôn bố nó đi cho hết tiết cái thứ đần đến thế là cùng !

Anh Đần tức quá liền thộn mặt ra hỏi vợ :

— Thế thì bu nó bảo tôi phải chia buồn chia vui với người ta ra sao ? Sao bu nó không dẫn tôi trước ?

Chị vợ nguyệt dài rồi lại ngồi giảng giải một thời một hồi cho anh chồng đần :

— Thế này này, đần ơi là đần ! Đi đường gặp nhà người ta đang có đám (5) thì đừng có cười cợt toé toét cái mồm cái miệng vô duyên ra, mà phải tỏ vẻ rầu rầu rĩ rĩ, nếu là chỗ cùng làng cùng xóm thì chia buồn chúc cho người ta được « mồ yên mả đẹp » để hưởng hạnh phúc ở dưới « suối vàng » (6).

đã nghe ra chưa ? Trời ơi, sao mà lại có cái thứ đần đến thế là cùng !

Anh Đần nghe vợ nói lại như sáng mắt ra, bèn hẹn vợ hôm sau quyết đi « học khôn » phen nữa.

Tình mơ hôm sau anh ta lại còm còm còm năm lên đường. Đọc đường để khỏi quên lời vợ dặn, anh ta cứ lầm bầm luôn mồm chúc hết người này « mồ yên mả đẹp », lại chúc người kia « hưởng hạnh phúc dưới « suối vàng »... Thấy thế, ai cũng lảng cho xa sợ gặp « xui quấy » (7) và cho là anh ta đã « hóa dại » nên chẳng ai thèm chấp. Nhưng trong bụng anh ta chỉ rắp tâm gặp cho được một cái « đám » nào giống cái « đám » hôm trước để có dịp tỏ rõ sự « khôn ngoan » của mình đúng như lời vợ dặn.

Xế trưa, quả nhiên trời cũng chiều lòng, anh ta lại thấy một đoàn khá đông người đang nhộn nhịp đi tới, Dẫn đầu là một đám ông già bà cả khăn là áo lượt (8) chỉnh tề, có cả một ông cụ râu dài mặc áo thụng xanh (9) đang bệ chiếc bình hương (10) khói bay nghi ngút trước ngực trông rất đạo mạo trang nghiêm. Theo sau là một đám thanh niên trai có gái có ăn mặc chải chuốt, đóm dánh, đang vừa đi vừa cười nói hớn hờ, đi đầu là một đôi nam nữ cặp kè bên nhau có vẻ bẽn lẽn, ngượng ngịu. Không bỏ lỡ cơ hội, anh chàng Đần xấn ngay lại chỗ đám thanh niên, nắm lấy tay đòi trai gái đi đầu, nhớ lời vợ dặn, anh ta làm bộ rầu rầu rĩ rĩ và chúc cho cả « hai anh chị » được « mồ yên mả đẹp » để hưởng hạnh phúc ở dưới « suối vàng ». Có con gái nghe thấy thế khiếp đảm quá, lẩn tránh ngay ra và ngắt lịm đi. Còn anh con trai mặt đang đỏ bừng bừng bỗng xám ngoét lại như không còn giọt máu, anh ta nổi cơn điên lên túm luôn lấy cổ anh chàng này mà hét lên : « Đồ quỷ sứ ! Đồ quỷ sứ ! Ông bóp chết mày ngay lập tức !... ». Thế là cả đám thanh niên xông vào, kẻ thui, người đâm, kẻ bóp cổ khiến cho anh chàng gần tắc thở. May có anh hàng xóm tốt bụng đi qua vào can xin mãi cho cái anh chàng « dở rồ dở dại » này, anh ta mới thoát chết mà chạy được về tới nhà với vợ.

Thế là qua trận đòn như từ ấy, lại đến trận mắng té tát của chị vợ.

— Trời ơi! Đần ơi là đần!... đần đầu mà có cái thứ đần đến thế là cùng!... Đám rước dâu của nhà người ta chứ đâu có phải là đám ma mà đi chúc người ta «mồ yên mả đẹp» để xuống «suối vàng» mà hưởng hạnh phúc! Sao người ta không cho bố nó xuống luôn «suối vàng» đi cho hết tiết cái thứ đần đến thế là cùng!

Anh Đần tức quá lại thộn mặt ra hỏi vợ:

— Thế thì bu nó bảo tôi phải chúc người ta như thế nào? Sao bu nó không dặn tôi trước?

Chị vợ lại nguyệt dài, rồi lại giảng giải cho anh chồng:

— Thế này này, đần ơi là đần! Đi đường mà gặp đám «cô dâu chú rể» nhộn nhịp vui vẻ như thế thì chỉ cần mau mồm mau miệng chúc vợ chồng người ta «tốt đôi», «tốt đôi!»⁽¹¹⁾ thế là người ta khoái chí nhất đời... mà kể cả những đôi vợ chồng cặp kè bên nhau được khen một câu như thế cũng thích chí phải biết... chứ cứ gì «cô dâu chú rể»!... Người ta thì thích mà mình lại được dịp làm quen với người ta thì mới khôn ngoan ra được chứ!

Anh chồng nghe vợ nói, lại như sáng mắt ra, bèn quyết đi «học khôn» một phen nữa.

Sáng hôm sau, anh chàng Đần lại lên đường. Và để cho dễ nhớ lời vợ dặn, trên đường đi gặp bất cứ ai, ông già, bà cả, hoặc thanh niên trai, gái, lớn, bé, anh ta cũng cứ luôn mồm lặp đi lặp lại độc có hai tiếng «Tốt đôi!»... «Tốt đôi!»... mặc dầu từ sáng đến trưa anh vẫn chẳng gặp được một «đôi» nào cả! Và cũng như hôm trước, chẳng ai buồn bắt chuyện với anh cho mất công mất việc mà lại bực mình.

Đi đã mỏi chân, mặt trời đã xế bóng mà vẫn chưa «tóm» được «đôi» nào cho ra «đôi» cả, anh ta đang định quay trở về, bỗng nghe thấy tiếng ồn ào ở phía xa xa trước mặt. Rảo bước tới nơi, anh thấy lửa đang bốc cháy ngùn ngụt ở một ngôi nhà to cuối làng. Tiếng trống ngũ liên⁽¹²⁾, tiếng tù và⁽¹³⁾,

đã nghe ra chưa? Trời ơi, sao mà lại có cái thứ đần đến thế là cùng!

Anh Đần nghe vợ nói lại như sáng mắt ra, bèn hẹn vợ hôm sau quyết đi «học khôn» phen nữa.

Tình mơ hôm sau anh ta lại còm còm năm lên đường. Dọc đường để khỏi quên lời vợ dặn, anh ta cứ lầm bầm luôn mồm chúc hết người này «mồ yên mả đẹp», lại chúc người kia «hưởng hạnh phúc dưới «suối vàng»... Thấy thế, ai cũng lảng cho xa sợ gặp «xui quấy»⁽¹⁴⁾ và cho là anh ta đã «hóa dại» nên chẳng ai thèm chấp. Nhưng trong bụng anh ta chỉ rấp tâm gặp cho được một cái «đám» nào giống cái «đám» hôm trước để có dịp tỏ rõ sự «khôn ngoan» của mình đúng như lời vợ dặn.

Xế trưa, quả nhiên trời cũng chiều lòng, anh ta lại thấy một đoàn khá đông người đang nhộn nhịp đi tới. Dẫn đầu là một đám ông già bà cả khăn là áo lượt⁽⁸⁾ chỉnh tề, có cả một ông cụ râu dài mặc áo thụng xanh⁽⁹⁾ đang bệ chiếc bình hương⁽¹⁰⁾ khói bay nghi ngút trước ngực trông rất đạo mạo trang nghiêm. Theo sau là một đám thanh niên trai có gái có ăn mặc chải chuốt, đóm dăng, đang vừa đi vừa cười nói hớn hờ, đi đầu là một đôi nam nữ cặp kè bên nhau có vẻ bên bên, ngượng ngịu. Không bỏ lỡ cơ hội, anh chàng Đần xắn ngay lại chỗ đám thanh niên, nắm lấy tay đôi trai gái đi đầu, nhớ lời vợ dặn, anh ta làm bộ râu rầu rĩ rĩ và chúc cho cả «hai anh chị» được «mồ yên mả đẹp» để hưởng hạnh phúc ở dưới «suối vàng». Cô con gái nghe thấy thế khiếp đảm quá, lặn đùng ngay ra và ngắt lịm đi. Còn anh con trai mặt đang đỏ bừng bừng bỗng xám ngoét lại như không còn giọt máu, anh ta nổi cơn điên lên túm luôn lấy cổ anh chàng này mà hét lên: «Đồ quỷ sứ! Đồ quỷ sứ! Ông bóp chết mày ngay lập tức!...». Thế là cả đám thanh niên xông vào, kẻ thụi, người đâm, kẻ bóp cổ khiến cho anh chàng gần tắc thở. May có anh hàng xóm tốt bụng đi qua vào can xin mãi cho cái anh chàng «dở rồ dở dại» này, anh ta mới thoát chết mà chạy được về tới nhà với vợ.

Thế là qua trận đòn như từ ấy, lại đến trận mắng té tát của chị vợ.

— Trời ơi! Đần ơi là đần!... đần đâu mà có cái thứ đần đến thế là cùng!... Đám rước dâu của nhà người ta chứ đâu có phải là đám ma mà đi chúc người ta «mồ yên mà đẹp» để xuống «suối vàng» mà hưởng hạnh phúc! Sao người ta không cho bố nó xuống luôn «suối vàng» đi cho hết tiết cái thứ đần đến thế là cùng!

Anh Đần tức quá lại thộn mặt ra hỏi vợ:

— Thế thì bu nó bảo tôi phải chúc người ta như thế nào? Sao bu nó không dặn tôi trước?

Chị vợ lại nguýt dài, rồi lại giảng giải cho anh chồng:

— Thế này này, đần ơi là đần! Đi đường mà gặp đám «cô dâu chú rể» nhộn nhịp vui vẻ như thế thì chỉ cần mau mồm mau miệng chúc vợ chồng người ta «tốt đôi», «tốt đôi!»⁽¹¹⁾ thế là người ta khoái chí nhất đời... mà kể cả những đôi vợ chồng cặp kè bên nhau được khen một câu như thế cũng thích chí phải biết... chứ cứ gì «cô dâu chú rể»!... Người ta thì thích mà mình lại được dịp làm quen với người ta thì mới khôn ngoan ra được chứ!

Anh chồng nghe vợ nói, lại như sáng mắt ra, bèn quyết đi «học khôn» một phen nữa.

Sáng hôm sau, anh chàng Đần lại lên đường. Và để cho dễ nhớ lời vợ dặn, trên đường đi gặp bất cứ ai, ông già, bà cả, hoặc thanh niên trai, gái, lớn, bé, anh ta cũng cứ luôn mồm lặp đi lặp lại độc có hai tiếng «Tốt đôi!»... «Tốt đôi!»... mặc dầu từ sáng đến trưa anh vẫn chẳng gặp được một «đôi» nào cả! Và cũng như hôm trước, chẳng ai buồn bắt chuyện với anh cho mất công mất việc mà lại bực mình.

Đi đã mỏi chân, mặt trời đã xế bóng mà vẫn chưa «tóm» được «đôi» nào cho ra «đôi» cả, anh ta đang định quay trở về, bỗng nghe thấy tiếng ồn ào ở phía xa xa trước mặt. Rảo bước tới nơi, anh thấy lửa đang bốc cháy ngùn ngụt ở một ngôi nhà to cuối làng. Tiếng trống ngũ liên⁽¹²⁾, tiếng tù và⁽¹³⁾,

tiếng người la hét náo động cả một vùng. Người xách nước, kẻ vác câu liêm⁽¹⁴⁾, người bê đồng chiếu ướt... càng ùn ùn kéo tới, leo lên mái nhà để cố dập tắt ngọn lửa. Phía ngoài đường, hai vợ chồng ông chủ nhà đã có tuổi đang đứng trông nom hàng đồng đồ đạc từ trong nhà bốc cháy được mọi người khuôn ra giúp. Nhác trông thấy vợ chồng nhà chủ đang lúi húi cặp kè bên nhau, nhớ lời vợ dặn, như gặp được cơ hội hiểm có, anh chàng Đần vội chạy ngay lại tay bắt mặt mừng và kêu lên rối rít:

— A ha! Chúc mừng hai bác thật là «tốt đôi», «tốt đôi»! Xin chúc mừng... «tốt đôi!»...

Đang lo bị tai họa cháy nhà mất cửa, lòng dạ rối như mớ bòng bong, lại có cái anh chàng nào tự dưng chột chột nhả nhả đến lấp ba lấp bấp những gì chẳng rõ giữa tiếng ồn ào huyên náo, người chủ nhà bèn quát lên:

— Cái gì? Cái gì? Anh nói cái gì thế?

Anh chàng Đần liền ghé luôn vào tai bác la hét tướng lên:

— Tôi bảo: «tốt đôi», «tốt đôi»... Hai bác đã khoái chí chưa nào?... «tốt đôi», «tốt đôi»... đã nghe rõ chưa?

Thoảng như hiểu ra điều gì, đôi mắt bác chủ nhà bỗng long lên sòng sọc, bác ta túm ngay lấy cổ anh chàng Đần, miệng hô hoán lên:

— Thằng này đốt nhà! Thằng này đốt nhà! Ồi làng nước ơi! Tôi tóm cổ được thằng đốt nhà đây rồi! Làng nước ơi!

Mọi người đang rối rít lên mãi chữa cháy, vội quay phắt ngay lại, cùng hét lên:

— Đâu, đâu?... đũa nào đốt nhà? đũa nào là thủ phạm đốt nhà? đâu? đâu?... bắt lấy nó! trói nó lại!... Bác cứ gô cổ nó lại!... chữa cháy xong, chúng tôi sẽ hỏi tội nó!...

Thế là cả hai vợ chồng bác chủ nhà và thêm một lũ trẻ con quanh đấy xúm lại túm chặt lấy anh chàng Đần. Hoảng quá anh ta vừa giãy giụa, vừa kêu lên:

— Ô hay! Cái nhà bác này! Tôi bảo «tốt đôi», «tốt đôi» cơ mà!

Bác chủ nhà càng quát lên dữ hơn :

— À! Mày bảo mày đốt! Chính mày đốt à? Ông sẽ thiêu sống mày ngay trong đồng lửa kia kia!...

Hai bên đang giằng co, xô đẩy nhau, chột va phải cái chính tương (15) đổ kênh ngay ra sắp lặn xuống rãnh. Tiếc của bác chủ nhà nói tay một chút để lấy chân chặn cái chính lại. Đang lung tung thì anh chàng Đản vùng mạnh ra khỏi tay cả hai vợ chồng, xô cho lũ trẻ ngã nhào nhào rồi ù té bỏ chạy thục mạng.

Xăm tối mới bò về tới nhà, vừa đói, vừa mệt, vừa bị một phen hú vía, lại vẫn bị chị vợ té tát luôn cho một chập :

— Trời ơi là trời! Đản ơi là đản! Đản đâu mà có cái thứ đản đến thế là cùng! Người ta đang truy cho ra cái dừa đốt nhà thì như «lạy ông tôi ở bụi này» đi hét vào giữa mặt người ta «tốt đời», «tốt đời», thế thì có khác gì bảo người ta rằng «tôi đốt», «tôi đốt», chứ còn «ai đốt» vào đấy nữa! Trời đất, sao họ không thiêu sống luôn bỏ nó đi cho hết tiết cái thứ đản đến thế là cùng!

Anh chàng Đản nghe vợ mắng như sự tình con mẹ, nhưng vẫn thộn mặt ra hỏi vợ :

— Thế bu nó bảo tôi phải làm như thế nào mới được? Sao bu nó không dặn tôi trước? «tốt đời», «tốt đời» mà lại bảo là «tôi đốt», «tôi đốt», thế là cái quái quỷ gì?

Chị vợ lại nguyệt dài và giảng giải cho chồng :

— Thế này này, đản ơi là đản! Đi đường mà gặp những chuyện rồi ren «hữu sự» (16) như vậy, thấy người ta làm thế nào thì mình cũng bắt chước người ta xắn tay áo lên cùng với mọi người giúp giập vào một tay một chân chứ đừng có đứng ngoài mà «lí sự... lí siếc» (17) cái mồm để chuốc lấy vạ miệng vào thân như hôm nay ấy! Đã nghe ra chưa? Ôi, đản đâu lại có cái thứ đản đến thế là cùng!

Anh chàng Đản nghe vợ nói lần này lại như sáng hắt mắt ra hơn cả những lần trước. Anh ta nghĩ bụng : thế thì «bắt chước» thiên hạ cũng chẳng khó gì, bèn hăm hở quyết đi «học khôn» một chuyến nữa xem sao.

Thế là mới gà gáy canh ba hôm sau, trời còn nhá nhem tối, anh ta đã hăng hái lên đường. Nhưng chuyến này chẳng chờ đợi lâu la gì, mới đi tới nẻo đường vắng sau ngôi miếu (18) hoang ở cuối làng trên, anh ta đã gặp luôn hai gã đàn ông to béo không nhìn rõ mặt đang ầu ẩu đá nhau loạn xạ, kẻ thương căng chân, người hạ căng tay, chẳng gã nào chịu thua kém gã nào một miếng. Anh ta cũng chẳng hề biết rằng đó là hai tay mới đi «ăn sương» (19) về rũ nhau ra sau miếu để chia nhau học tiền mới ăn trộm được, nhưng tay nào cũng đòi phần hơn nên mới sinh ra loạn đá. Thấy có chuyện rồi ren đúng là «hữu sự» thật, chẳng hiểu «đầu cua tai nheo» ra sao, nhớ tới lời vợ vừa mới căn dặn hôm trước, anh chàng Đản liền xắn luôn tay áo xông vào kêu lên : «Đề tứ giúp cho một tay! Đề tứ giúp cho một tay!...». Hai gã ăn trộm gã nào cũng tưởng anh ta là người cùng cảnh gã kia đến giúp sức để choảng mình, bèn cũng xông luôn ngay vào nện cho anh chàng hung hăng mới đến này những quả đấm như trời giáng làm anh ta đổ kênh ngay ra mặt đất. Bị ngay đòn phủ đầu đau quá, chột nhớ tới lời vợ dặn, anh ta liền ù ừ kêu toáng lên : «Ồ kia, ô kia! Tôi có «lí sự... lí siếc» gì đâu! Tôi... tôi chỉ giúp các đảng ấy... một tay thôi mà!». Hai gã ăn trộm «đấu võ» với nhau từ sớm đã đến lúc thở cả ra đằng tai, thoáng nghe thấy anh ta ù ở «lí... lí... tay... tay...» gì đó thì lại ngỡ anh chàng này đe rằng anh ta là người nhà ông «lí» (20)... sẽ cho chúng «biết tay»! Thế là hai gã chột dạ sợ từ một gông (21) với cụ «lí» đến nơi, bèn hốt hoảng kéo nhau bỏ chạy, để trơ lại một mình anh chàng nằm chổng quèo dưới đất, mặt mũi sưng vêu!

Lần này, tuy trời còn sớm mới trông rõ mặt người, nhưng anh chàng Đản cũng lủi thủi quay luôn về nhà để trách vợ chẳng dạy «khôn» lại xui đại mình để đến nỗi lại bị ăn đòn như xương.

Bất đồ anh ta lại bị vợ nhiếc luôn :

— Ôi, đản ơi là đản! Thấy người ta choảng nhau thì mình phải vào can người ta ra, rồi khuyên giải người ta một câu

« một điều nhin là chín điều lành » chứ ! Mình là « người giữa » phải « chữa đôi bên » (22), đã không hòa giải họ thì chớ, sao lại lặn vào mà « đánh hôi » (23) với người ta, có khác gì « đổ thêm dầu vào lửa » cho nó cháy luôn cả chân cả tay mình ? Ôi, dần dần mà có cái thứ dần đến thế là cùng !

Thì ra cứ mỗi lần nghe vợ biện bạch cho một hồi đầu ra đây là anh chàng Dần lại như sáng mắt ra. Nhưng lần này thì quả thật anh ta đã thấy thấm thía : cứ học khôn học ngoan được như cái « li sự » của vợ cũng đủ « vỡ mây vỡ mặt » ra rồi ! Anh chép miệng than thở :

— Bu nó bảo « đi một ngày đang học một sàng khôn » mà đi đến mấy ngày đang rồi chỉ rất thấy những thui với đâm với đá, gây gộc, bốp cốp, chòn sòng, thiên sông... chẳng thấy thằng cha nào dạy khôn dạy ngoan cho mình cả !

Chị vợ liền bật cười khanh khách :

— Ôi, dần ơi là dần ! Cái khôn cái ngoan nó ngấm vào da vào thịt, nó thấm vào xương vào cốt ấy chứ, « miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời », dần có phải như cái bánh cái trái người ta trao vào tay hay dút vào túi cho mình được ! .. Thiên hạ chán vạn người con phải lên rừng xuống biển đi khắp gầm trời mà cũng chưa dễ gì học được hết mọi cái khôn ngoan, thật giả ở đời ấy chứ, bớ nó mới đi có vài ngày đang bắt quá cũng chỉ ở mấy cái làng trên, xã dưới quần quanh cái xó huyện này thôi chứ đã ăn thua gì !

Nghe nói đến chuyện thiên hạ lên cả rừng xuống cả biển để « học khôn », từ thuở cha sinh mẹ đẻ chưa được đi tới đâu ngoài cái lối xóm nhà mình, anh chàng Dần lấy làm lạ lắm, bỗng thích chí bảo vợ :

— Ủ, hay bu nó cứ để tôi lên rừng xuống biển một chuyến « học khôn » xem nó thế nào !

Thế là ngay sáng hôm sau, từ gà gáy canh một, anh chàng Dần lại còm còm còm năm xin thêm vợ quan tiền (24) giắt ở thắt lưng quyết chí lên tận rừng xanh để học khôn. Nghe vợ dặn, anh ta cứ nhắm hướng mặt trời lặn mà cắm đầu rảo

bước, đi cho mãi đến xam xẩm tối thì lối rừng thật. Tiếng chim kêu vượn hót, cảnh rừng núi vắng vẻ, âm u... mọi thứ đều làm anh chàng lạ mắt lạ tai, cứ thế dần bước đi mãi vào sâu trong rừng lúc nào không biết.

Bỗng một cảnh kì lạ làm anh chợt dừng chân lại : hai con vật gì to lớn như đôi bò mộng, lông lá xồm xoàm đầy những vết vân đen như vết cháy xém, đang vờn nhau, cả hai cùng đứng lên trên hai chân sau để đu đầy nhau, rồi lại vuốt cả vào mặt nhau bằng hai chân trước to bằng những chiếc cột nhà và đầy những móng sắc nhọn. Á a ! Đám này đang gây sự với nhau, lại sắp loạn cả rồi đây, giống như cái đám hôm qua ấy mà ! Nhớ lời vợ dặn, anh chàng Dần xông ngay lại và kêu to lên :

— Thôi thôi, « một điều nhin là chín điều lành », tớ là « người giữa » tớ « chữa đôi bên », chớ có ầu ả chẳng có lợi lộc gì cho bên nào đâu ! ...

Hai con vật to lớn bỗng giắt mình cùng ngoái đầu lại. Một tiếng gầm dữ dội chợt vang lên làm cho anh chàng Dần cũng giắt hẳn cả người. Thì ra đó là một cặp vợ chồng cộc đang đùa rồa với nhau sau khi đã no mồi. Thấy bỗng người xuất hiện bất ngờ, cộc cái chợt thẳng thốt gầm lên một tiếng rồi quay đầu bỏ chạy. Cộc đực cũng gầm lên một tiếng dữ dội hơn làm lá cây rụng xuống rào rào, rồi quay hẳn đầu lại, trườn mình về phía kẻ « địch » mới đến. Anh chàng Dần bỗng run lẩy bẩy, hồn vía lên mây, vội quay đầu bỏ chạy. Cộc đực quật mạnh đuôi một cái, lại gầm lên một tiếng rung cả vách núi. Chàng Dần kinh hoàng quá vội leo tót ngay lên một cái cây to gần đấy. Cộc đực quật đuôi luôn một cái nữa rồi chồm ngay lại dưới gốc cây, trợn trừng ngó thẳng lên mặt anh chàng bằng đôi mắt đỏ như hai cục máu, miệng gầm gầm gừ gừ một thời một hồi làm cho anh chàng càng run lên như cây sậy. Chán chê sau đó cộc đực mới nằm phục ngay xuống dưới gốc cây, rồi chỉ một lát đã ngáy ầm ầm. Cho tới gần nửa đêm, cộc cái bỗng lững thững tới đánh thức cộc đực dậy, vợ chồng cộc lại vờn nhau giẫy lất rồi theo nhau đi liti vào rừng sâu để săn mồi, quên khuấy mất



Học khôn -

con mới đang ngồi run cầm cập trên một cành cây to ngay phía trên chỗ cộp đực nằm ngủ. Phải đợi tới gần sáng hửng, nghe tiếng gà rừng gáy, xem chừng yên ắng, chàng Đản mới dám từ từ tụt từ trên cây xuống và cầm đầu cầm cổ chạy một mạch ra khỏi khu rừng.

Suốt ngày hôm đó, anh chàng cứ lập cả lập cập vừa đi vừa chạy để mau chóng về tới nhà trông thấy vợ mới yên trí là mình còn sống.

Nghe kể lẽ đầu đuôi, chị vợ thoát đầu cũng rung mình sồn gáy, nghĩ mà hủ vía cho cái dẫn độn đến thăm hại của anh chồng. Nhưng sau nghĩ thế nào chị lại bật cười bảo chồng :

— Ôi thế là lần này bố nó « khôn » lắm đấy chứ ! « Khôn » nhất trần đời đấy !

Anh chồng thộn mặt ra trách vợ :

— Ô hay ! Bu nó còn giều tôi nữa cơ à ? Chỉ thiếu chút nữa là chui vào bụng cộp để mà « học khôn » à ?

Chị vợ phì cười :

— Thế mà bố nó không chui vào bụng cộp mới là « khôn » chứ ! Giả vì thử cứ chui đầu chui cổ chạy thêm vài bước nữa xem liệu bố nó có nằm trong bụng cộp rồi không ? Thế chả phải là « khôn » nhất trần đời rồi còn gì nữa !... Ôi, dân ơi là dân ! « Khôn » đến như thế mà cũng không biết là « khôn » nữa !

Anh chồng bỗng ngẩn mặt ra : lần đầu tiên trong đời, suýt nữa chui vào bụng cộp, anh ta mới được chị vợ khen anh ta là « khôn » ! Chẳng hiểu nghĩ thế nào, anh bỗng ngớ ngẩn nói với vợ :

— Thì ra... cái giống « cộp » nó dạy « khôn » nhanh thật đấy, bu nó nhỉ !...

ĐỖ QUANG LƯU kể
(Phỏng theo truyện cười dân gian
Việt Nam).

A/ Chú giải

1. Đột cò (cãi cò) lời quạ tiếng lại. 2. Thộn mặt ra : ngớ ngẩn một cách dẫn độn. 3. Cái ngữ : cái hang người (ý khinh miệt). 4. Xổ lá

ba que: đều cang. 5. Đám: đám ma (nói lái), Đám tang, lễ đưa người chết đến chỗ chôn cất. 6. Suối vàng: nơi linh hồn người ta đến ở sau khi chết (theo quan-niệm mê tín cũ). Xuống suối vàng: chết. 7. Xúi quẩy: gặp điều không may, điều xấu. 8. Khăn là áo lượt: (là, lượt: những đồ dệt bằng tơ thưa và đẹp) ý nói đội khăn và mặc áo bằng là và lượt sang trọng, chỉnh tề. 9. Áo thụng xanh: (cũ) áo dài tay và rộng thùng thình thường may bằng vải tơ thưa đẹp nhuộm màu xanh lam, dùng để mặc (nam giới) khi tế lễ thời xưa. 10. Bình hương: đồ sứ hình ống tròn rộng và thấp đựng cát hoặc tro để cắm hương thấp ở bàn thờ. 11. Tốt đôi: (Đôi trai gái) xứng đáng là vợ chồng với nhau; ý nói xứng với nhau về tuổi, về sức khỏe, về hình thức bên ngoài hoặc về tính tình bên trong. (Nói lái lại thành: « Tồi đôi »). 12. Ngủ liềm: (trống đánh) một hồi nam tiếng liềm (khi báo động: vỡ đê, cháy nhà, có giặc cướp...). 13. Tú và: thứ còi lớn làm bằng sừng trâu bò hay vỏ ốc to... dùng để báo hiệu hoặc báo động ở nông thôn. 14. Cầu liềm: dao quần có cán dài vừa tầm để cắt được cành cây ở trên cao hoặc để dỡ mái nhà khi chữa cháy... 15. Chỉnh tương: chỉnh đưng tương (chỉnh: xem chủ giải ở truyện số 1). 16. Hữu sự: có chuyện (rắc rối hoặc bất thường) xảy ra. 17. Li sự: Cãi lể phải trái trước một sự việc xảy ra. 18. Miếu: đền thờ cỡ nhỏ. 19. Ăn sương: ăn trộm ban đêm. 20. Ông lí: lí trưởng (viên chức đứng đầu một xã trong thời phong kiến và thực dân). 21. Gông: đồ bằng gỗ hoặc bằng tre dùng để đeo vào cổ một tội nhân (cũ). Từ một gông: ý nói từ đến già đời, từ suốt đời. 22. Tội là người giữa tội chữa đôi bên: (thành ngữ) chỉ người trung gian đứng ra can để hòa giải đôi bên. 23. Đánh hời: mượn cớ vào can một đám đánh nhau để đánh người mà mình không ưa. 24. Quan tiền: đơn vị tiền tệ thời phong kiến (1 quan bằng 10 tiền, 1 tiền bằng 60 đồng kẽm).

B/ Ý nghĩa :

Thời phong kiến, người phụ nữ bị xem thường và được coi như hạng người kém cỏi suốt đời phải phụ thuộc vào người đàn ông, không có quyền tự định đoạt gì cả: ở nhà thì phục tùng cha, đi lấy chồng thì phục tùng chồng, chồng chết thì phục tùng con.

Truyện cười « Học khôn » trên đây chính là một biểu hiện của sự phản ứng mạnh mẽ trong dân gian chống lại quan niệm bất công đó bằng cách phơi bày ra trước mắt mọi người một « mẫu người » đàn ông đàn độn, hoàn toàn phụ thuộc một cách thảm hại vào người đàn bà (chị vợ) từ lời ăn tiếng nói cho tới cách ứng xử ở đời và trở thành một đối tượng rất tức cười trước thiên hạ.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	3
1. Tấm Cám (Cổ tích Việt Nam)	5
2. Bà mẹ và đứa con (Cổ tích Việt Nam)	12
3. Hũ bạc của ông già đốt than (Cổ tích Chăm)	18
4. Con gái người chẵn cừu (Cổ tích Anh)	21
5. Chuyện bảy anh em chú bé mồ côi (Cổ tích Man-gat-sơ)	23
6. Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn (Truyện cổ Grim — Đức)	28
7. Sự tích chim quốc (Cổ tích Việt Nam)	35
8. Ngày mừng thọ (Truyện danh nhân Việt Nam)	39
9. Cò bé Lọ Lem (Truyện cổ Pe-rô—Pháp)	43
10. Chuyện ông Phùng Hưng đánh cướp (Truyện danh nhân Việt Nam)	48
11. Sự tích ông Táo lên châu trời (Cổ tích Việt Nam)	52
12. Nàng công chúa ngủ trong rừng (Truyện cổ Pe-rô—Pháp)	55
13. Lu-i Pa-xơ và em bé (Truyện danh nhân Pháp)	62
14. Thỏ Rừng và Hùm Xám (Truyện cổ Khơ-me)	66
15. Nhà thơ độc nhất của vương quốc Đa-ghét-xtan (Truyện cổ Nga)	69
16. Vụ án cũ để lại (Truyện cổ Trung Quốc)	72
17. Pho tượng của nhà điêu khắc (Truyện cổ Đức)	75
18. Chuyện anh lái đò ở kinh đô (Truyện cười Việt Nam)	78
19. Trạng Lợn đi sứ phương Bắc (Truyện cười Việt Nam)	81
20. Bà rùa ấy (Truyện ngụ ngôn Liền Xô)	84
21. Thạch Sanh (Truyện cổ Việt Nam)	88
22. Con hồ có lá gan chuột nhắt (Cổ tích ngụ ngôn Ấn Độ)	97
23. Cây đèn thần (Truyện cổ Ả-rập)	100
24. Hai lần gặp gỡ (Truyện chống Mĩ của Việt Nam)	113
25. Ông chủ cửa hàng bánh kẹo (Truyện chống Mĩ của Mê-hi-cô)	121
26. Học khôn (Truyện cười Việt Nam)	128